16°
Indoch
424

P. N. KHUÊ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 2402

ÓC KHOA HỌC

MỘT PHƯƠNG PHÁP RÈN LUYỆN

TRÍ XÉT ĐOÁN

1943 | PDF | 210 Pages
buihuuhanh@gmail.com

VĂN MỚI 11 VÀ 12
25 Mai 1943
HAN THUYEN

424

25 Juin 1943

XIN
ĐỌN
COI :

ĐỜI SỐNG THÁI CỔ

Quyển II trong bộ :

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

của

NGUYỄN - ĐỨC - QUỲNH

đăng trong

VẠN MỚI SỐ 13 VÀ 14

Ra ngày 25-5- 43 — TẬP MỚI Số XI và XII

VĂN MỚI

TẠP CHÍ PHỔ-THÔNG GIÁO-DỤC

MỖI THÁNG RA HAI KỲ

Chủ nhiệm : **NG. XUÂN LƯƠNG.**

Chủ bút : **NG. ĐỨC QUỲNH**

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

14 bis Rue Rondony — HANOI

số đăng trọn một thiên khảo cứu hoặc cảo luận về một đề khoa học, văn học, triết học, sử học, xã hội học...

Số này bắt đầu đăng bộ :

SUC KHOE TINH THAN

Quyển I : ÓC KHOA HỌC

Tác giả: **P. N. KHUÊ**

Autorisé (publication créée antérieurement à la loi du 13 Décembre 1941)

CẢI CHÍNH

Trang 25, giòng 9, **chẳng** đọc là : **chặng.**

» 33, » 3, 4, 5, đọc là : **cho thằa thánh...đó là một thể cách trí thức thông thường của người nhà quê ta.**

» 58, » 21, **cây đa** đọc là : **cây Tơ.**

» 58, » 22, **nhựa thó** đọc là: **nhựa thơ.**

» 58, » 24, **elle tourrne** đọc là : **èlle est tournée.**

» 59, » 2, **điều** đọc là : **điệu.**

» 59, » 3... đọc là : **đạo lý, — lẽ sống.**

» 59, » 11, **cành hoa nắng rỡn** đọc là : **cánh hoa nắng giỡn.**

» 59, » 24 đọc là : **Xuân thu nhã tập — trích ở những trang 63 - 66 - 67.**

» 62, » 1, **bác cổ** đọc là : **bát cổ.**

» 63, » 14, 15... đọc là : **làm cho ta ngộ nhận giá-trị của văn hóa tây - phương — một thứ văn hóa.**

» 74, » 2, **đọc là : trong tập La culture et nous của nhóm Responsable.**

» 74, » 6, đọc là : **rồi rào :»**

» 74, » 25, đọc là : **Nếu chỉ đứng trong...**

» 77, » 4, **thể cách trí thức** đọc là : **nền học nhân bản.**

(xem tiếp trang 204)

SUC KHOE TINH THAN

OC KHOA HỌC

P. N. Khuê

biên khảo

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 29024

VĂN MỚI TẬP MỚI
Số 11 và 12 — Ra ngày 25 Mai
1943

HAN THUYÊN

16° Indoch.
724

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Đã xuất bản

— **Một sức khỏe mới**

— **Nguồn sinh lực**

— **Nghị lực**

Sắp xuất bản

— **Cải tạo sinh lực**

Đang soạn

— **Yêu-đời**

— **Con đường khắc-khổ**

TỰ'A

Óc khoa học *là một danh từ dịch ở tiếng Pháp ra (esprit sicentifique). Tuy nó mới nhập tịch tiếng ta, nhưng cũng đã thành quen thuộc lắm rồi, nhất là đối với những người tây học.*

Tùy người dùng, tùy chỗ dùng, có khi nó biểu thị một cái gì nghiêm trang, chặt chẽ, đanh thép, một cái gì sáng sủa, vững vàng, sâu sắc, rộng rãi ; có khi nó lại đượm những vẻ nghênh ngang, kiêu kỳ, hợm hĩnh, lố bịch ; có khi nó lại dùng để dấu diếm những điều trái khoa học, phản khoa học nữa.

Danh từ **óc khoa học** *chưa có ý nghĩa xác định rõ rệt, có lẽ tại chúng ta chưa có khoa học. Mỗi người gán cho nó một ý nghĩa riêng, tùy theo*

cái quan niệm riêng của mình — đúng hay sai, rộng hay hẹp, sâu hay nông — về khoa học. Những ý nghĩa riêng ấy thường có nhiều tính cách chủ quan hơn là khách quan.

Tuy vậy, danh từ óc khoa học cũng đã « có mặt » và đã thông dụng trong xã hội ta, và ít ra nó cũng phản chiếu đúng một cái gì : một thắc mắc, một khuynh hướng, một nhu cầu của cả đoàn thể.

1· — Trước hết, sau một thời kỳ tiếp xúc với người Âu-châu, với văn minh Âu-châu, chúng ta cảm thấy rằng có một lối nhận xét sự vật, một lối suy nghĩ, một cách hiểu biết, một thái độ tinh thần khác hẳn với những thể cách tinh thần hiện đang thông dụng của ta. Ta đã cảm thấy rằng cái lối nhận thức mới này hình như vững vàng hơn, tinh sảo hơn, đắc dụng trong đời sống ngày nay hơn. Ta bắt đầu hoài nghi những giá trị tinh thần nó đã tỏ ra bất lực và không thích hợp nữa. Ta không biết đã đến lúc phải phá

đồ chúng hay chưa ?

2) — Ta lại muốn tìm hiểu xem, ở ở các xã hội văn minh, nhờ có những điều kiện vật chất và tinh thần nào, mà Khoa Học đã nảy nở ra được ? Ta muốn biết xem Khoa học đã phát-triển như thế nào ? đã qua những chặng đường nào, qua những biến thái nào rồi mới thành rực rỡ, mãnh liệt như ngày nay ?

3) — Sau cùng — đó cũng là lẽ tự nhiên — ta cũng muốn tự tạo cho ta một khí giới lợi hại là óc Khoa học, một sản-phẩm thực dụng và quý giá là Khoa-học. Nhưng làm thế nào ? phải rèn luyện óc khoa-học trước để cái này tạo ra Khoa-học ? Hay là phải đợi cho có Khoa học đã rồi mới có thể làm nảy ra óc Khoa-học được ? Phải làm chuồng trước ? Hay tậu bò trước ? Vì hiện nay ta chưa có thứ nào cả.

Mục đích quyển sách này là tìm cách trả lời những câu hỏi trên đây. Nội dung gồm có ba phần : một phần phê bình những cách nhận thức khiếm khuyết của

ta, một phần nghiên cứu sự phát triển của óc khoa học, và một phần thực hành trình bày một vài cách rèn luyện trí xét đoán.

Tôi không dám quên rằng : vấn đề Khoa học không phải chỉ là một vấn đề tri-thức. Nó còn có liên quan mật thiết với sự sinh tồn của chúng ta, đến đời sống hàng ngày của chúng ta, đến cuộc tiến hóa của chúng ta nữa. Nhưng nếu tất cả chúng ta đều hiểu lẽ đó, thì một ngày kia gần đây, Khoa-học sẽ chiếu tỏa hào quang vào khắp mọi chỗ tối tăm và ẩm thấp trong xã-hội. Và khi ấy, óc khoa học , đối với chúng ta, sẽ không còn gì là xa lạ nữa.

Hanoi, 1er Avril 1943

P. N. KHUÊ

PHẦN THỨ NHẤT

CHU'O'NG I

Cần phải đặt rõ vấn đề nhận thức

1 § ***Một khí giới trong đời sống.***

Chúng ta thường gặp những bạn thanh-niên, sức khỏe có, học vấn có, tài hoa có, nhiệt tâm có, lý tưởng có, vậy mà lúc ra đời, lại bị thua kém, bị rày đạp, bị khổ nhục, bị sa-ngã! Cho đến nỗi mới trong vòng ba mươi tuổi họ đã yếu đuối, chậm chạp, buồn rầu, chán-nản: ở những người sớm già cỗi ấy, nguồn tình cảm hầu như đã khô cạn và sức hoạt động không còn gì.

Người ta hay phàn nàn cho họ và đổ tội cho số mệnh (?) họ đã sui ra như thế.

Không phải. Những người xấu số (?) ấy chỉ là những tên lính bại vong cần phải làm cho tỉnh ngộ. Trong trận đấu gay go là cuộc đời, họ bị thua là đáng lắm. Vì họ quá cậy vào sức khỏe, vào học vấn, vào tài hoa của họ, và họ quên rèn luyện một khí giới rất cần thiết để chống lại với kẻ thù (những trở lực của sự sống) ở chung quanh họ hoặc ở ngay trong giới họ.

Khí giới ấy là một ánh lửa dẫn đường quan trọng hơn hết tất cả mọi thứ đức tính khác: Nếu ta không sáng suốt thì ta sẽ gặp thất bại ở mọi trường hoạt động. Lòng hăng hái mù quáng chỉ đẩy ta sâu mãi vào vòng lầm lẫn, và nguyện vọng ta càng cao, thì sự đổ ngã của ta càng tai hại, càng đau đớn; trái lại, nếu ta rụt rè, luẩn quẩn, tê liệt không hành động được, cũng chỉ là vì ta không hiểu rõ nên làm như thế nào, phải làm như thế nào.

Trong đời sống hằng ngày, *biết* và *làm* là hai việc không thể đem tách ra được. Có biết thì mới dám làm; có biết rõ thì mới làm mạnh, có biết đúng sự thực

thì làm mới thành công được. Có can trường cũng chưa đủ. Còn cần phải sáng suốt nữa. Sự biết cũng quan trọng ngang với sự làm, còn khó khăn hơn sự làm.

Vậy làm thế nào để biết sự thực ? để hiểu những chân-lý thiết - dụng ? theo phương pháp nào để rèn luyện cho khối óc thành mẫn nhuệ, đắc lực ? làm thế nào để tự tạo cho mình những tư tưởng rõ rệt, một trí tuệ linh hoạt, một thái độ tinh thần sáng sủa, mạnh mẽ, đường hoàng ?

Nhưng thế nào là biết ? là hiểu ? là thông minh ?

2 § *Những quan niệm mơ hồ về trí.*

Những danh từ ấy, trong tiếng ta, chưa có ý nghĩa xác định. Chúng ta thường lẫn một người có học vấn với một người có kiến thức, một người sảo trá với một người thông minh ; ta tưởng lầm rằng một người nhiều kinh nghiệm ắt phải là một người có đạt kiến, một người già ắt phải sáng suốt hơn một người trẻ ; ta quên rằng học và hiểu là hai việc khác nhau ; ta không phân biệt trí xét đoán với trí nhớ ; ta không ngờ

rằng một người « sáng da » (nhớ nhiều hiểu mau) nhiều khi chỉ hiểu biết sự vật một cách rất hẹp hòi nông nổi... Chính vì thế mà những kẻ nhớ sách nhiều (những con vẹt to đầu) lại tự cho mình là những bậc thượng trí (?) hơn đời; những kẻ khôn khéo ranh mãnh được coi là những người thông hiểu lẽ phải, những kẻ giảo hoạt khoe khoang vẫn được nhiều người kính nể!... Căn nguyên của cái tình trạng hỗn độn ấy, cần phải tìm ở nền móng và kiến trúc xã hội ta xưa và nay, ở những chương sau chúng ta sẽ bàn tới.

Ở đây, muốn khỏi lẫn lộn trong khi suy luận ta cần phải có một quan niệm rõ rệt về sự hiểu biết.

3§ Trí khôn là gì? —

Cái mà ta gọi là trí, trí tuệ, trí thông minh không phải là một *cái khiếu* riêng biệt trong tinh thần con người. Đó cũng không phải là một đặc tính của khối óc. Thuyết homo sapiens (con người có trí khôn) bây giờ không thể nào đứng vững được nữa (sẽ nói rõ ở phần thứ hai). Vậy trí khôn là cái gì? Theo giáo sư H. Piéron là người chuyên về tâm lý học

thực nghiệm, thì ở khi nào tinh thần ta chuyển biến để giải quyết những vấn đề mới trong đời sống, giải quyết để cho con người thích ứng với hoàn cảnh, cái năng lực chuyển biến ấy gọi là tri khôn » (L'intelligence apparait comme une capacité d'adaptation, une aptitude à résoudre des problèmes nouveaux, sans que cette capacité relève d'une faculté particulière de l'esprit. En effet quand un esprit se heurte à un problème, c'est avec toutes ses ressources qu'il travaille pour aboutir à une solution valable.)

(Le développement mental et l'intelligence.)

Nói một cách khác, tri khôn (hay trí tuệ, trí thông minh) là một thể cách hoạt động của tinh thần. Trong sự hoạt động ấy, không phải chỉ có một tác động đơn sơ là sự hiểu biết. Trái lại có nhiều tác động hoặc cùng diễn ra một lúc, hoặc lần lượt diễn ra. Các nhà tâm lý học thường phân ra : sự nhận những cảm giác mới (perception), sự nhớ lại những cảm giác cũ (mémoire), sự chú ý (attention), sự liên tưởng (association des idées), sự tưởng-tượng (imagination), sự sáng tác (invention),

sự lý luận (raisonnement) — trong ấy có phân tích (analyse) — khái quát (généralisation), tổng hợp (synthèse) ; sự xét đoán — trong ấy có phê bình (critique), tín ngưỡng (croyance), dự đoán (prévoyance)

Nói tóm lại, sự hoạt động của tinh thần (trong khi giải quyết những vấn đề mới) rất là phức tạp. Ta không nên vin vào một tác động trong bao nhiêu tác động kể trên để đánh giá một trí khôn. Thực ra, có nhiều loại trí khôn, tùy theo cái thể cách hoạt động tinh thần của mỗi người chúng ta. Có người rất mau hiểu biết trong khi học toán pháp, nhưng khi trông vào một cái máy lại mù tịt ; có người phê bình rất sắc sảo, nhưng không bao giờ có sáng kiến gì ; có người lý luận về thuyết lý rất rành mạch, những lúc cần phải xử đối ở đời thì lại bối rối lúng túng ; có người nhớ rất nhiều việc bác tạp mà không bao giờ hiểu rõ cái liên quan giữa những việc ấy. Nếu mà chỉ kể đến cái bản sắc tinh thần riêng của mỗi người, thì ta có thể nói là có nhiều thứ trí khôn khác nhau. Điều này

rất quan trọng về phương diện chọn nghề. Ở nhiều xứ ngày này, có những cơ quan riêng để xem xét tinh thần thành niên và để định rõ rằng xem trí thông minh của mỗi người thuộc về loại nào và ở trình độ nào. Những cơ quan ấy gọi là Tâm-Lý Hướng-Nghiệp viện (Institut de Psychotechnique); các nhà tâm-lý-học chuyên môn về khoa ấy như các ông: A. BINET, PIERON, LAHY... ở Pháp, DECROLY ở Bỷ, MIRA ở I-Pha-Nho . . . đã nêu ra nhiều kết quả mỹ mãn: làm cho thanh niên có lạc đường trong sự chọn nghề.

Ngoài ra, người ta lại có thể « đo » cái mà ta gọi là Tri-Khôn của một người bằng cách xem người ấy giải-quyết những vấn đề cần thiết trong đời sống ra sao (nên nhớ rằng bao giờ người ấy cũng dùng tất cả mọi năng lực tinh thần để giải quyết).

4§ Tri khôn lệ thuộc vào những cái gì?

Tại sao mỗi người chúng ta lại có một cách hiểu biết, một cách xử trí, một trí thông minh khác nhau? không phải tại giời (?) sinh ra ông A thông minh

và sinh ra ông B ngu độn. Trí khôn của ta — dù có siêu việt như thần đồng (?) cũng chỉ là kết quả của những sự kiện vật chất rất cụ thể :

a). Cơ thể chi phối trí tuệ. — Ta không thể chọn một cơ thể hoàn toàn rồi mới ra đời được. Ta mang ở trong máu, trong xương, trong óc ta tất cả những tính cách sinh lý của cơ thể cha mẹ ta, tuy rằng những tính cách ấy đã hỗn hợp với nhau mà biến đổi đi ít nhiều. Vậy khi ta mới để ra thì ta đã có những nội hạch (glandes endocrines) sung túc hoặc nghèo nàn rồi ; thần kinh hệ ta đã bị cấu tạo theo một kiến trúc riêng rồi, đã có một nhịp rung động riêng rồi ; ta đã có một cách thu nhận cảm giác riêng rồi. Nếu cha mẹ ta đã làm bạn lâu ngày với rượu, thuốc phiện hoặc trùng giang mai, thần kinh hệ suy nhược của ta chỉ có thể nuôi dưỡng và chứa chấp được một trí thông minh rất yếu-ớt hỗn loạn. Khi ta bị một kịch bệnh như lao phổi, khô gan, xưng tim... ta dễ sinh ra mỏi mệt, hoặc buồn rầu, hoặc nóng nẩy, ta không thể bình tĩnh và sáng suốt để nhận

xét sự vật như một người khỏe mạnh được. Óc là một cơ quan sống cần phải bổ bằng máu, bằng dưỡng khí, bằng các chất đồ ăn uống, nếu ta bị đói khát thiếu thốn, thì tất nhiên óc ta cũng sẽ khô khan cằn cỗi như một cái cây thiếu nước vậy. Những con nhà nghèo có khi chăm chạp đủ đờ hơn con nhà giầu, người ta thường rẻ bỉu cho là chúng không có « thiên tư », không có « khiếu ». Thiết tưởng cái khiếu ấy người ta đã tích trữ mất của chúng rồi, khi người ta bắt đầu tích trữ ngay cơm gạo của chúng đi.

Ngoài ra, cơ thể còn là nguồn gốc, là nền móng của những dục vọng, những tình cảm, những năng lực cảm xúc và hoạt động của con người. Người ta không thể hiểu biết được nếu không có tình cảm, cũng như một ngọn đèn thiếu dầu không thể cháy và sáng được. Theo Helvetius (một nhà triết học Pháp) thì một người nếu thiếu hẳn tình dục sẽ là người hoàn toàn ngu tối. Trái lại, những nhà bác học, nhà tư tưởng xuất đời tận

tuy, đi tìm chân lý, là những người rất «ham mê»; họ có ở trong người cả một lò lửa tình dục mà họ đem trút vào công việc, đến nỗi trông bên ngoài, ta cứ tưởng là những người khô khan vô tình.

Ở người thường, có khi vì hoàn cảnh khe-khắt, những nhu cầu mãnh liệt của cơ thể bị đè ép quá, những tình dục cốt thiết không phát lộ ra được. Do đó mà tinh thần con người thành ra luẩn-quẩn hoảng hốt, sợ-sệt, phẫn-uất, cuồng-phóng..., trong khi ấy, thần kinh hệ bị siêu vẹo, khối óc bị mụ-mẫm, không làm trọn cái phận-vụ nhận thức của nó nữa. Ở trước mặt một anh biển lận, thì trong khung cảnh thiên nhiên, không làm gì có núi, sông, cây, cỏ, chim-chóc nữa, hắn chỉ trông thấy đó là những mối lợi, những con số, những đồng tiền; ở một người đang mê-đắm tình nhân, các giác quan lu mờ hết; hắn trông xanh ra đỏ, bé ra lớn, xấu ra đẹp... sự xét đoán của hắn không có giá trị gì mấy. Hắn nhìn cuộc đời qua một làn sương mù tự chốn xâu-thẳm của cơ thể bốc lên.

b) Hoàn cảnh xã hội chi phối trí tuệ — Tuy vậy không phải chỉ có cơ thể chi-phối, trí tuệ. Ta còn phải kể đến hoàn cảnh xã hội nữa. Ta hãy đem một đứa trẻ sơ sinh để vào giữa rừng. Nếu nó có thể sống và lớn lên được thì sự hiểu biết của nó cũng rất thô sơ không hơn gì con khỉ. Và ở những xã hội mọi rợ tổ-chức hãy còn khiếm khuyết, trí-thức con người cũng rất đơn-giản.

Trái lại, ở xã-hội văn-minh thì dù muốn hay không muốn, con người ta cũng bị hoàn cảnh nhào nặn luôn luôn.

Nhờ ở những lợi khí đắc lực như sự tổ chức kinh tế, sự tổ chức pháp luật, sự tổ chức giáo dục, những lễ nghi, những phong thói, những dư luận bảo thủ biểu thị ra bằng *ngôn ngữ đã thành lập*... xã hội là một cái khuôn khổ chật hẹp đè ép tinh thần ta, làmcho phải uốn cong theo cái vòng định sẵn ; nhiều khi cái guồng máy xã hội lại lôi kéo người ta với một tốc độ nhanh quá làm cho ta chóng mặt và không nhận thức được gì nữa.

Phần nhiều, khi ta tưởng là ta xét, ta

nghĩ, ta hiểu sự thực, ta chỉ làm theo thành kiến, nghĩa là theo những hình thức tinh thần nhất định mà xã hội đã bày ra để lừa ta vào đó. Ngay khi ta đã có ý thức về cuộc đời của ta rồi, ta cũng vẫn còn chịu rất nhiều ảnh hưởng của xã hội. Những ảnh hưởng ấy kết tụ lại thành một tấm màn, một cái khung. Hình dáng, kích thước, mầu sắc cái khung ấy, ở mỗi người chúng ta lại có những tính cách đặc biệt. Dù sao trong lúc tinh thần ta hoạt động, cái khung ấy bao giờ cũng hiện ra để làm biến mầu sắc và hình thể của sự vật. Ta nhìn qua đó như qua một đôi kính, mầu và thấy sự vật cũng nhuộm theo mầu đó ít nhiều.

Nói tóm lại, trí khôn không phải là một vật độc lập, nó chỉ là kết quả, một sản phẩm của hai cuộc sinh hoạt giao động nhau: cuộc sinh hoạt cơ thể và cuộc sinh hoạt xã hội. H.Piéron cho rằng: « muốn hiểu sự phát triển của trí tuệ, thì phải nghiên cứu sự phát triển của cơ thể — không phải cơ thể trơ trọi — nhưng một cơ thể đặt vào giữa một đoàn thể có tổ chức ».

5 § *Thế lực của trí tuệ* — Sự hoạt

động đặc biệt của tinh thần — mà ta gọi là trí tuệ cho tiện — có ảnh hưởng trở lại đến toàn thể tinh thần, đến cơ thể con người, và đến hoàn cảnh xã-hội và thiên nhiên, đến những nguyên nhân đã cấu tạo ra nó không ?

Nói khác đi, trí tuệ có thế lực gì trong đời sống của con người không ?

Muốn tránh sự hàm hồ, ta cần phải nhớ rằng cái sức hoạt động tinh thần gọi là trí-tuệ ấy ở mỗi người mỗi khác, không thể nhất loạt trả lời có hoặc không được.

Ta có thể phân ra nhiều thứ bậc :

— Ở con trẻ, ở những người mọi rợ, ở những người điên có thương tích trong óc..., những tác-động trí thức (như nhận, xét, nhớ, đoán...) rất sơ sài, rất yếu ớt, rất lộn sộn. Những tác-động ấy chỉ đủ sức gây ra một số hình ảnh lờ mờ bác tạp, không đủ sức kết tinh được thành một ý niệm(concept), một tư tưởng rõ rệt. Lẽ tất nhiên là những hình ảnh lờ mờ bác tạp kia cũng không ảnh hưởng gì mấy đến đời sống của những người ấy. Họ hoàn toàn bị cơ thể và hoàn cảnh sô đẩy đi.

— Ở trên một bậc nữa, là phần đông những người đã trưởng thành, đã biết nhận xét kỹ càng hơn hồi còn thơ ấu, đã nhờ xã hội, giáo dục, kinh nghiệm luyện cho những thể cách suy nghĩ. Họ đã có một ít ý tưởng kiên cố bên cạnh rất nhiều hình ảnh hãy còn mập-mờ rời rạc. Họ không dám phạm những điều xã hội cấm vì *biết* rằng sẽ bị trừng phạt, họ không làm trái những phép vệ sinh cần yếu vì *biết* rằng sẽ bị đau đớn.

Nhưng chỉ có thế thôi. Khi mà pháp luật không can thiệp ngay, khi mà không sầy ra những tai nạn nhỡn tiền, thì sự biết của họ không có hiệu lực gì : một người đánh bạc, uống rượu, mê gái, phạm tội ác... nhiều khi *biết* là không nên làm mà vẫn cứ làm : ở đây nhưng mối cảm súc, những dục vọng tiềm thức là chủ động, trí tuệ, lương tâm, lương tri, cái phần ý thức của con người... chỉ là một ánh lửa leo lét, yếu ớt bên cạnh cái lò tình dục sôi nổi.

Đó là tình trạng tinh thần của số đông. Gần đây các nhà tâm lý học như T. Ribot,

Ernest Dupré, Morel, Geley, Emil Kroepelin, M. De Fleury, A. Delmas .. đã dựa vào sự xét nghiệm thông thường và dựa vào thần kinh bệnh-học để tỏ rõ hiện trạng ấy. Bác sĩ Deschamps nhận rằng « con người ta hoàn toàn bị sức di truyền lôi kéo » (l'homme s'agite, l'hérédité le mène). Ông nói rằng những dục vọng của con người. Ông Marcel Boll lại đặt hẳn ra hai định luật tâm-lý: luật di-truyền là căn bản, và luật tình dục chi phối để xác định chân tướng con người.

Tuy vậy các nhà bác học ấy cũng đã quá thiên về ảnh hưởng của cơ-thể, và quên hẳn ảnh hưởng của xã hội, quên hẳn cái sức mạnh của những tư tưởng lưu hành trong xã hội nhất là khi đã kết tinh thành hệ thống, thành tri-thức-hệ (idéologie) trong những tinh thần mạnh mẽ.

Chúng ta đều biết rằng có những người tuẫn nạn đã có thể sống, chết vì một tư tưởng, một nguyên tắc, một chủ nghĩa. Trí tuệ, ở đây, đã kết tụ được những lực lượng tinh thần để cưỡng lại với sức thúc phọc cơ thể, và sức đè ép của hoàn cảnh.

Tư-tưởng đã thống trị trong con người, trí tuệ đã thành một bó đuốc sáng, soi đường cho con người, mang sức sống lại để nâng đỡ con người.

Hơn nữa trí-tuệ — sản phẩm của cơ thể và của xã-hội — đã có lúc vượt hẳn ra ngoài hai vòng ấy. Nó tạo ra một phương pháp nhận thức vững vàng, tạo ra phương pháp khoa học. Loài người nhờ thế mà khám phá được những lẽ huyền bí của vũ-trụ, sai khiến được những động lực thiên nhiên, đặt tay lên vật-chất, và chế ra những kỹ thuật tinh sảo trong khắp các ngành sinh hoạt, và dám tin ở tương lai mình.

6 § — *Vấn đề nhận thức.*

Xem như vậy thì sự hiểu biết — không phải là sự hiểu biết lờ mờ rời rạc mà là sự hiểu biết rạch ròi có phương pháp, có hệ thống — rất là quan trọng trong đời sống. Trí-tuệ là khí cụ độc nhất của con người để biến cải cuộc sinh hoạt, để tiêu trừ những tai nạn, để nâng nhân-loại từ trình độ u mê và bó buộc của một con vật lên địa vị một người có ý thức và có quyền hành. Cái trình độ tiến hóa của người, đi

ngang với cái trình độ phát triển của tri thức. Cái này phản chiếu đúng toàn bộ tinh thần, phản chiếu luôn cả những cuộc sinh hoạt đã giao động nhau mà làm nẩy ra tinh thần.

Trước khi nói đến óc khoa học là một thể cách tuyệt sảo của tinh thần, ta hãy thử nghiên cứu xem về phương diện tri thức, chúng ta còn ở những chẳng đường nào trong sự tiên triển vĩ đại của loài người,

Chúng ta quan niệm vũ trụ ra sao ? quan niệm con người ra sao ? Chúng ta nhận xét sự vật theo cách nào ? Chúng ta giải thích những hiện tượng quanh mình như thế nào ? Chúng ta phê bình như thế nào ? phán đoán như thế nào ? Tin ngưỡng như thế nào ? Đứng trước những sự thường và những sự bất thường chúng ta sử tri ra sao ?

Khối óc chúng ta làm việc như thế nào ? Tinh thần chúng ta thích ứng ra sao và tỏ thái độ ra như thế nào ?

Đó là một vấn đề rất phức tạp, rất rộng rãi khó lòng mà xét cặn kẽ hết được. Đại

khái, dựa vào sự quan sát hàng ngày trong xã hội ta, ta có thể nhận thấy mấy thứ hình thức của trí-tuệ rất thông thường :

1 — Óc mê tín

2 — Óc hư ngụy

3 — Óc cơ giới

4 — Óc mô lăng

Ba thứ trên mỗi thứ có những tính cách đặc biệt, thứ dưới cùng là một thể cách hỗn tạp do ba thứ kia biến đổi đi ít nhiều và pha chộn lại.

CHƯƠNG II

Ốc mê tín.

Người nhà quê Việt-Nam chuyên về nghề nông ở các nơi thôn giã. Họ ít tiếp xúc với cuộc đời mới ở các nơi đô thị. Phần đông đều vô học. Đời sống của họ phẳng lặng như mặt nước ao tù. Họ mang theo — gần như y nguyên — tất cả những tính cách di truyền cổ lỗ từ thủa nào. Họ quanh quẩn ở nơi chôn rau cắt rốn trong cảnh bùn lầy nước đọng ; họ bị vây ở giữa những đình, những chùa, những nghè, những miếu, những tượng chó đá, những bãi tha ma, những cây cối um-tùm có treo lủng lẳng bình vôi và đồ mã... họ bị chìm ngập trong một không khí lặng lẽ nhưng mà linh động,

trong đó, ma, quỷ, thần, thánh, tiên, phật và cả Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế đang bay lượn phấp phới để ban phúc hoặc giáng họa cho loài người ; họ bị chói chặt trong những tập tục cổ truyền (sự tế-tự, sự cầu cúng, sự ma chay, sự cưới xin), họ bị ám ảnh bởi những tiếng nói nó đã đập vào não họ tự lúc nào và in vào đó bao nhiêu tín ngưỡng sâu xa : lạy giời, nhờ giời, cầu trời khấn phật, quỷ thần chứng giám, thần cây đa, ma cây đề, đất có thổ công, sông có hà-bá v.v...

Trong sự sinh hoạt hàng ngày họ là những người thiếu ăn thiếu mặc, bị áp chế, bị chật vật, luôn luôn lo sợ cho mình và cho những người thân thích. Tuy họ không sợ hùm beo rắn rết như con người thái-cổ, nhưng họ luôn luôn nghĩ đến đói, rét, bệnh tật, đau khổ, chết chóc. Họ bị bận xuốt ngày, xuốt tháng, xuốt năm, xuốt đời vì sinh kế eo hẹp và vất vả.

Ở trong tình trạng nghèo nàn và khốn khó ấy, tinh thần họ phát triển ra làm sao ? Trí-tuệ họ có nảy nở được không ? Và nó có dự phần gì vào đời sống của họ không ?

***

Đứng về phương diện trí thức ta thấy tinh thần họ hoạt động theo hai thể cách :

1· — Thể cách kinh nghiệm

2· — Thể cách thần bí

1· § *Thể cách kinh nghiệm.*

Thể cách này chỉ dùng trong phạm vi nghề nghiệp, vì sinh kế bắt buộc, họ phải để ý quan sát những vật, những hiện tượng có liên lạc trực tiếp đến kỹ thuật sinh sản của họ. Họ lại dựa vào kinh nghiệm của cha ông để lại bằng sự dạy dỗ trực tiếp hoặc bằng những câu ca dao thiết dụng :

— Chớp bắc nhay nháy, gà gáy thì mưa,

— Mồng chín tháng chín có mưa,

Chị em đi sớm về chưa mặc lòng.

Mồng chín tháng chín không mưa,

Chị em bán cả cầy bừa mà ăn.

Nhờ vậy mà họ có một mớ trí thức khá sung túc đủ hướng dẫn họ trong sự làm ruộng đốn củi, đánh cá. Nhà nông biết rõ sự thay đổi thời tiết biết phân biệt các giống lúa, biết lựa chọn các thứ hoa mầu và các thứ phân thích hợp ; người đánh cá biết trông chiều giới mà dự đoán hôm nào bể lặng hoặc nổi sóng ; người đi rừng biết dò xét những lối

châu của thú rữ, biết rõ tính cách của nhiều thứ hoa quả trong rừng.

Những kiến văn ấy, họ giữ đìn kỹ càng lắm để truyền lại cho con cháu, đó là những bài học kinh nghiệm mà bao nhiêu lớp người đã phải trả bằng mồ hôi, bằng máu, bằng bao nhiêu gian nan đau khổ. Về thiên văn, về địa dư, về thảo mộc, về động vật... cũng có khi họ có những nhận xét rất tỉ-mỉ, rất tinh vi, rất thấu đáo.

Tuy nhiên, những kiến văn ấy phần nhiều hãy còn thiếu sót, mập mờ, nhất là rời-rạc không thành hệ thống gì. Trí não họ chỉ mới ghi lại được những hình ảnh đặc biệt của sự vật, có giá trị thực dụng. Nhưng họ chưa nhận được những mối liên quan giữa những hiện tượng. Họ không hiểu tại sao lại có mưa, gió, sấm, sét, tuy rằng họ đã nhận thấy rõ ràng rằng trước khi mưa thì có nhiều mây, trước khi gió thì trời oi bức, họ không hiểu được tại sao « giăng quầng thì cạn, giăng tán thì mưa » tuy họ biết chắc rằng sẽ phải sảy ra như thế.

Họ không hiểu tại sao bởi vì họ không

có thì giờ quan sát kỹ càng nữa. Vả lại về mặt thực hành thì những nhận xét kinh nghiệm kia thường cũng đã đủ dùng rồi.

Nhưng lại có khi họ thấy nắng nhiều quá, mưa ít quá, ruộng khô cả, lúa cháy cả. Họ lấy làm lạ tại sao lại sinh ra như thế, họ cần phải hiểu biết những nguyên nhân của những tai nạn ấy để tìm cách chạy chữa. Kinh nghiệm thô sơ của họ không đủ sức giải quyết vấn đề tri thức mới này — Tinh thần của họ lại soáy ra một kiểu khác.

2 § *Thể cách thần bí.*

Đến đây, tinh thần của con người đứng đứng hẳn lại trên con đường rất rộng rãi và còn xa thẳm : con đường của kinh nghiệm, của luận lý theo kinh nghiệm, tức là của lý-trí, của khoa học. Gặp những trở lực khó khăn, mà lại không gặp được những điều kiện xã-hội giúp sức cho, cái tinh thần còn non nớt ấy lùi lại một bước, rồi rẽ sang một con đường khác, nhỏ hẹp, âm u nhưng mà không có gì ngăn cản : con đường thần bí. Trí-tuệ, sáng sủa, vững vàng trên nền tảng kinh nghiệm lu mờ đi, và nhường chỗ cho một trí tưởng tượng hoảng-hốt, hàm-hồ,

cuồng phóng.

Luật nhân quả thần bí. — Nó bèn tạo ra thần mưa, thần gio, thần sấm sét (thiên lôi) để giảng cái lý do tại sao lại khi mưa khi gió thất thường như thế. Theo cái tâm lý tự kỷ trung tâm (égocentrisme) truyền lại tự đời thái cổ, họ cho rằng tại những thần ấy -- cũng như người trần — đã bị phật lòng vì dân-sự đã phạm vào một điều cấm kỵ (taboo) nào đó rồi. Vậy thi toàn thể (xóm, làng, tổng...) phải họp nhau lại mà cầu khấn thần linh vẫn che chở cho mình (thần ở miếu ở đình, ở sông ở núi, đức Thánh Bà, đức Thánh Ông, ... đó là những lối totem như ở đời Thái-cổ) sẽ nhờ những vị thần này nói hộ với thần mưa thần gió... hay nói thẳng với Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế để cho dân sự làm lễ rửa tội (cérémonie expiatoire) hoặc bằng lễ tam sinh (trâu, dê, lợn) hoặc bằng hình nhân thế mạng (1) hoặc có khi bằng mạng

(1) Trong óc người Thái-cổ thì một hình nhân bằng giấy để tên một người tức cũng là người ấy — tượng (symbole) với vật chỉ là một. Đó là luật tham dự (loi de participation).

người nữa (ở bên Tầu có tục vứt người xuống sông cho Hà-Bá để mong thoát nạn lụt). Trí thức thông thường cho thần thánh can thiệp vào để giải-thích nguyên nhân các hiện tượng, đó là một thể cách của người nhà quê ta. Cách lập luận giản tiện đó, họ dùng để giảng tại sao ta ốm đau, thất bại trong công việc làm ăn ; tại sao ta bị nghèo, bị khổ, bị khinh bỉ, bị dầy séo,... vậy muốn ra khỏi những khổ cảnh ấy, chỉ có mỗi một cách là đi cầu, đi bói, đi đó, xem tội Vạ ở đâu để mà kêu cầu lạy lục.

Thể cách thần bí đã làm thỏa mãn tinh thần hoảng hốt của con người trong chốc lát. Nó cũng dùng luật nhân quả (loi de causalité) để giải thích sự vật. Song những nhân vật vô hình mà nó tạo ra để làm nguyên nhân, lại không kiểm xoát được, nên luật nhân quả ở đây khác hẳn với luật nhân quả chứng nghiệm của khoa học (déterminisme expérimental scientifique) cái này lấy một hay nhiều hiện tượng để giải thích những hiện tượng khác, mỗi hiện tượng đều quan sát đều chứng thực được.

b) *Luật tham dự.*— Ngoài luật nhân

quả huyền bí ra, tinh thần của người dân quê còn giữ nhiều vết tích của luật tham dự. Nguyên tự đời thái cổ, con người chưa phân biệt *mình* với vật bên ngoài. Trong trạng thái hỗn hợp ấy (syncrétisme), ta cho là mọi vật *đều* có *ý muốn*, có tinh thần, có một động lực lí ẩn sô đẩy *như ta cả*. Ví như đứa trẻ vấp phải hòn đá, nó cho là vì hòn đá muốn làm cho nó đau, và nó đánh hòn đá để trả thù. Đó là thuyết vật linh (animisme) : chính vì thuyết này mà ta lẫn tượng (symbole) với vật (objet). Ta cho tên một người, cái áo người ấy mặc và người ấy chỉ là một. Nếu ta đem tên người ấy ra nguyền rủa hoặc mang áo người ấy ra đánh thì người ấy sẽ phải nhục, phải ốm. — (tục gọi tên ra chửi rủa, tục chài ngải của người Thổ, người Mường — chuyện Dự - Nhượng đã long bào...) Luật tham dự lại sui người ta thờ những con vật khỏe mạnh như hổ, báo, rồng, rắn để được gần những con vật ấy, và được chúng tiếp sức mạnh cho, đó là tục bái vật (fétichisme). Trong dân gian còn có tục kiêng nói động đến tên một người, sợ xúc

phạm đến người ấy, kiêng làm bẩn giấy tờ sách vở vì sợ làm nhục đến thánh hiền, kiêng dẫm vào bóng nhau, kiêng mặc áo của nhau, cũng đều do sự nhận thức theo luật tham dự xui nên cả.

***

Nói tóm lại, *luật nhân quả thần bí* và *luật tham dự* là hai động cơ chính trong thể cách thần bí của người dân quê việt-nam. Thể cách tinh thần này thường lại lấn-áp, bao trùm cả thể cách kinh nghiệm nói ở trên. Người ta không tin ở những vật có thực, mà lại tin ở những ảo tưởng hư vô. Tinh thần người mê tín phần nhiều không chiếu thẳng vào những vật hiển nhiên, có thể trông thấy, nghe thấy, sờ mó thấy, di chuyển được. Nó bàng bạc, lạc loài, đi theo đuổi những hình ảnh mơ hồ mà nó tự tạo ra trong những lúc vội vàng hoảng hốt. Con người vì thế bị mê hoặc, bị rối mắt không nhận thấy cái chân tướng của sự-vật nữa. Và, vì thế không biết và không kịp thích ứng tùy theo sự biến đổi của hoàn cảnh nữa. Hắn không đủ trí lực để « giải quyết những vấn đề » mới luôn

luôn nảy ra trong đời sống. Hắn là một người lòa đứng ở ngay trong phạm vi hoạt động của một guồng máy quay nhanh. Hắn không trông rõ những bộ phận của guồng máy, không biết cử động thế nào cho khỏi hại, không dám cử động nữa : chỉ một tí là đủ cho hắn bị những bánh xe răng cưa nghiến nát một bàn tay, một cánh tay hoặc lôi cuốn cả người hắn vào trong guồng máy. Trong sự hoạt động, hắn dò dẫm theo những vết chân người đi trước, hắn không dám mạo hiểm, vì không có sáng kiến. Đó là một kẻ hoàn toàn bất lực trong đời sống.

Xét trong lịch trình tiến hóa, thì tinh thần mê tin của dân quê ta là não trạng của loài người ở thời đại nông nghiệp sơ khai. Nó còn đứng trên não-trạng của loài người thời thạch khí, mà nhà xã hội học Lévy Bruhl mệnh danh là não trạng thái - cổ (mentalité primitive).

Người thái cổ cũng hiểu biết theo hai luật nhân quả thần bí và tham dự, nhưng họ thiên về tục bái vật (fitichisme) thờ hòn đá, cái cây, con thú, chớ chưa tưởng tượng

ra những vị thần linh khác. Và kinh nghiệm xác thực của họ còn thô sơ lắm, kể ngay trong phạm vi nghề nghiệp. Người thái cổ có một quan niệm rất mù mịt về hoàn cảnh xung quanh, hắn thấy mình bị vây ở giữa bao nhiêu sức mạnh lộn-xộn và độc ác. Hãi hùng quá, hắn phải tìm cách kết liên một cách trực tiếp (thờ một con vật che chở cho cả một đoàn thể : tô tem) hoặc gián tiếp (thờ bất cứ một vật gì để thêm vây cánh cho mình : bái vật). Hắn luôn luôn lo sợ, tìm cách tự vệ.

Người mê tín ở xứ ta còn giữ lại một ít tập-tục của người thái cổ ấy. Nhưng ta đã đi đến một tôn giáo đa-thần bác-tạp. Ta có thể mua chuộc được lòng những vị thần ấy bằng lễ vật, bằng những nghi lễ, tuy rằng không phải bao giờ những vị thần kiêu kỳ kia cũng sẵn lòng thương sót ta.

Kể về mê tín tinh thần ta lại khác với những người tín ngưỡng ở một vị chúa tể — một vị thôi — của vũ trụ (như trong những tôn giáo độc thần : Bà-la-môn (Brahananisme), Hy-ba-lai (Hébraisme), Hồi giáo (Islamisme). Những kẻ giáo đồ ấy

cho mình là đồng thể với vị chúa tể của vũ trụ, họ dám tự tôn, tự phụ, họ sống yên ổn, vững vàng hơn.

Tuy vậy không thể phân thứ bực loài người theo sự mê tín. Không thể cho tôn giáo độc thần tiến bộ hơn tôn giáo đa thần được. Chứng cớ là, trong đời trung cổ dân Âu-châu tín ngưỡng một tôn giáo độc thần, lại phát triển kém dân Hy-lạp, La-mã đời thượng cổ là những môn đồ của đạo đa thần. Điểm quan trọng nhất trong tinh thần con người, là trí-khôn, là lý luận, lý trí, cái ánh lửa nẩy ra trong sự kinh nghiệm, trong sự giao động của giác quan với thực tế. Con người dã man sở dĩ khác con người văn minh là vì tinh thần của người dã man đi vào con đường thần bí tối tăm.

Ông Eleuthère Martin cho rằng : " khoa học ngày nay là một giai đoạn rực rỡ của tinh thần con người đã chọn con đường kinh nghiệm mà đi—loài người càng rút bỏ những mộng ảo thần - bí bao nhiêu , càng ưa chuộng thực nghiệm bao nhiêu, càng rèn rũa lý - trí bao nhiêu thì càng tiến bộ bấy nhiêu ».

Có thể nói rằng sự mê tín là một trở lực giam - cầm con người trong vòng một đời sống chật hẹp u ám . Và cái triển lực, cái động cơ tiến bộ và giải thoát của con người là thể cách kinh nghiệm .

Chỉ buồn thay , là ở người dân quê ta, những điều kiện vật chất và tinh thần trong sự sinh hoạt rất ác liệt , chỉ nuôi thêm khuynh hướng thần - bí , và đè ép ngọn lửa rực rỡ của trí - tuệ .

Sang chương sau , ta thử xem , ở một trình độ sinh hoạt rộng rãi hơn, hạn nho sĩ (cựu-nho và tân-nho) đã giải quyết vấn đề nhận thức của họ theo cách nào?

CHU'O'NG III

Ốc hư ngụy

Chúng ta tự phụ là một dân tộc hiếu học, trọng những văn hiến (những sách vở và nhân vật có tri thức).

Dân chúng thường rất kính nể những người có học, không những là người có đỗ đạt hẳn hoi, mà cả những người làm bạn với sách vở, hoặc có khiếu văn-chương nữa.

Chàng thư-sinh nào cũng muốn được như Kim-Trọng : « văn chương nết đất, thông minh tính trời. » Hắn yên trí rằng đọc sách làm văn, là cái thuật duy nhất để thành một người kiến-thức, thông kim bác cổ.

Vậy ta nay hãy xét xem bọn nho-sĩ của ta đã thu lượm kiến văn như thế nào ? Và

sự nhận thức của họ mà họ vẫn cho là siêu-việt hơn của bọn nhà quê vô học — đã đưa đến cho họ những quan niệm gì về vũ-trụ và về nhân sự ?

Muốn cho rõ rằng, ta có thể phân bọn họ ra làm hai loại : cựu- nho và tân-nho. tuy rằng hai loại ấy, — xa cách trong thời gian — mà vẫn giống nhau lắm lắm,

Trí thức của cựu nho

Nói đến cựu-nho tức là nói đến những môn đệ của Khổng-giáo. Ở đây ta không cần bàn đến bọn môn đồ kém cỏi mà người ta gọi là hủ nho. Ta hãy nói thẳng đến bọn nho sĩ chính thức vẫn mệnh danh một cách tự phụ là chân nho. Phải xét trí thức của họ, tức là cái thể cách tinh thần cao nhất của họ, thì mới hiểu được thái độ đặc biệt của họ, mới phê bình được những giá trị luân lý mà họ thường nêu cao lên — Theo ông Trần-Trọng-Kim thì nho-giáo là « một học-thuyết có thống hệ và có phương pháp » (1). Vậy cái phương

(1) Nho giáo — trang 26

pháp ấy là phương pháp gì? Và hệ thống ấy như thế nào?

1· *Phương pháp*: « Cái phương pháp của nho giáo thường dùng là phương pháp chứng luận lấy thiên lý lưu hành làm căn bản. Nhưng phải biết rằng cái học thuật của ta thường hay *trú trọng ở lối trực giác*. Sự tư tưởng trong học thuyết cùng những phương pháp trong mỹ thuật, phải dùng trực giác mà xem cả toàn thể thì mới thấy cái tinh thần? Nếu dùng lý trí mà suy xét từng bộ phận một thì thường không thấy gì cả ». (2)

PHƯƠNG-PHÁP ở đây là chỉ sự nhận-thức. Sự nhận-thức của nhà nho vậy gồm có hai thể-cách: chứng luận và nhất là trực-giác.

Chứng luận là thế nào? Là " phép suy nghĩ lấy sự vật thực-tại làm chứng-cứ." (Từ điển Đào-Duy-Anh). Nhà nho đã nhận xét sự vật như thế nào và đã suy nghĩ những gì về những sự vật.

Ở chương trên, ta đã thấy rằng phàm

---

(2) Nho giáo — trang 26

những hiện tượng trong khoảng giời đất mà có liên quan đến sự sống của loài người thì người đi săn, người đánh cá (thời thạch-khí) người làm ruộng — nhất là người làm ruộng — (thời nông nghiệp sơ khai) đã ghi nhận hết cả một cách rất tinh vi. Nhưng vì sinh kế của họ eo hẹp quá họ chưa đủ thời giờ để giải thích những điều mắt thấy tai nghe ấy. Những kiến văn của họ rời rạc và thường họ phải dùng luật nhân-quả thần-bí để giải thích tạm thời.

Cập đến khi nông nghiệp đã tiến bộ, kỹ-thuật sinh-sản đã tinh sảo hơn thì sự phân công lại làm nẩy ra một bọn người không phải làm việc bằng chân tay. Đó là bọn nhà nho. Bọn này, (thường là thuộc về hạng người cầm quyền) bèn tìm cách giải thích những hiện tượng thiên nhiên trên kia. Mục đích của họ không phải là để cải thiện nghề nghiệp như nhà nông, nhưng chính là để sây-dựng một hệ thống tư tưởng có lợi cho họ. Họ cũng dựa vào những kinh nghiệm lâu đời của nhà nông, nhưng họ chỉ chắt ở đấy ra những điều đại cương ; họ cũng xem ngắm thiên nhiên

nhưng không xét kỹ từng hiện-tượng mà chỉ cốt trông toàn thể các hiện-tượng để rút ra một bài học về thế sự, về luân lý, về xã-hội.

Một hôm Phu-Tử đứng trên bờ sông, ngắm dòng nước chảy mà than rằng : "Đêm ngày cứ chảy luôn luôn như thế mãi." Ý Phu-Tử nói cái đạo của trời đất cứ lưu hành như nước chảy không lúc nào nghỉ. Và ngài luận luôn rằng việc đời cái gì đổi cũng biến đổi luôn luôn, vậy người quân tử phải biết luôn luôn tùy thời mà thay đổi.

Lại một chỗ ngài bảo : « Trời có hề nói gì đâu mà bốn mùa cứ đi, muôn vật cứ sống », (1) ý ngài nói rằng trong trời đất đã có những phép mầu nhiệm chặt chẽ thì người ta chỉ nên vâng theo trật tự của thiên nhiên, của xã hội chớ không nên tìm hiểu những lẽ bí hiểm làm gì. Đó là những cách chứng luận của Khổng - Tử và hầu hết các môn đệ của ngài. Xem như vậy thì tuy nhà nho có

---

(1) Ông T. T. Kim dẫn ra trong nho giáo trang 103.

chứng luận thực nhưng vì chứng có rất sơ lược, nên cách lập luận không tránh khỏi hàm hồ. Nhất là về sau khi Khổng-giáo đã thành thống hệ và đã đắc thắng rồi, thì người ta cứ vin vào những sách vở mà biện luận, không còn gì gọi là chứng luận nữa.

Còn trực giác là thế nào ? « Cái sáng suốt tự nhiên (?) sẵn có trong người ta là lương tri hay là trực giác tức là cái khiếu tri giác rất mẫn tiệp, xem xét cái gì có thể đạt ngay đến cái tinh thần và cái chân lý các sự vật » (1).

Các nhà tâm lý học đời nay cũng công nhận có trực giác nhưng đó chỉ là một thể hiểu biết rất khoa học chứ không phải là một năng khiếu dễ dàng. Không phải ai cũng trực giác. Tại sao nhà khoa học trực-giác ? nhà nghệ sĩ trực giác ? Vì họ đã quan sát cân nhắc suy sét, cố gắng dùng phương pháp thực nghiệm trong bao nhiêu lâu để tìm hỏi sự vật rồi : trực giác chỉ là một biến thể đặc biệt của phép chứng luận,

(1) Ông T. T. Kim dẫn trong nho giáo trang 107.

một phép chứng luận danh thép và công phu. Sự chứng luận lỏng lẻo và vội vàng của nhà nho chỉ có thể đưa đến một trực giác lờ-mờ, cái này lại dẫn ta đến những ức thuyết lầm lẫn hoặc mơ hồ (1) không biết đâu mà kiểm điểm chứng nghiệm.

Nói tóm lại cái phương pháp nhận thức của nhà nho là một phương pháp rất hồ sơ không thể đem dùng được. Sự đắc dụng của nó đã tạo nên cho chúng ta « một thứ óc chim ngập trong những suy tưởng lờ-mờ về đạo đức và nhuộm ít mầu triết lý suông. Thứ óc ấy không bao giờ biết phân tích biết lý-luận : nó chứa dựng toàn những danh từ rỗng tuếch, toàn những ý tưởng cũ rích đã nhai đi nhai lại mãi (2). Trên

---

(1) Ví dụ như thuyết lý và khí, của Chu hy, thuyết Âm dương và khí hóa của các thầy tàng ta... đó chỉ là những mớ bòng bong rối rít không thể nào phân tách và chứng nghiệm được — và đem áp dụng vào việc giải thích những hiện tượng hoặc vào việc chữa thuốc thì cũng chẳng có kết quả gì rõ rệt.

(2) (Trong bài luận về « Khoa-học và người minh » của ông Nguyễn Xiển đăng trong báo Annam Nouveau ngày 29-12-32)

cái nền tảng tri thức mỏng manh cằn cỗi ấy. tư-tưởng của nhà nho hấp hênh, và mập mờ, thiếu, bình sắc, thiếu sinh khí, vô dụng »

2§ *Thống hệ nho giáo*

Trong thống hệ nho giáo có hai phần : một phần lý thuyết cao xa gọi là hình-nhi-thượng học nói về cách quan niệm của nhà nho về trời đất, tức là vũ-**trụ quan**; một phần thực hành gọi là hình-nhi-hạ học nói về cách xử trí của chúng ta ở đời tức là ở trong gia-đình, trong làng xóm, trong xã-hội, trong quốc-gia, trong nhân - loại : đó là nhân sinh quan.

Về vũ-trụ quan của nho giáo một nhà nho cự phách ở xứ ta, ông tú Phan-Khôi đã phê bình như sau này ; « Đang thời đại của Khổng-Tử, tư tưởng của loài người còn cạn và thấp lắm — Khổng - Tử tuy có trí thức hơn thì nhân, nhưng về sự hạn chế của thời đại ấy nên cái Vũ-trụ quan của Khổng-Tử còn mờ tối và yếu đuối lắm» (1). Một nhà học giả Pháp, giám-đốc Cao đẳng trung quốc học viện ở Paris, ông Marcel

(1) Tao đàn tạp chí trang 963.

Granet, đã nghiên cứu cái vũ-trụ quan của Khổng-Tử một cách kỹ càng hơn. Theo ý ông, vũ-trụ quan ấy có hai phần : một là đại Vũ-trụ (Macrocosme) gồm có trời (hình tròn) đất (hình chữ nhật) và nối liền giời với đất là Vua (hình trục tròn). Vua tức là đại biểu của loài người. Đó là thuyết tam tài (Thiên, địa, nhân) của Tầu.

Mỗi người chúng ta lại là một tiểu Vũ-trụ (Microcosme) cái này chỉ là phản ảnh của đại Vũ-trụ : ở chúng ta cũng có đầu tròn, chân hình chữ nhật và mình hình trục tròn. Ông còn nghiên cứu nhiều chi tiết nữa về hai cái vũ-trụ ấy, rồi ông kết luận rằng : « Vũ trụ quan ấy chỉ là phản ảnh của sự tổ chức xã-hội đời Xuân thu. Nó không có giá trị gì vì nó chỉ dùng để bênh vực một hệ thống luân lý cổ truyền » (cette conception de l'univers ne sert qu'à justifier un système traditionnel de conduite) (1)

Cái hệ thống luân lý cổ truyền này lại rất khe khắt, rất hẹp hòi. Tuy nó có lợi, có sự giữ vững chế độ xã-hội quân chủ, song nó đè nén con người nhiều

(1) La mentalité chinoise par Marcel Granet.

quá, (làm thui chột hết những mầm phát triển trong thân thể, trong tinh cảm, trong trí thức. Nhà nho là người mảnh khảnh, khô khan và câu chấp. Lại có những «nho-sĩ cả đời đọc sách mà xử kỷ tiếp vật lại không bằng đàn bà» (1)

Hiện nay ở xứ ta, các nhà nho cũng không còn mấy người và trí-thức nho-sĩ cũng không có địa vị như ngày xưa nữa. Chúng ta cũng không cần phải ray tay mắm miệng mà đạp thêm vào một bức tượng quá mục nát (2). Chúng ta chỉ cần phải đề phòng những ảnh hưởng di truyền của trí-thức ấy. Và nhất là phải chống lại với sự bành trướng của một thể cách trí-thức mới, do sự phối hợp của những căn-tính di truyền kia với một lối tây học sai lầm. Chúng ta cần vạch ra chân tướng của bọn tân-nho.

---

(1) Nguyễn-trường-Tộ, ông Nguyễn-Lân dẫn ra trong quyển nghiên cứu về Nguyễn-trường-Tộ.

(2) Xem ,Khổng giáo phê bình tiểu luận của Đào-duy-Anh — Quan hải tùng thư ở Huế xuất bản năm 1938.

Trí thức tân nho

Tân-nho là những ai? Là những người học chữ tây, nhưng vì mục đích sự học kém (1), nên không gọt rũa được những tính nết cựu-nho di truyền. Họ không hấp thụ nổi cái tinh thần khoa-học sáng sủa của người Âu — tuy rằng họ cũng biết qua những môn khoa học trong chương trình nhà trường — họ chỉ mê mẩn về văn-chương và những thứ triết lý duy tâm mơ hồ.

Tôi đã có dịp lột mặt nạ của bọn ngụy trí thức ấy trên một tờ báo phê bình.

« Đó là một lũ trọc phú, họ đã lần mò vào các nhà trường, các thư viện — những nhà băng tinh thần — để vơ vét vào trong đầu những sản phẩm của văn-học, khoa học, mỹ - thuật, triết - học đông, tây :

Họ biết, hay nói cho đúng hơn họ nhớ nhiều lắm. Bao nhiêu sức lực của họ kéo cả lên đầu để làm «thần giữ của». Vì thế nên họ khô khan, cảm xúc ít và hẹp hòi, họ

---

(1) « L'instruction chez nous a été toujours le moyen de parvenir et non : le moyen de se former ». — Nguyễn-Xiển

quệ kiệt không hành động được, Họ chỉ sản xuất ra toàn một thứ văn chương rất kêu, rất bóng, rất rỗng, tỏ ra một tài nghệ hoàn toàn tiểu sảo. Những ý tưởng bã giả sặc mùi sách vở của họ, không động đến cái gì cả, nhất là không động đến sự yên vui của họ. Người ta đã ví họ như những con vẹt đầu to mà cẳng liệt, chỉ có thể dùng làm trò chơi trong những phòng khách của bọn trưởng giả học làm sang được thôi. Tuy vậy họ cũng rất nguy hiểm vì nhờ ở bằng cấp và ở địa vị xã hội của họ, họ hay reo rắc ra những lầm lẫn nó đầu độc trí não người khác. »

Bọn ngụy trí thức, thường hay tự phụ là những người có tinh thần cao thượng và có kiến thức sâu xa. Vậy thì tinh thần họ cao thượng đến bực nào? kiến thức họ sâu xa đến tận đâu?

Tự phụ là có tinh thần cao thượng là bọn người chuộng hư văn. Bọn nầy rất đông. Đó là những giáo sư ban văn chương ẩn mình trong tháp ngà ngoài những giờ phải tiếp súc với học trò; đó là những học sinh tự cho mình là có khiếu

(?) về văn chương, đó là những công chức có duyên nợ với văn chương (?) và dùng văn thơ để lấp cái trống rỗng của một cuộc đời nhạt nhẽo ; đó là những văn sĩ trụy lạc mượn cớ làm văn để trốn tránh sự phấn đấu hoặc để đi tìm rượu, thuốc phiện, và người đàn bà ; đó là những độc-giả ưa đắm mình trong những tiểu-thuyết phong-tình lãng-mạn hoặc hoang đường quái đản để đi trốn đời sống thiết thực quanh mình...

Họ viết gì ? họ đọc gì ? và họ nhận thức thế nào ? Có thể nói hầu hết bị ảnh hưởng của văn chương Pháp, không phải là thứ văn chương cổ điển, sáng sủa, xâu sắc của Montaigne, Racine, Pascal, Voltaire, Flaubert, Zola, P. Valery, G. Duhamel... mà của những thứ văn chương suy đồi nhất là của phái lãng-mạn, phong tình hồi đầu thế kỷ thứ 19 (Lamartine, Musset) phái chán nản trụy-lạc (Baudelaire, Verlaine...) phái tru-đu hồi đầu thế-kỷ này (Dekobra, Geraldy, Gide...)

Xét trong văn chương hiện đại của ta, từ Tố-Tâm, Giọt-lệ-thu... đến những tiểu-thuyết diễm tình của Tự-lực-văn-đoàn như

Hồn bướm mơ tiên, Đời mưa gió, Lạnh-lùng; từ những điệu thơ ẻo lả của Lưu trọng - Lư, Thế-lữ... đến trường thơ tượng trưng tối mò của đám Xuân thu... ở đâu đâu ta cũng thấy vết tích của những tinh-thần rối loạn, yếu đuối, chập choạng, ở đâu đâu cũng chỉ là những câu văn để vỗ về những nỗi lòng đau đớn tê tái, để đào sâu mãi những vết thương xuống, để tận hưởng cái say sưa liều lĩnh của những tâm - hồn chán nản muốn rã rời, muốn tiêu diệt.

Thứ văn chương ủy mỵ ấy gây nên ở trong xứ một không khí tinh thần nặng-nề, mờ ám, một khuynh hướng duy tâm rất tai hại, nó làm cho óc thực tế bị thui chột không nảy nở được, và những năng lực hoạt động tàn rụi đi hết trong sự mơ-mộng vẩn-vơ.

Muốn hình dung rõ cái não trạng suy đồi ấy, tôi mời các bạn thử đọc qua đoạn văn này của một thanh niên trí thức vào hạng xuất sắc (?) trong làng tây học.

« Tất cả hương thơm của bao nhiêu năm niên thiếu *mơ mộng trên hè đường*.

Ánh nắng cười trong lá cây đã hương xanh mơn-mởn, cỏ xanh, con đường xinh xinh. Hoa xấu, hoa soan, hoa gạo ; *khóc, buồn, hy-vọng, tin yêu và Phương-Anh hẹn hò một tình yêu vĩnh viễn.*

« Sông chầy đá mòn, hôm nay lữ khách cô độc một mình ngồi *trên mỏm đá* ngắm giòng *suối chảy* hòng tìm thấy bóng tiên nga. Trên bờ cỏ này, tôi cùng Phương-Anh dắt tay nhau cùng đi, yên lặng trong cảm động, *trông thấy đào nở, mặc dầu không có hoa đào.*

« Trên bờ cỏ này, tôi đã tìm thấy *Vũ-trụ trong đôi mắt nàng*, đựng say đắm của muôn phương và muôn thủo. *Cõi-Bồng-lai* đã ở bên bờ suối này.

«Hôm nay sương-lam phủ mặt nước, chim vỗ cánh tới những chân trời xa lạ, cánh hoa đã rạt bên bờ. *Hồn-Tiên-Nga* chỉ còn rớt lại trên cành liễu... »

D. G. T.

Juin-Novembre 1942

(Trích báo Thanh-Nghị 16-12-1942)

Thật là bi-thiết ! thật là văn vẻ ! thật là cao-xa ! thật là huyền bí ! Nhạc điệu ấy, mộng-ảnh ấy, tài hoa ấy, thật là không

kém gì chàng thư-sinh ngày xưa ?

Phong-tư tài-mạo tuyệt vời,
Vào trong phong nhã ra ngoài bảo hoa
(Nguyễn-Du)

Thực là không hổ với những bậc thầy bên tây phương như : Verlaine, Géraldy, Gide... Chỉ có một điều đáng buồn, là cái tinh-thần ấy mập mờ loạn xạ, ốm yếu.

Tôi không phản-đối văn-chương và nghệ thuật. Song nếu văn-chương và nghệ-thuật làm cho trí-não con người sa-đọa đến thế, thì thà không có còn hơn.

Tinh thần bị sa-đọa đó là số phận chung của phần đông thanh niên tây-học chúng ta. Ông Đào-duy-Anh đã có lần vạch rõ tình trạng ấy trong tập « la culture et-nous » của nhóm Responsable xuất bản ở Huế tháng 7 năm 1939 :

« Thanh-niên trí-bức ta quả-quyết hướng về tây học. Họ bị choáng mắt về những vẻ rực-rỡ của văn-hóa tây-phương, họ sô nhau vào để thưởng thức một cách say mê. Nhưng hình như họ không hấp-thụ được những tinh-hoa, mà chỉ hái được những bông tàn úa. Họ tưởng rằng giá-trị tinh

thần là ở những cái gì cao-xa, mơ hồ. Đó là những kẻ hãnh tiến trong phạm-vi tri thức, họ trốn tránh cái thực tế đau đớn ở quanh mình họ. Một tín đồ của văn-hóa Địa - trung - hải (Nguyễn mạnh - Tường) lại còn phê-bình trí-thức Đông-phương cho là cái tri-thức này không bám rễ vào mặt đất và bay lởn vởn ở trên mây như say rượu. Thiết tưởng lời kết-án ấy cũng xứng đáng cho cái thứ văn-hóa tây-phương mà thanh-niên ta đã kiêu-hãnh vồ-vập lấy, bởi vì cái văn-hóa ấy đã thành ra một mớ trí-thức rỗng tuếch hết sinh-khí, mà ở ngay bên Tây, người ta đã ruồng-bỏ rồi (xin đọc Emmanuel Berl, M. Martinet, J· Richard Bloch, Denis de Rougemont, Henri de Man...)

Trên đây, Đảo-quân chỉ mới nói đến bọn tây bọc quá ham mê văn chương và quên rèn-luyện trí-não. Ngoài ra, lại còn những độc giả trung-thành của Platon, Aristote, Socrate, Thomas d'Aquin, Erasme, Malebranche, Spinoza, A. Frahce, Nietzsche, Bergson.. bọn tri-thức mê-mải về những môn triết-học duy-tâm (philosophie idéaliste),

Những thứ triết-học thuần-lý (philosophie spéculative) này rất thích-hợp với cái não trạng lờ mờ mà ta đã thừa hưởng của nhà nho ngày xưa.

Họ bị lạc-lõng, bị trim ngập trong những lý-thuyết duy-tâm và không-tưởng. Họ sao nhãng khoa-học và chỉ quanh quẩn trong vòng triết-lý siêu-hình nó làm cho ta cứ mờ ám dần, không còn thấy gì, hiểu gì nữa.

Tại sao vậy? Lẽ ấy rất dễ hiểu, vì ngày nay, không những triết-lý duy-tâm, ngay đến môn triết học mà chúng ta nhìn bằng con mắt kính phục, ngay đến triết-học cũng đã quá thời, đã bị đào thải rồi. Ngày nay chỉ có những ngành của khoa-học, những môn học xây dựng trên nền tảng vững trãi của khoa-học. Những nhà triết-học xuất-sắc nhất ở Âu-châu bây giờ như Bertrand Russel, Moritz Shlick, Paul Oltramare, Hans Reichenbach, Rudolf Carnap... chỉ là những nhà khoa-học chuyên-môn nghiên-cứu về sự luận-lý, sự nhận thức của loài người: Ngay đến luân-lý mà ta vẫn cho là

một chi nhánh của triết-học, nay cũng chỉ là một khoa-học, một khoa-học mới dựa vào hai khoa tâm lý-học và xã-hội học.

Những danh-từ triết-học, triết lý nay đã mất hết cả ý nghĩa cũ rồi. Nếu có thể dùng hai chữ triết-học, thì đó chỉ là « *một thái độ tinh thần để hướng dẫn ta trong sự hoạt động* » (1). Ngoài ra, chỉ là những cuộc bàn cãi về chữ, không có ích gì cho sự rèn luyện trí não, không làm nảy ra một tư tưởng nào có giá trị.

Gần đây có lẽ vì thất vọng trong sự chạy đi theo triết lý duy tâm của Âu-tây, thanh niên lại quay về nghiên-cứu tư-tưởng phương đông. Chúng ta tìm hiểu Nho-giáo, Mặc giáo, Lão giáo, Phật giáo, Vương-dương-minh, Tagore,... Chúng ta muốn dùng cái trực giác phi thường của nhà đạo học để đạt chân lý ! Thì đây, một kết quả rõ rệt;

« Trí thức là gì ? Thế nào là kẻ trí-thức ? Làm sao tới được trí thức ?... »

Trí thức : gốc cây đa, đầy nhựa thó, hút

---

(1) La philosophie n'est qu'une attitude intellectuelle et n'a de sens que si elle tourne vers l'action. (Keyserling)

nhận nhạc của đất trời, để trổ sinh bao điều thắm tươi, những bông Sáng tạo dâng lên bàn thờ Đạo lý lẽ sống trong đời.

« Cuộc Sáng tạo đầu tiên của bậc trí-thức là : tự tạo. Tự tạo trong một tiếng trúc-ty, trong một giây cảm hứng. Tự tạo trong một đợt tinh trác tuyệt, khi hồn tan trên một nét anh đào. Tự tạo trong một thế « nhập thiền », trong một « đường thánh giá ». Tự tạo trong một ngọn cỏ đùa trong một cành hoa nắng rỡn, trong một bức tranh, trong một ngọn tháp, trong một niềm vĩnh biệt cũng như trong một phút lâm chung ! » (1)

Thật là cả một bài thơ gọt rũa và du dương để mô tả cái cảnh hỗn độn mờ tối, ẩm thấp của những tinh thần ốm yếu, rã rời. Có thể nói đó là một quái thai của thời đại trong phạm vi trí thức.

Chúng ta đã điểm qua mấy thứ tinh thần của mấy bọn nho-sĩ. Những thứ tinh thần ấy, tuy có khác nhau ít nhiều trong chi tiết nhưng vẫn có hai đặc tính chung : hư và ngụy.

---

(1) Xuân Thu nhã tập — trang 67

Hư là không căn cứ vào sự thực, không có thực. Tinh thần nho sĩ không chiếu thẳng vào thực tế. Giác quan nho sĩ không nhận đúng chân tướng của sự vật. Trí não nho sĩ tạo ra những ảo tưởng để nâng đỡ, an ủi cái tinh thần bạc nhược của nho sĩ.

Ngụy là làm sai sự thực, là tập luận một cách cố-chấp theo cái sở thích riêng của mình, không kể gì đến ngoại vật. Nho sĩ đã nhìn sai, lại suy luận một cách quay quắt, cố tình tạo ra một hệ thống tư tưởng để che đậy tâm trạng mình, để chống đỡ địa vị mình.

Óc hư-ngụy là tinh thần chủ quan của nho sĩ. Kể về mê tín thì nho sĩ cũng mê tín như người nhà quê vô học, không phải mê tín thần thánh nhưng mê tín những lý, những khí, những thái cực, những lẽ chí-thiện, những hình ảnh mỹ miều mộng ảo, những lý-thuyết siêu hình không tưởng... toàn là những điều không thể quan sát, kiểm-điểm, chứng nghiệm được.

Kể về thực dụng, thì óc nho sĩ lại kém tinh thần thô sơ của người làm ruộng. Vì người này tiếp xúc thẳng với sự vật, biết rõ những hiện-tượng quanh mình, và dám

làm theo những điều mình biết.

Nho sĩ, trái lại, nhiều khi không dám làm theo điều mình nghĩ, không dám thực hành điều mình đã học. Chính vì thế mà *«ở xứ ta những người gọi là hay chữ lại ngu dốt và những người nhà quê vô học lại có kiến thức»* (Đặng p Thông trong tập La Culture tr. 7)

Nguyên nhân tình trạng ấy ở đâu ?

Ngày xưa thì rất dễ hiểu. Nho sĩ chỉ là một bọn ăn không ngồi rồi, sống trên lưng những người làm ruộng, và đi phụng sự những kẻ mạnh để giữ nguyên địa vị an nhàn.

Gia dĩ nền tảng xã hội nông nghiệp của ta trải bao nhiêu thế kỷ không thay đổi, nên thế lực nho sĩ vẫn tồn tại. Một mặt khác chế độ khoa cử là một cách lung lạc nho sĩ rất thần diệu.

« Người nào có lọt được vào vòng khoa danh thì mới được ra làm quan phò vua giúp nước và được tham gia vào sĩ phiệt, còn ngoài ra dù thiên tài lỗi lạc đến thế nào cũng không thể thi thố vào đâu. Muốn lọt vào vòng khoa danh thì phải theo đúng những điều hạn chế của chế độ khoa cử ấy, tức nghị luận không được trái với Trình

Chu, và làm văn phải theo thể thức bác cổ, đó là không kể bao nhiêu điều bó buộc khác người ta gọi chung là trường qui. Bởi vậy kẻ sĩ phu chỉ cần học thuộc lòng mấy bộ sách Tứ Thư Đại Toàn, Ngũ Kinh Đại Toàn, Tính Lý Đại Toàn chứ không cần học thêm gì nữa. Đến khi làm văn thì sẵn tư tưởng trong sách rồi, kẻ sĩ phu chỉ cần lựa những chữ sáo cho xứng, đặt những câu cho đối, hễ đọc lên nghe kêu mà không trái với nghĩa sách là được, chứ không cần có tư tưởng chính xác. Người nào có khiếu lỗi lạc, dám nghị luận theo tư tưởng của mình hoặc dựa theo nhà khác mà nghị luận sai với Trình Chu thì bị kết cái án tà thuyết tà đạo mà phải hỏng. Bởi vậy văn chương của các bậc khoa danh nước ta xưa đều là văn chương có vỏ mà không có ruột, thực khó tìm cho ra một áng văn có tư tưởng chính sác và cảm tình chân thực (Đào-Duy-Anh — Khổng Giáo phê bình trang 120).

Còn ngày nay ? Chúng ta đã tiếp xúc với văn minh khoa học Âu châu trong hơn nửa thế kỷ và sự sinh hoạt xã hội cũng đã thay đổi ít

nhiều, vậy mà sao bọn tàm nhỏ chúng ta bây giờ cũng không tiến hóa biến đổi ? Một nguyên nhân chính cũng là ở sự học để đi thi. Nếu ngày xưa có những sách để học thuộc lòng thì bây giờ cũng thế. Ở chương trình thi Tú Tài cũng có những sách trích yếu (Aide Mémoire) về văn học triết học, sử học, vật lý học, hóa học... Phần nhiều học sinh ta chỉ cốt học thuộc mấy quyển sách trích yếu ấy để làm bài thi hoặc để trả lời cho suôi trong lúc vấn đáp. Cái học ấy làm cho trí-não cằn-cỗi, làm cho ta ghét sự học, và nhất là làm cho ta ngộ nhận văn hóa tây phương là một thứ văn hóa rất linh động, rất phiền tạp, rất rộng rãi.

Cái văn hóa này chỉ có những người được trực tiếp với cách tổ chức công nghệ mới, hoặc trực tiếp với các nhà khoa học Âu-châu, mới nhiễm được ít nhiều, đó là những phần tử cấp tiến nhất trong xã-hội về phương diện trí-thức.

Sang chương sau, chúng ta sẽ nghiên cứu cái tinh thần của những người may mắn này.

CHƯƠNG VI

Óc cơ giới

Chúng ta đã thấy rằng óc mê tín và óc hư ngụy cùng là con đẻ của một xã-hội hoàn toàn sây dựng trên một nền tảng nông nghiệp. Hai thứ óc ấy tuy thuộc vào hai loại người sống khác nhau — song cũng đều phản chiếu đúng một tình trạng chung, cũng đều có những đặc tính giống nhau. Trong lúc nhận xét sự vật, trong lúc sử dụng việc đời, người nhà quê vô học và nho-sĩ đều làm lẫn như nhau. Họ dựa vào thần thánh, ma quỷ, giời phật hoặc vào linh hồn, vào đạo, vào lý... vào những cái không thể chứng nghiệm được. Họ dùng những ảo tưởng của tinh thần để giải-thích mọi hiện tượng.

Cách lập luận quá dản dị ấy đã đưa họ đến những kết quả rất buồn mà ai cũng biết.

Chúng ta ngày nay đều trông thấy rõ đó là những thể - cách tinh-thần của một thời đại cổ sơ, không thích hợp với cuộc sống hiện tại nữa.

Đồng thời sự mở mang giao thông, sự phát triển công nghệ, sự đột nhập của một văn hóa mới... làm chúng ta chóng mặt, hoảng hốt, sợ hãi. Chúng ta cảm thấy rằng trong cuộc đời mới phải có một tinh thần mới. Và chúng ta rủ nhau đi tìm cái tinh thần mới ấy. Ta chưa biết rõ hẳn nó là cái gì, ta chỉ biết rằng nó kết tinh lại ở một ít người đã được tiếp xúc thẳng với cuộc đời mới. Đó là những nhà doanh nghiệp và những kỹ sư chuyên môn,

1) *Óc doanh nghiệp*

Những người doanh nghiệp đầu tiên ở xứ ta không học ở nhà trường mấy. Nhưng họ học trường đời rất nhiều. Họ không phải là con nhà nho-sĩ nhưng phần nhiều họ là những dân quê, vì sinh kế eo hẹp, phải bỏ quê hương làng xóm ra các nơi thành phố lớn

để kiếm ăn. Nhờ thế mà, họ rút được dễ dàng những thành kiến nặng nề ở thôn quê ; và họ cũng không bị nho học bó buộc nữa. Họ ra đời với một khối óc trong trẻo mạnh mẽ tuy rằng còn ngờ nghệch vụng về. Chạm chán với sự nghèo đói, sự cực nhọc, sự áp bách, sự man trá, họ thay đổi chóng lắm. Họ vẫn giữ nguyên thói cần mẫn của người làm ruộng, nhưng họ lại thêm sắc sảo, thêm gan dạ thêm khôn ngoan thêm tháo vát nhanh nhẹn. Quan niệm của họ về cuộc đời rất thiết thực. Họ không nghĩ vẩn vơ như khi còn ở bên những lũy tre xanh, họ trông rõ thấy xã hội là một guồng máy lớn, quay rất đều và rất nhanh. Họ nhận thấy cái giá trị tuyệt đối của đồng tiền trong xã hội ấy. Và họ tìm đủ mọi cách để làm ra tiền : Đi làm thợ, đi làm mại bản, đi buôn, mở công nghệ, đi thầu đê, thầu đường, thầu thuế đò thuế chợ.., không nghề gì là họ không dám làm. Được gần gụi các nhà tư bản ngoại quốc, họ lại học thêm được những mánh khoé nhà nghề, những phương pháp để thành công, những đức tính của nhà doanh

nghiệp sảnh sỏi : chỉ dựa vào kinh nghiệm vào thực tế để suy luận, có trật tự trong đời sống, biết tổ chức mọi việc, vừa gan dạ vừa mềm mại, kiên nhẫn mà liều lĩnh, hiểu thời thế, hiểu nhân tâm, không chịu lùi trước một cách nào có thể đưa đến chỗ thắng lợi, gạt tất cả mọi thứ tình cảm, mọi thứ thành kiến cản trở trên đường tranh đấu, luôn-luôn cố gắng thay đổi chiến lược để thích ứng với hoàn cảnh.

Tất cả những nết ấy tạo ra cho họ một tinh thần đặc biệt khác hẳn với tinh thần của người nhà quê và của nho sĩ. Tinh thần ấy có ba tính cách rõ rệt :

1·) Thiết thực.

2·) Hoạt động.

3·) Có phương pháp.

Hơn nữa họ lại thích nêu ra những phương pháp trục lợi của các nhà triệu phú Âu Mỹ (Taylor. — Ford — Krupp) và thuyết cạnh tranh tiến hóa và luật tự nhiên đào thải của Đarwin để bênh vực những hành vi của họ.

Bên cạnh những nho sĩ hiền lành và suy-nhược, họ nổi bật lên thành những

nhân vật anh hùng, có một thân hình vững chắc, một trí tuệ sắc sảo, một nghị lực quật cường. Đó là hình ảnh của một bọn thượng lưu mới.

Tuy nhiên chúng ta không nên để lóa mắt vì cái thế lực bên ngoài của một bọn người mà thời-cục đã nâng lên một địa vị xã-hội quan trọng.

Chúng ta cần soát lại cái giá trị tinh thần của họ để xem rằng họ đã vứt bỏ được những cùm sích mê tín và hư văn như thế nào. Họ đã phấn-đấu để tự thích ứng với phong hội như thế nào ? Và cái óc doanh nghiệp của họ rộng rãi đến đâu ? Sáng suốt đến đâu ? Có thể còi là một khuôn mẫu đáng theo cho bọn thanh-niên chúng ta không ? Vậy ta hãy phê bình ba tính cách cốt thiết của óc kinh doanh nói ở trên.

1) *Thiết thực hẹp hòi.*— Các nhà kinh doanh ở xứ ta trông rõ sự thực lắm, nhưng đó chỉ là sự thực trong phạm-vi nghề nghiệp, trong phạm-vi kinh doanh của họ. Ví dụ, họ biết nhận rõ các mặt hàng ; họ biết điều khiển những máy móc họ dùng. họ biết rõ tâm lý những người làm công

với họ, họ biết rõ những tính cách lợi hay hại của mọi người và mọi vật ở trong phạm-vi hoạt-động của họ. Nhưng chỉ có thế thôi. Ngoài ra thì họ cũng mù-mịt như những người khác, không hiểu gì cả. Họ thiếu *một nền học vấn cần thiết* — Họ không được học qua các ngành khoa học, nên khi trông ra ngoài vòng nghệ nghiệp của họ, thì họ lại không thiết thực nữa. Trông lúc kiếm tiền thì họ rất sắc mắc, nhưng đến khi bị ốm đau, bị thất bại, là họ đâm hoảng hốt, mất hết trí sáng suốt ngay. Họ bị bọn thầy thuốc tham lam bóc lột, họ bị bọn thầy tướng, thầy số lường gạt, bởi vì họ không biết một tý gì về sinh lý-học (để hiểu qua tại sao mà mình ốm) họ không biết một tý gì về xã-hội-học « để hiểu qua tại sao mình thất bại».

Ở cuộc đời rộng rãi mông mênh quanh họ, họ chỉ trông thấy, chỉ biết có một khu vực của họ. Họ lại không chịu rèn luyện cho họ một tri thức phổ thông để tự hướng dẫn trong các ngành sinh hoạt, họ thiếu hẳn óc phê bình tuy rằng họ là những người tính toán rất nhiều.

2) §. *Hoạt-động trục lợi.*

Nhà kinh-tế là một người nhiều mưu lược, nhiều sáng kiến, họ suy nghĩ rất kỹ-càng về những cách thi hành chương trình của họ. Họ không làm cái gì liều lĩnh, cẩu thả bao giờ. Trước khi làm một việc gì, bao giờ họ cũng nghiên cứu, dò xét cẩn thận ; họ giải quyết mọi vấn đề như là những bài toán ; họ gạt hết các tình cảm mà chỉ dùng toàn trí rất thiết thực và can-đảm, họ dám dự tính hết các trường hợp hay hoặc dở có thể xảy ra sau khi họ đã bắt tay vào việc và đã có sẵn những cái đối phó thích hợp. Nói tóm lại trí não nhà kinh doanh, hoạt động luôn luôn và có khi sáng suốt một cách phi thường : họ trông rõ thấy những mối lợi trong khi người thường không trông thấy gì cả hoặc lại tưởng là những mối hại. Chỉ có một điều đáng phàn nàn là trí-tuệ nhà kinh doanh chỉ dùng vào có một việc : trục lợi, trục tư lợi. Chính vì họ chuyên chú quá vào một mục đích không lấy gì làm to rộng lắm cho nên nhiều khi tầm mắt của họ cũng rất

ngắn ngủi, sự nhận xét của họ rất rẽ sai lầm, thiên lệch. Tệ hơn nữa là cái tinh thần của họ hướng mãi về một chiều, rồi sau có thể sinh ra mụ-mẫm cằn-cỗi. Đem một nhà kinh doanh đặt trước một cảnh thiên nhiên, một bức tranh, một pho tượng hay một cảnh xã-hội lầm than rất thương tâm; hắn không trông thấy gì hết, không cảm thấy gì cả: cả một phần lớn tinh thần của hắn đã bị tiêu diệt đi trong sự trục lợi rồi.

3.) *Phương pháp câu nệ.* Ta thường cho rằng nhà kinh doanh có phương pháp trong lúc hành động (có trật tự, biết tổ chức).

Song phương pháp của nhà kinh doanh ta chỉ là những phương pháp nhà nghề, những lề lối cũ nhắc lại đúng nhịp. Khi nào gặp một sự khó khăn mới, thì then máy của phương pháp kia lại sai lệch ngay. Ông kỹ-sư Đ. P. Thông đã vạch rõ chỗ khác nhau của nhà doanh nghiệp tt học (praticien) với nhà chuyên nghiệp thông hiểu (technicien): « Phương pháp nhà nghề chỉ là một mớ lề lối, một mớ

mánh khóe chỉ thi hành được trong những trường hợp nhất định : nhiều khi nhà nghề vì muốn làm đúng như cựu lệ lại đem làm lạc cả công việc đi và giải quyết các vấn đề một cách cưỡng ép không hợp. Nhà nghề chỉ biết nhớ và lắp lại những thói cũ, nhà chuyên môn phải biết tùy trường hợp mà thay đổi thích ứng » (1)

Muốn thấy cái khuyết điểm trong phương pháp của nhà kinh doanh ta, ta xem cách họ sử đối trong gia đình, giải quyết những vấn đề tinh cảm. những vấn đề xã-hội. Đứng trước những trường hợp khác hẳn với khi trục lợi, họ bỡ ngỡ không biết xử sự như thế nào. Người rất gian hùng trong công việc làm ăn mà không thu xếp xong những sự lục đục trong gia đình. Đó là tại tinh thần của họ bị bó vào những lề lối trục lợi rất chật hẹp, không thể gọi được là những phương pháp được.

Nói tóm lại, óc doanh nghiệp tuy rằng là thứ tinh thần khá cấp tiến trong xã-hội ta, nhưng xét cho kỹ, thì cái tinh thần ấy có nhiều vẻ cục súc, ích kỷ, tàn nhẫn

(1) Technique et culture trong tập la culture

như một guồng máy không lồ chỉ lăm le nuốt lấy nhiều nguyên liệu vào mình.

Óc chuyên môn

Cao hơn một bực nữa là tinh thần những người học chuyên môn trong các trường cao đẳng như kỹ sư cầu cống, kỹ sư mỏ, điện, hóa học, y-khoa bác-sĩ, luật sư, nông lâm bác vật, kiến trúc sư, cán sự chuyên môn... những người này có một nền học phổ thông khá rộng (culture générale) trước khi chuyên hẳn về một ngành khoa học. Họ đã được gần những nhà khoa-học chân chính, họ đã rèn luyện. tập sự lâu năm trong các phòng thí nghiệm, trong các siêng máy, trong các thư viện chuyên môn ; họ hiểu thấu những lý thuyết căn bản trong sự thực hành của họ. Trong khi học tập họ đã nhiễm được nhiều nết tốt của nhà khoa học : óc thực nghiệm ; óc phê-bình ; tinh kỹ lưỡng, tỉ mỉ trong sự nhận xét ; sự độ lượng : sự phán đoán... tính kiên nhẫn, tính chuyên cần trong sự làm việc, và đôi khi một lòng mong mỏi đi tìm chân lý.

Với sở học của nhà chuyên môn, lẽ tất nhiên là họ chiếm được những quyền lợi

xã địa vị tó lớn trong xã - hội. Đúng như lời ông Tạ - Quang - Bửu trong bài Sciences Cultures : « trong tình trạng chính trị và trí thức, xứ Đông - Dương ta, nàng khoa - học nuôi sống các môn đệ của nàng một cách rồi rào.

Nhưng, khoa học nuôi sống các nhà chuyên môn là một chuyện, và khoa học có nuôi sống tinh thần các nhà chuyên môn không ? Đó lại là một câu hỏi quan trọng hơn. Chúng ta muốn biết rằng những nhà chuyên môn có đặc thủ (priviligié) được ưu đãi (favorisé) ấy đã nhờ khoa học để tự luyện cho mình một tinh thần như thế nào. Đứng trước những vấn đề sống của xã-hội — ngoài phạm vi chuyên môn của họ — họ nghĩ như thế nào ? Giải quyết như thế nào ? Trí tuệ của họ có một thể cách tác động khác nhà thầu khoán, khác nho sĩ, khác với người nhà quê vô học như thế nào ? Bởi vì công việc chuyên môn nhiều khi không đủ định giá trị con người — nhất là người trí thức không thể nào chỉ nghĩ đến mình, chỉ sống cho mình được. (Nếu chỉ dùng trong phạm vi chuyên nghiệp,

thi tôi thấy ông Kỹ-sư hóa học làm công đang cặm cụi pha thuốc theo ý lệnh của ông chủ cũng không khác gì anh lang băm ngày xưa dùng cách thổi vào rốn bệnh nhân để chữa bệnh đau ruột. » (Tạ-Quang - Bửu)

Hai nhà chuyên môn ấy đều chỉ theo đúng những mánh khoé nhà nghề, và không có sáng kiến, có tinh thần gì đặc biệt cả. Đã lâu lắm, chúng ta vẫn lầm khoa học với máy móc, chúng ta vẫn cho là ông Kỹ sư, ông Bác sỹ, tất nhiên phải là những người có óc khoa học — vậy chúng ta hãy nghe lời thú nhận của một thanh niên tân học đã từng lăn lộn trong các phòng thí nghiệm trứ danh bên Pháp :

«Ở một bực xã hội cao hơn—tôi nói cao hơn theo thói thường mà thôi — đối với những người kỹ sư và những người xuất thân ở các trường Cao-Đẳng ra, thì khoa học chỉ là một kỷ niệm, kỷ niệm của cuộc đời niên thiếu đã qua hẳn rồi, kỷ niệm những đêm thức khuya để học thi, những ngày bụng thường đói và mặt đầy chứng cá, những buổi hành lạc điên cuồng ở xóm La-Tinh — buổi niên thiếu ấy qua rồi thì khoa học cũng chết theo luôn».

(Tạ-Quang-Bửu)

Ngày nay, mọi người thấy rằng sự học chuyên môn như trước không đủ tạo cho chúng ta một óc khoa-học, một tinh thần mới nó biến chúng ta ra một người khác, nó mở rộng đời sống của ta ra như lòng ta muốn. Ông Nguyễn-Xiển cho là tại gánh tri thức di-truyền của ta nặng quá, nên ta không sao vượt lên đến khoa-học được. Trong báo Annam-nouveau ngày 1er Janvier 1933, ông viết : « Vào trong thư viện Henri Poincaré ở Paris, khi tôi ngắm nghía những ngăn sách dành riêng cho những tùng san về toán học (publications mathématiques) của Ấn-Độ và Nhật-Bản, khi tôi đọc những thiên khảo-cứu của các nhà Bác-học Á-Đông ấy, thì tôi cũng hăng hái muốn có hai cánh mà vùng vẫy cùng người trên cõi học cao rộng. Nhưng những tính cách di-truyền để lại từ bao nhiêu thế kỷ đè chĩu trên vai tôi, và tôi không cất đầu lên được nữa. » (Nous et la Science)

Lại mới gần đây trong tập La Culture et nous (xuất bản ở Huế năm 1938) Ông Đặng-Phúc-Thông đã công nhận rằng cái

học chuyên môn không đủ đào luyện trí thức cho ta. Ông phân biệt rõ ràng nhà nghề với nhà chuyên môn có sở học ; và ông nêu ra một thể cách trí thức nhân đạo (culture humaine) để tránh cái tinh thần tê liệt (sclérose de. l'esprit) do sự chuyên nghiệp thiên lệch gây ra — ông cho rằng nhà chuyên môn có một trách nhiệm xã-hội quan trọng : làm trung gian giữa thế giới tư bản và thế giới lao-động. Vậy thì nhà chuyên môn phải hiểu tâm lý nhà tư bản và tâm lý người thợ, để giản hòa hai bọn ấy. Nhà chuyên môn phải có một nền học nhân bản của kỹ sư (humanisme d'un ingénieur).

Thiết tưởng cái nền học nhân bản của nhà kỹ sư này, những nhà kinh doanh vô học nói ở trên đã có thừa — và nếu óc những nhà chuyên môn bị tê liệt tinh thần, không phải là tại họ không hiểu tâm lý nhà tư bản và thợ, nhưng chính tại họ đã học khoa học một cách thiển cận quá.

Họ quên rằng tinh thần của nhà khoa học cao rộng hơn cái trí thức, tuy

danh thép và tinh vi, nhưng hẹp hỏi thấp kém của nhà kỹ sư chuyên nghiệp. Và khoa học, không phải chỉ là những máy móc, những tính toán, những đo-lường, phạm vi của khoa học bao quát hết cả những hiện tượng có quan thiết hoặc không quan thiết đến đời sống của loài người.

Thường họ chỉ chuyên về toán học, vật lý học và hóa học, họ ít khảo xát đến sinh lý học, tâm lý học và nhất là xã-hội học là những khoa-học cũng danh thép, cũng tinh-vi như những khoa-học khác — lại còn mở rộng trí khôn và tinh thần con người ta rất nhiều nữa. Họ không vượt ra khỏi cái vòng quy nghệ-nghiệp, quyền lợi và hạnh-phúc riêng tây của họ. Họ không nhận thấy cuộc sống ở quanh mình họ, một thực tế đầy đau-khổ, đầy cố-gắng, sôi nổi vì những nguyện-vọng tha-thiết. Vì là kỹ-sư, họ quên bẵn mất họ là những *người* không thể nào tách ra ngoài nhân loại được.

***

Xét kỹ ra sở-dĩ cái tinh-thần của nhà

doanh nghiệp và của các kỹ-sư không được rộng rãi và linh hoạt là vì những người ấy chỉ mới trông thấy cái phương diện hẹp hòi yên lặng, thô sơ của khoa-học. Đối với họ, khoa học chỉ là Máy móc. Bị khuôn vào đó, tinh thần của họ hóa thiên-lệch, họ nhận xét suy-luận một cách giản-tiện quá, cục cằn quá, « toán-pháp » quá. Khối óc của họ giống in một cái máy chỉ có cử-động mà không rung động.

Về mặt thực hành (trục lợi và chuyên môn) không phải là họ không có giá-trị. Song sự sinh hoạt của họ không có ảnh hưởng mấy trong cuộc tiến hóa của xã-hội, nhất là trong phạm vi tinh thần.

Luận về địa vị của khoa-học trong xã-hội ta, ông Bửu (mà tôi phải nhắc đến luôn luôn vì ông là người thành thực nhất) đã phải nói : « cái khoa-học tê-liệt ấy (cette science statique) đầy rẫy ở trong các công xưởng ta, ngự giá ở trong các trường học ta. Nó khiến cho các ngài giáo-sư, các ngài kỹ-sư và cho biết bao nhiêu bậc tai mắt trong xã-hội những

địa vị thuận tiện nhưng đó là những tai điếc mắt lòa, những tai lừa mắt chuột chũi không ngửi thấy, không trông thấy cái cảnh bi thương của một nền trí-thức thối nát ».

Như vậy tỏ ra rằng trong sự đào luyện tinh thần của ta cái địa vị của khoa-học cho đến ngày nay cũng hãy còn nhỏ quá.

CHU'O'NG V

Óc Mô Lăng

Ở những chương trên, chúng ta đã tách bạch ra mấy thể cách tinh thần, mấy thứ óc, mỗi thứ có những đặc tính riêng biệt.

Sự thực, ở trong xã-hội ta là một xã-hội bán khai, đang ở vào thời kỳ hỗn tiến (développement combiné) ít khi ta gặp những thứ óc thuần túy trên kia. Phần nhiều ba thứ ấy pha chộn với nhau tạo ra hằng bao nhiêu thứ óc khác nhau tùy theo địa vị xã-hội và học vấn của từng người.

Những thứ óc hỗn hợp nảy chỉ giống nhau ở một chỗ là mù mờ không rõ rệt hẳn : đó là tính cách mô lăng.

Mô Lăng là một phẩm từ của Trung-Quốc,

ông Phan Khôi lần đầu mang vào tiếng ta (Xem Phụ-Nữ tân văn) để chỉ thái độ trí thức của một người trong khi suy xét biện luận, hành động, hay đứng ở giữa chừng không quyết hẳn về bên nào. Nó cũng có nghĩa tương tự như những danh từ rất nôm của ta như « *ba phải* » — *nói nước đôi, nói lưỡng*... hoặc như những danh từ hán việt thường dùng : *tùy thời, triết trung, ngụy biện*... song những danh-từ cũ này chỉ dùng riêng từng trường hợp mà không chỉ rõ một trạng thái tri thức đặc biệt.

Muốn linh dung óc Mô Lăng một cách cụ thể, ta hãy nhớ lại một vài hiện tượng xã-hội rất quen thuộc — quen thuộc đến nỗi ta không chú ý đến những tính cách mâu thuẫn ở đó nữa : những học sinh vận quần trắng áo the thâm sinh nói chuyện với nhau bằng một thứ Pháp văn sai mẹo ; những thanh niên âu phục đứng mốt đang hoan hỉ dự một đám ăn khao sặc sụa mùi xôi thịt, hoặc đang lê la trong những túp lều bần thỉu của những anh thầy tướng số, những thiếu nữ phục sức kiểu Lemur đang sì sụp lễ bái ở một ngôi đền bầy ngay

bên hè phố ; những tòa nhà gác đồ sộ hai ba từng vẫn giữ nguyên trên nóc nhà hai con rồng chầu mặt nguyệt hoặc bức vẽ « bát tiên quá hải », những phòng khách lộng lẫy với những đồ đạc tối tân, bên cạnh một cái tủ chè có bầy hạc, độc bình và hòm sắc.... tất cả những hiện tượng tức cười ấy của buổi giao-thời tố-cáo ở khắp các tầng lớp xã hội một tinh thần lộn sộn do đó nẩy ra một lối nghĩ quái gở : óc Mô Lăng.

Những người có óc Mô Lăng rất rễ tin và rất lười nghĩ. Nghe ai nói gì họ cũng tin ngay là đúng. Đọc ở trong sách điều gì họ cũng cho ngay là phải.

Họ công nhận những tư tưởng tự do phóng khoáng của Âu - châu ; và họ công nhận luôn cả những nguyên tắc luân-lý khe-khắt của đạo Khổng ; họ « nhét vào một bị » những điều phát minh mới lạ nhất của khoa học lẫn với tư tưởng cổ truyền của số mệnh thần bí ; họ vừa bênh vực chủ nghĩa cá nhân nhưng họ cũng không cho tinh thần đại gia đình là trái, là xấu ; họ vừa ở phái cũ, vừa ở phái mới ; họ để một chân

ở phương Đông và một chân ở phương Tây; giống như con rơi trong thơ ngụ-ngôn, họ vừa là chim, lại vừa là chuột.

Nguyên do là tại chế độ xã hội của ta đương biến đổi dở dang chửa ra một hình thức nào nhất định. Nhưng một phần cũng là tại họ không có công tìm hiểu sự vật; thiếu óc phê bình, họ thâu nhận một cách thụ động những kiến thức phổ thông ở nhà trường hoặc lượm lặt ở các báo trí hoặc ở những câu chuyện bá láp hàng ngày, hoặc ở những tin đồn vô căn cứ — trong sự nhận thức của họ, họ chỉ thích nhớ thực nhiều, rất sẵn lòng tin tưởng. Nhưng đó là những ký ức lờ mờ, những lòng tin không vững trãi. Rất ít khi họ tự mình quan sát, kiểm điểm, kinh nghiệm, suy xét để trọn lọc những kiến văn cần thiết cho đời sống. Không bao giờ họ hoài nghi một điều gì, nhất là cái điều ấy do một người có địa vị, có danh tiếng nói ra, không bao giờ họ để ý phê bình ngay cái nhận xét hồ đồ của họ.

Họ dễ nghĩ lầm, sợ nghĩ lầm. Họ có thể nhầm mắt tin theo những điều rất trẻ

con, rất mơ hồ, nhưng họ không theo nổi một phương pháp, một quy tắc nào trong lúc nghĩ. Ta cứ để ý nghe những câu chuyện công cộng trên xe lửa, trong các đám tiệc, trong các phòng khách... ta sẽ thấy rằng người mình nói rất nhiều mà nghĩ rất ít.

Nhiều khi những người mô lăng lại cố che đậy cái tinh thần suy-nhược của mình bằng một dáng điệu khôn ngoan. Họ tự phụ là những người biết khoa-học, họ bèn dùng những tà thuyết của khoa-học (như những sách vô giá trị của một bọn người loạn óc bên Âu-châu mệnh danh là phái thần học), để bênh vực những điều dị-đoan mê tín về ma quỷ, linh hồn, tướng số. Họ tự phụ là những người có óc tổng-quan cần biết rộng hơn là học sâu; họ tự tạo ra cho họ một thái độ triết trung để dung hòa tất cả những học thuyết đông tây, kim cổ. Tuy không hiểu rõ nhưng họ cũng nói đến thuyết trực-giác của Bergson và của Vương-Dương-Minh; đến thuyết trung đối của Einstein và lẽ tùy thời của

Khổng-Tử, những lẽ biến hóa trong Kinh-Dịch...

Ngụy biện là cái thủ đoạn họ thường dùng để bênh vực quyền lợi và lòng tự ái của họ; rất chủ quan, họ bịa đặt ra những điều không có thực, họ làm sai lệch hẳn những kiến thức thông thường, biến đổi hẳn ý nghĩa các danh từ, bẻ cong hết những lý thuyết nào lợi cho họ. Họ không thành thực trong khi biện luận. Và cũng không thành thực trong việc làm. Họ thiếu can đảm để đứng hẳn về một mặt, để quyết rõ một bề đen hay trắng. Họ thích nhất những thái độ nửa chừng. Họ cho thế là khôn! Không những lời nói và việc làm của họ phản trái nhau, họ lại mâu thuẫn ngay từ trong lúc nói, ngay trong lúc làm. Dùng những danh từ to lớn đẹp đẽ để che đậy những hành vi nhỏ nhen xấu-xa, ẩn-nấp đằng sau những lý thuyết triết lý để mưu danh trục lợi, lừa dối và phản bội người khác bằng một mặt nạ tri thức mập mờ ẩn-hiện. Đó là tư cách của những người thiếu thành thực trong tư tưởng, của

những người bèn trí thức, của những người có óc mô-lăng.

Óc mô-lăng lại thường có một biệt hiệu nữa rất thông dụng nhưng chưa có ý nghĩa xác định: óc sơ đẳng.

Cái danh từ mỉa mai độc ác này do một ông Nghè Tây — nhân trong một lúc tức tối vì có người đã dám không hiểu cái giá-trị văn-bằng của ông và đã đám chỉ trích ông — đã viết ra giữa xã-hội ta hồi bảy tám năm về trước. Đó là một mũi tên nhọn có tẩm thuốc độc đã siện qua bao nhiêu lòng tự ái. Các nhà văn, nhà báo không có bằng cấp, các học sinh ban sơ-đẳng và trung-đẳng, các công chức xuất thân ở những ban ấy ra... tất cả đều mang một mối hận thấm thía đối với kẻ kiêu ngạo kia đã vin vào bực thang nhà trường mà đánh giá trí thức của con người.

Thực ra, cả ông nghè kia lẫn những người đã mích lòng kia đều hiểu sai nghĩa danh từ óc sơ đẳng nguyên ở Pháp văn dịch ra. « Esprit primaire » không hẳn là trí thức của một người học trường sơ đẳng.

học ít hay vô-học. Có những người xuất thân ở các trường cao cấp ra mà vẫn giữ óc sơ đẳng.

Ý nghĩa danh từ óc sơ-đẳng vượt hẳn ra ngoài phạm-vi nhà trường : nó chỉ-thị một trạng thái tinh thần mập mờ, một lối nhận xét cẩu thả, một lối nghĩ nông nổi, những thể cách hoạt động của những khối óc non nớt.

Có những người học rất nhiều, nhớ rất nhiều, mà vẫn thiếu phương pháp nhận thức, thiếu óc phê-bình. Họ cũng mê tín như đàn bà, không phải mê tín ma quỷ đồng bóng, nhưng mê tín những thành kiến của xã-hội, mê tín những lý thuyết trong sách vở ! Nguyên do là tại họ ở vào những cảnh ngộ êm ái quá, thuận tiện quá không bao giờ phải vận dụng hết tinh thần để giải quyết những vấn-đề thiết thực trong đời sống. Nếu người làm ruộng chọn lầm hạt giống, nếu người thuyền chài đoán sai chiều giời, nếu người tiều phu không nhận rõ lốt chân thú dữ trong rừng, thì những sự sơ ý ấy sẽ đem tai họa đến cho họ. Vì vậy nên nhiều

khi họ cần phải có những giác quan tinh tế và một tri xét đoán sắc sảo.

Còn như người gọi là tri thức lại khác hẳn. Sự luận đàm suông hoặc sự viết văn trên mặt giấy... không có động gì đến sự yên vui của họ; dù họ có sai lầm họ cũng không biết hoặc không cần lưu ý. Khối óc của họ không chiếu thẳng vào thực tế và không có trách nhiệm trong đời sống của họ. Thiếu cọ-xát, thiếu cố gắng, nó bị yếu ớt mờ tối. Những kiến văn chồng chất trong đầu họ, nếu không thỏa mãn một tính phô trương rất tầm thường thì chỉ làm cho họ quần trí thêm. Chính vì thế mà họ nghĩ một đằng làm một nẻo, bầy ra cái cảnh tượng rất thương hại, rất tức cười của một người bị lôi kéo đi nhiều ngả. Cá tính của họ không rõ rệt, họ là những hòn bột tha hồ cho hoàn cảnh vo tròn bóp bẹp. Đó là những người mô lăng có học, những bộ óc sơ đẳng ẩn nấp đằng sau một lớp sơn trí thức hào nhoáng.

Nói tóm lại, óc sơ đẳng là một thứ óc có một trong hai tính cách này: nông nổi hoặc hẹp hòi. Tật thứ nhất thường gặp ở

những người học ít, không biết lượng cái vốn học thức của mình, và lại hay vin vào đó để lập luận trong khi họ có thể tìm ngay trong đời sống của họ những kiến thức rất vững chãi. Tật thứ hai thường gặp ở những người học nhiều nhưng chỉ khư-khư ở trong một khu vực lý thuyết viển vông không ăn nhập gì vào đời sống của họ và ở xung quanh họ.

Hai sự học thiếu bề sâu và bề mặt ấy làm cho tinh thần của ta khô héo cằn cỗi, không đủ sức thích ứng với hoàn cảnh luôn-luôn biến đổi.

Tình trạng tinh thần mô lăng làm cho chúng ta rất khó chịu, chúng ta thấy rằng sự học vấn nửa chừng, sự âu hóa nửa chừng, sự tiến bộ nửa chừng... chỉ gây ra những cảnh ngộ dở dang, những nhân vật thiếu tính cách rõ rệt. Và bao nhiêu bi kịch xung đột của buổi giao thời bắt nguồn tự đó, và sự xung đột ấy cứ kéo giài mãi ra không có lối giải quyết.

Chính vì thế mà có một số trí thức tân học đã có khuynh hướng quay về tìm những di sản tinh thần của phương đông

Sự bất lực đứng trước cuộc đời nghiêng họ về thuyết định mệnh, và tạo cho họ một thái độ thụ động giống như các nho-sĩ nhàn tản ngày xưa. Họ muốn làm sống lại những vang bóng một thời xưa, họ đua nhau ngâm nga những thi ca của Lý-thái-Bạch, Đỗ-Phủ... và của những môn đệ Việt-nam theo gót các thi nhân ấy; họ đua nhau nghiên cứu những đạo lý cao siêu của Khổng-Tử, Mặc-Tử, Lão-Tử, Tagore... mà họ cho là thâm thúy hơn những nhà tư tưởng Âu-châu, họ muốn phục hưng lại cái phong độ bình tĩnh, trầm mặc của người cao sĩ hiểu thời thế và « tri thiên mệnh »...

Nhưng đó chỉ là những cử chỉ mỏi mệt của những người đầu hàng trước những sự khó khăn trong đời sống. Chúng ta ngày nay không thể nào ở nhà cỏ, ăn cơm hẩm, và uống nước bần được. Chúng ta đều có ý muốn — một ý muốn chính đáng — dùng khoa học để nâng cao trình độ sinh hoạt, vật chất và tinh thần của ta lên — Vậy thì ta không thể nào nhẫng bỏ cái phần cốt tử của khoa học — Cái này cũng phải được nhiễm xâu vào xương tủy chúng ta, nếu chúng ta muốn

có đèn điện, máy nước, sà phòng, tầu thủy, xe hơi... và nền bao nhiêu tạo phẩm nữa mà khoa học đã chế ra để làm cho đời sống của con người bớt chật vật, bớt bần thỉu, bớt đau đớn. Chúng ta đã đứng ở một tình thế không thể lùi được nữa. Chúng ta cần phải đi vào con đường của khoa học đi vào với cả phần xác lẫn phần tinh thần của ta.

Đã từ lâu, chúng ta muốn có những bác sĩ, những nhà thám hiểm, những nhà khoa học chân chính sở dĩ góp mặt được với thế giới trong sự vun đắp nền tri thức chung của nhân loại.

Nhưng chúng ta chưa gặp được những kết quả mong ước. Có lẽ vì ý muốn của ta còn rụt-rè quá : ta muốn giữ nguyên lấy tinh thần cổ hữu, và trong khi đó vẫn học những kỹ thuật tinh sảo của khoa học Âu-châu ; có lẽ vì ta đặt cái cầy trước con bò : ta muốn trong chớp mắt biến một người mê tín, luộm thuộm, cầu thả thành một nhà bác học duy vật, sáng suốt, đanh thép.

Gần hơn nữa, thiết thực hơn nữa, nếu

chúng ta chưa có đủ tài năng để góp mặt trên đài Khoa-học, ít ra chúng ta cũng cần phải có đủ tư cách để sống trong một thời đại mà Khoa học làm bá chủ. Vả lại, chính cái này làm nảy ra cái kia, làm nền tảng, làm cảnh-vực (milieu) cho cái kia có thể kết tinh lại được.

Vậy trước khi bàn đến những lý-thuyết khoa học cao siêu và những kỹ thuật khoa học tinh sảo, chúng ta cần phải rèn luyện cái tinh thần còn non nớt của ta; muốn thành những nhà bác học, ta hãy phải là những người sáng suốt trong đời sống hằng ngày.

Sang phần thứ hai, chúng ta sẽ thử dò hỏi dĩ vãng của khoa học, để cố tìm ra một bài học thực dụng.

PHẦN THỨ HAI

Đi tìm một lối nghĩ

Ở phần trên, chúng ta đã thấy rằng có những lối nhận thức rất tai-hại, rất nguy hiểm cho sự sinh hoạt, sự tiến-hóa của chúng ta. Những thứ tinh thần u-mê (chương II), chơi vơi (chương III), cục-súc bẹp-hòi (chương IV), và mập-mờ thiếu tư-cách rõ rệt (chương V) là những cản trở không thể dung-túng được nữa, phải phá đổ đi.

Nhưng, nêu ra một vấn-đề (vấn-đề nhận thức) không phải chỉ là phê-bình những cái đã có ; mà còn là, chính là « băn khoăn đi tìm một cái gì thiết-thực hơn, thích hợp hơn, chưa hiện rõ ra.» (Denis de Rougemont).

Cái thể-cách trí-thức mà chúng ta đương tìm, phải chăng là óc khoa-học? Óc khoa-học là gì? là cái tinh thần của ai? của xứ-xở nào? của thời đại nào?

Điều quan hệ, ở đây, không phải là tìm lấy một khuôn-mẫu để thờ phụng (?), không phải uà theo để bắt trước, mà chính là tìm hiểu để xét đoán, chọn lọc, để thích-ứng và tự-hướng-dẫn. Óc khoa-học, một kết quả phiền-tạp của bao nhiêu công phu cố gắng của loài người từ xưa đến nay. Vậy muốn giải thích nó, ta phải dựa vào thuyết tiến hóa, thuyết này đã được khoa học chứng minh rõ rệt và đã phổ biến khắp trong tư tưởng giới ngày nay.

Về lại lịch sử khoa học là một việc rất công phu, rất khó khăn. Tôi chỉ xin dựa vào những tài liệu của các nhà xã hội học để ghi lại sơ qua mấy đoạn đường quan trọng trong lịch trình tiến hóa của tư tưởng loài người.

Đó là: 1) óc kinh nghiệp
2) óc duy lý
3) óc thực nghiệm
4) óc biện chứng

CHƯƠNG I

Óc kinh-nghiệm

Chúng ta thường tin rằng giời (?) sinh ra con người và cho (?) con người một năng-khiếu đặc biệt để làm cho con người khác với giống vật khác. Năng-khiếu ấy gọi là Tri-tuệ, khiếu thông minh, lý-trí... Nó là một phần linh hồn, phần cao quí nhất của linh hồn ; nó ngự ở khối óc, cai quản con người và chi phối đời sống — Và, tùy hứng, nó tạo ra tư tưởng, tạo ra khoa-học, tạo ra tất cả.

Đó là một thuyết thần bí, giống như thuyết « Homo sapiens » (con người linh-trưởng, sẵn có tri thức) ở Âu châu ngày xưa. Cái thuyết mơ hồ này bây giờ không thể đứng

vững được nữa. Các nhà tâm lý học và xã hội học khảo về sự phát triển tinh thần con người cổ sơ đều chứng rằng: sở dĩ con người bắt đầu biết nhận xét, biết suy nghĩ, biết sáng kiến, không phải là vì khối óc, mà là nhờ... có hai bàn tay.

Khoa tỷ giảo giải phẫu học (Anatonie comparée) cho ta biết rằng khối óc và các giác quan của loài người kể về cách cấu tạo có khi lại kém tinh tế bằng của nhiều giống vật. Kể về kích thước và cân lượng thì óc người không to không nặng bằng của giống voi, giống ngựa và của một vài loài khỉ. Kể về kiến trúc, thì những lớp óc hay não hồi (circonvolutions cérébrales) của óc người không phiền phức bằng khối óc của giống hươu cao cổ sống ở các sa-mạc (girafe). Và chúng ta đều biết rằng mắt người không sáng bằng mắt mèo, mắt vọ; mũi người không thính bằng mũi chó, mũi chuột; thần kinh hệ của người không rung động mau lẹ bằng thần kinh hệ các giống chim và các mãnh thú. Nói tóm lại, nếu chỉ có những cơ quan kể trên dùng để tiếp xúc với ngoại giới, thì sự nhận

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F.

thức của loài người chắc là không hơn gì của giống khỉ mấy.

Nhưng con người có hai cánh tay, hai bàn tay rồi rãi không phải dùng để bò như những loài bốn chân, để bám như loài khỉ (1). Hai bàn tay của loài người dùng để sờ, mó, nắn, lôi, kéo, chọc, sẽ, bóp, nặn, bẻ, ném, nâng lên, đặt xuống, biết được vật nào cứng, vật nào mềm, vật nào lỏng, vật nào đặc. Chính vì sự đụng chạm — nhiều khi đau đớn ấy — mà con người biết phân biệt mình với ngoại vật, bắt đầu có ý thức về bản thân mình, và lại biết so sánh các vật bên ngoài để xem vật nào lợi cho mình.

Hai bàn tay lại dùng để ra hiệu, để trao đổi ý kiến với đồng loại. Theo các nhà ngôn-ngữ-học, cách nói chuyện, cách thông tin *đầu tiên* của giống người là ra hiệu bằng cử-chỉ, bằng hai bàn tay như những người vừa câm vừa điếc. Nhờ có những cử-chỉ ấy, loài người mới hiểu nhau, rồi dần dần những tiếng kêu đầu tiên mới phỏng theo

(1) Xem quyển **Gốc tích loài người** của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH có giải thích lẽ này.

những cử chỉ ấy mà biến thành những tiếng nói mỗi ngày mỗi gầy gọn, tinh vi thêm. Ngày nay ở một vài bộ lạc còn mọi rợ ở Úc-châu. ngôn-ngữ còn non nớt quá, đến nỗi ở trong bóng tối, người ta không nói chuyện với nhau được, vì ra hiệu không trông thấy.

Ngôn ngữ là những biểu hiệu đầu tiên để tỏ ý kiến, để ghi lại những hình ảnh, những ý niệm về các vật bên ngoài. Vậy nhờ có ngôn ngữ, loài người mới có trí nhớ ; rồi mới có liên tưởng, có suy nghĩ. tuy rằng buổi đầu còn rất sơ sài.

Điều quan trọng hơn hết là nhờ có hai bản tay, loài người mới tạo ra những dụng cụ để điều khiển vật chất bên ngoài (cái búa bằng đá, cái kim bằng xương mài nhọn), tạo ra những khi giới để chống cự với thú dữ, (cái gậy, con dao, cái cung), tìm ra lửa để sưởi cho khỏi chết rét, và nấu đồ ăn cho khỏi chết đói. Nhờ có những công trình sáng tác ấy của hai bàn tay, sự sinh hoạt của con người thái cổ mới đỡ chật vật, đỡ thúc phọc. Và nhờ sự tiếp

xúc. càng ngày càng mật thiết với ngoại vật (vì hai bàn tay) càng ngày bắn càng để ý đến những hiện tượng quanh mình : « Có dùng một vật nào rồi mới biết nó là cái gì » (Felix Sartiaux). Theo nguyên tắc ấy, kiến thức loài người cũng nhờ ở hai bàn tay khéo léo mà rồi rào thêm dần dần. Vì phải thích ứng luôn với hoàn cảnh đặc liệt luôn luôn thay đổi, hai bàn tay phải làm việc luôn luôn, và sự cố - kết với đồng loại càng thêm khăng khít. Ngôn ngữ càng ngày càng nhiều ra, và trong lúc giao-động giữa xã-hội, tri thông - minh của con người cũng dần dần nẩy nở ra — Đó không phải là khiếu thiên bẩm (?) đó chỉ là kết quả của một sự va chạm giữa con người và hoàn cảnh. Đó là « một thể cách thích-ứng của con người khi gặp những điều kiện sinh - lý và xã hội bắt buộc » (Cuvillier) — Chính vì lẽ đó, mà trí thông-minh của con người ở mỗi chỗ một khác, ở mỗi thời một khác, và những cái gọi là chân-lý bao giờ cũng tương - đối với sự hoạt động của mỗi người chúng ta.

Mới buổi đầu, hai bàn tay con người

còn vụng dại, sự sinh hoạt còn thiếu thốn nhiều (loài người mà biết hái quả, bắt chim, mò cá...), nên tri thức của con người cũng rất thô sơ. Nhưng cái trí thức ấy cũng đã thành hình ngay từ thời tân thạch-khí rồi (người ta đã biết vẽ vào đá ghi lại hình ảnh những con vật ít khi thấy), và về sau cứ theo sự tiến bộ của hai bàn tay, của kỹ-thuật mà phát triển thêm ra. Theo nhà nhân-chủng-học Weber, thì vào khoảng 5, 7 nghìn năm trước tây lịch, loài người đã biết sáng tạo ra máy sợi, máy dệt, cách làm đồ gốm, cách dùng sắt, cách sây nhà cửa bằng đá, cách giao thông bằng thuyền bè, cách chăn nuôi súc vật — Tuy kỹ-thuật đã tiến bộ nhiều, song khi loài người còn ở thời kỳ du-mục, chưa có sở cứ nhất định, thì tri thức cũng còn yếu ớt lắm, chưa có kiến thức gì rõ rệt cả.

Về sau khi loài người tìm ra được những khu vực phì nhiêu thì mới đoạn tuyệt hẳn với cuộc đời lang-thang nay đây mai đó. Lúc bây giờ đời sống mới yên ổn

một chút, người ta bèn dùng tay vào gieo hạt giống cây. Người ta cần phải quan sát kỹ-càng cây cỏ, gia súc, và những hiện-tượng thiên nhiên như mưa, gió, sấm, sét, để thu nhặt những kiến thức thực-dụng. Một mặt khác, sự phân công trong đoàn thể làm nẩy ra một bọn cầm đầu không phải làm việc bằng tay. Bọn này có thì giờ xem xét những tinh tú, và dựa vào sự kinh nghiệm riêng đó để giữ quyền-thế của mình. Đến khi tìm ra sắt và đồng, nông nghiệp phát đạt, thì sự trao đổi sản vật mới lại làm nẩy ra bọn người buôn bán.

Bọn này trong khi đếm và tính toán bèn đặt ra chữ số và chữ viết...

Trong thời kỳ nông nghiệp này (4000 năm trước Tây-lịch) kiến-thức của loài người đã bắt đầu rõ rệt, và trí thông minh đã trở nên sắc-mắc thành một lợi khí để sinh hoạt.

Ở Ai-cập (khu vực sông Nil) và ở Lưỡng-hà-địa (khu vực hai con sông Tigre và Euphrate) người ta đã chế ra cách đo đất (nguyên thủy khoa kỷ-hà-học), cách cân lường, cách đếm bằng chữ số, mấy phép

tính sơ lược; người ta lại biết chiều theo sự chuyển vận của các vị tinh-tú để lập ra Dương-lịch (rất cần cho sự làm ruộng); người ta biết cách đoán bệnh và cách ướp xác cho khỏi thối (momie). Những Kim-tự-tháp đồ-sộ (sây tự đời các vua Pharaon thời ấy) tỏ rằng kỹ-thuật kiến-trúc đã khá lắm.

Ở Ấn-độ (khu vực sông Gange) các nhà buôn đã biết đặt ra chữ số và những phép tính tiện lợi (khoa đại-số-học là của Ấn-độ do người Ai-cập truyền sang Âu-châu).

Ở Trung-hoa (khu vực sông Hoàng-hà và Dương-tử) đã có những cách ướp chè, làm giấy, dệt lụa, chế thuốc súng, địa bàn, chữa bệnh, luyện đơn và chiêm tinh.

Đại-đề, những kiến thức nhà nghề ấy, tuy rằng có khi cũng khá tinh vi, nhưng phần nhiều còn sơ lược, lại thêm rời-rạc, lộn-sộn, và có tính cách quá ư thực tiễn. Nhất là những kiến thức ấy còn bị trộn lẫn với rất nhiều tin tưởng ma-thuật và thần-bí nó đè nén tinh thần con người.

Tuy vậy, nhờ có hai bàn tay và sự hợp

đoản (cái này làm nẩy ra tiếng nói và tư tưởng), nhờ có sự cố gắng để cải thiện kỹ-thuật và đời sống, đến thời kỳ nông nghiệp này, loài người đã vượt được một chút ra ngoài vòng thần-bí u-ám. Con người không bị sự tưởng-tượng hoảng hốt hoàn toàn cai trị nữa, vì đã sớm rèn luyện được một thể cách nhận xét đắc lực : óc kinh nghiệm.

Kinh hghiệm tức là bắt đầu tin vào các giác quan của mình, vào trí nhớ của mình, vào mình ; tức là bắt đầu hiểu những lề-lối chuyền-biến của ngoại vật, tức là bớt sợ hãi những sự bất ngờ ác-liệt, và thêm can-đảm, thêm phấn khởi. Thể cách kinh nghiệm càng bành trướng trong tinh thần con người, thì đời sống càng vững-vàng, tư tưởng càng sáng sủa, tình cảm càng rộng rãi.

Có thể nói rằng vào khoảng 700 năm trước Tây-lịch, ở những khu vực văn minh kể trên, nhất là ở quanh Địa-trung-hải (như Asyries, Chaldée, Asie mineure, Syrie, Phenicie, Perse, đảo Rgée Hy-lạp là những nơi gặp gỡ của những nền văn minh nông nghiệp) đã có rất nhiều mầm mống của

các khoa toán học, thiên-văn-học, hóa-học, y-học... sau này ; đã có rất nhiều nguyên-liệu để sây dựng một lâu đài trí thức. Nhưng còn thiếu một khoảng đất làm nền, tảng và nhất là thiếu những tay kỹ sư có tài có gan để khởi công và điều - khiển sự sây-dựng.

CHU'O'NG II

Óc duy - lý

Óc duy-lý là thể cách tư tưởng chính của người Hy-lạp đời thượng cổ. Nhờ có óc duy-lý này mà họ đã chung đúc được những kiến-thức kinh nghiệm bác tạp của những lớp người trước. Họ lập ra một phương pháp nhận thức rõ rệt, những hệ thống tư tưởng vững bền, vượt hẳn lên một tầng trí thức khác hẳn với óc kinh nghiệm nói ở chương trên, và mở đường cho khoa học cận đại sau này. Renan khi nghiên cứu sự phát triển của óc duy-lý ấy, đã gọi đó là « phép mầu Hy - lạp » (miracle grec).

Vậy ta thử xét xem cái phép mầu ấy

là cái gì ?

Những người có công đầu. — Những người có công đầu trong việc sây dựng khoa-học cổ Hy-lạp, không phải là những người Hy-lạp làm ruộng hiền lành, rút rát và nệ cổ. Bắt đầu từ khoảng 1300 năm trước Tây lịch, đã có những người táo tợn vì sinh kế hoặc vì hám lợi, di cư từ bán đảo Hy-lạp sang các cù lao Egée, Sicile, Chypre, và nhất là sang Tiểu-Á-tế-Á (Asie mineure); có người lại sang tới Ai-cập và đến sinh cơ lập nghiệp tận ven bể phía nam nước Pháp. Hầu hết là những người mạo hiểm bỏ quê cha đất tổ để đi tìm một đời sống rộng rãi hơn ở nhà. Sang đến xứ lạ, nhất lại là những nơi đô hội đông đúc ở những khu vực văn minh phát đạt, sự cạnh tranh rất ráo riết; họ chạm chán với rất nhiều trở lực để chiếm đoạt những quyền lợi cấp bách. Họ bắt buộc phải rứt hết những xiềng xích hủ tục và thành kiến. Phải phấn đấu luôn-luôn để giữ lấy phần sống, họ trở nên *tinh nhanh, tháo vát, quả quyết, can đảm*, nhiều khi phải liều lĩnh nữa. Trong sự cọ xát kịch liệt với mọi nỗi khó

khăn ấy, họ lại rèn luyện được những đức tính cốt thiết của người kinh doanh. có thứ tự, biết tổ chức, biết tùy cơ ứng biến, gan góc, quyết liệt, luôn-luôn giữ chí tiến thủ. Đó là những người vừa hăng hái vừa sáng suốt, vừa khôn khéo. Họ đã thành công trong sự lập nghiệp ở ngoại bang, nhất là ở Tiểu - Á-tế - Á. Hơn nữa, họ lại phát minh ra chữ Hy-lạp; phát minh ra cách làm đồ sứ, cách đúc sắt, đúc đồng. Về phương diện chính trị, họ lập những chính thể dân chủ đầu tiên ở Anatolie và tổ chức xã hội một cách khôn khéo. Về phương diện tri thức, họ đã thu thập được hầu hết những kiến thức tinh vi của những văn hóa cổ rải rác ở xung quanh Địa-trung-hải (Cổ Ai-cập, Lưỡng-hà-địa, Ấn-độ). Những ảnh hưởng tinh thần ấy, đi đôi với cuộc sinh hoạt trên kia, dần dần biến đổi cách nhận xét, cách suy nghĩ, cách diễn giải của họ.

Những triệu chứng. — Ngay từ khoảng 900 năm trước Tây lịch, sự biến đổi tinh thần ấy đã phát hiện ra rõ ràng trong văn chương Hy - lạp. Ta hãy xem những bản

anh hùng ca Iliade và Odyssée của thi-sĩ Homère (có người cho đó chỉ là một cái tên giả vì không phải có một người viết mà có nhiều người dự vào sự sáng tác hai cuốn sách ấy) dùng để ca ngợi cái đời sống đầy gian lao nguy hiểm của bọn di dân Hy-lạp. Đó là những áng văn chương *sáng sủa* và *mạnh mẽ*, trong đó tư tưởng diễn ra rất có mạch lạc, những tình cảm cũng đã đem phân tích rõ rệt; lại có những đoạn tả cảnh rất tỉ mỉ tinh xác, tỏ rằng người Hy lạp hồi bấy giờ đã biết quan sát, kỹ lưỡng và có khuynh hướng về nghệ thuật tả chân. Hai bản anh hùng ca ấy, từ mấy thế kỷ nay, vẫn dùng làm sách giáo khoa trong các trường học Pháp cho học trò coi làm gương mẫu để viết văn cho gẫy gọn, nhất là để tả cảnh cho đúng. Ông Antoine Albalat, một nhà phê bình Pháp có tiếng đã chứng rằng trong Iliade và Odyssée có những đoạn tả cảnh rõ rệt quá, như « chụp hình được thực tế » không kém gì nghệ thuật tả chân hiện đại. Cũng cùng một thể văn sáng sủa, khúc triết như thế, nhà sử học Hy-lạp Hérodote (mà người ta vẫn gọi là

thủy tổ của sử học) để lại cho đời sau rất nhiều tài liệu xác thực khác hẳn với những thiên sử ký hoang đường của các xứ khác vào hồi bấy giờ.

Vậy đủ tỏ rằng trong khi hầu hết các dân tộc khác còn đang trầm đắm trong vòng tối tăm thần bí, tinh thần Hy-lạp đã tiến đến một trình độ trí thức khá cao, rất lợi cho sự phát triển của khoa học. Ở những nơi di cư trú ngụ của người Hy-lạp, vào khoảng từ 700 đến 500 trước Tây-lịch, đã thấy lác đác xuất hiện những nhà toán học như Thalès (ở Milet), Pythagore (ở Samos), những nhà triết học như Empédocle (ở Agrigente), Démocrite (ở Abdère)... Kiến thức con người bắt đầu lập thành những hệ thống độc lập, vượt ra ngoài vòng thực tiễn eo hẹp. Khoa học đã manh-nha rồi. Nó còn cần đến một khoảng đất tươi tốt để đâm chồi nẩy lộc ra nữa.

Khoảng đất ấy là cảnh thổ Hy-lạp, khi con cháu bọn tha phương cầu-thực kia đã dần dần trở về xứ sở, mang theo về rất nhiều kỹ thuật tinh sảo và một di sản tinh thần vô cùng quý báu : một khối óc sáng

suốt, khoáng đạt và ham hiểu biết.

Xứ Hy-lạp là một bán-đảo nhỏ, xung quanh hầu hết là biển, rất tiện cho sự giao-thông. Dân Hy-lạp thường qua lại những xứ Egée, Phénicie, Tiểu-Á-tế-Á, Ai-cập để buôn bán giao-dịch. Trong sự tiếp xúc đó, những thành-kiến cố-hữu bị va chạm, bị công-kích luôn luôn, dần dần rọng đi hết; trí-tuệ con người mở rộng để đón những luồng tư-tưởng ở mọi phương đưa lại. Một mặt khác, nhờ khí hậu ấm-áp, nhờ địa-thế thuận tiện, nhờ ở tài kinh dinh di truyền, nhờ những kỹ thuật đã học được ở ngoài, sự sinh-hoạt của dân Hy-lạp trở nên phong-túc, rộng rãi. Gia dĩ chế độ xã-hội dân chủ Hy-lạp lại rất phóng khoáng, không áp-bức ràng buộc người dân quá độ. Trừ ra, một bọn người bị bắt làm nô-lệ, một phần khá đông đều không bị sinh-kế bó buộc lắm, họ bèn đi tìm những lạc thú tinh thần. Ở các nơi đô-hội, có những nhà diễn kịch, những tao đàn, những thư viện, những viện bảo tàng, những phòng triển lãm mỹ thuật, những khu vườn xinh đẹp dùng làm trường học, đời sống xã hội được nhiều về êm ái,

nghiêm trang trong bầu không khí thanh-tịnh của văn chương, nghệ thuật, tư tưởng.

Khoa học Hy-lạp.— Chính ở trong bầu không khí đó mà trong hai thế kỷ thứ VI và thứ V trước tây lịch tinh thần Hy-lạp kết tinh lại, làm nảy nở ra ở trong bọn người thượng-lưu rỗi-rãi những trí-thức siêu-việt : Parménide Elée, Leucippe de Millet, Anaxagore, Héraclite, Protagoras, Socrate, Platon, Aristote, Zénon, Epicure... những nhà triết học ấy đại diện cho một thứ tinh thần sáng sủa, khúc triết, đã được rèn rũa trong bao nhiêu năm trong sự kinh doanh, sự thương mại, sự cọ xát với những văn-hóa tinh tế ở quanh Địa-trung hải.

Họ nắm trong tay hầu hết những kiến thức sán lạn của thời đại, và họ dựa vào đó suy luận một cách chặt chẽ theo phương pháp nhà toán học là môn học mà họ chuyên hơn cả. Platon đã yết bảng ở trước nhà : «Những ai không phải là nhà kỷ-hà-học thì đừng vào đây ». Họ chọn lọc và xếp đặt những kiến thức kinh nghiệm bác tạp, lập thành những hệ thống triết lý. Ví dụ thuyết tự-tri của Socrate, thuyết chí thiện của Platon, thuyết tiến

hóa của Anaximandre, thuyết biến dịch của Héraclite, thuyết nguyên tử của Démocrite, Epicure, thuyết bốn nguyên tố (nước, khí giới, đất, lửa) của các nhà triết học ở Ionie...

Ngoài những nhà triết-lý kiêm bác-học ấy ra, còn có những nhà trí thức chuyên nghiên-cứu từng khoa học một cách rõ rệt hơn. Về toán-học, Euclide lập ra khoa kỷ hà học Euclide, mà ngày nay còn thông dụng; Archimède đem toán học áp dụng vào cơ khí, và Apollonius tạo ra những nguyên tắc mầm-móng của khoa vi-phân số học (calcul infinitésimal).

Về thiên-văn-học, Dosithée, Conon, Aristarque và Erastosthène đã biết giải thích nhật-thực nguyệt-thực, biết chứng-minh rằng trái đất tròn và quay, rằng mặt trời là trung tâm của thái dương hệ, và đã tìm cách so sánh xem mặt giăng và mặt trời cách xa trái đất bao nhiêu.

Về địa chất học, Xénophane và Anaximandre chuyên khảo về những địa-tầng và hóa thạch, và nêu ra giả thuyết Sinh-tiến-hóa.

Nói tóm lại, bất cứ trong ngành khoa-

học nào ngày nay, cũng đã có vết chân thám hiểm của các nhà khoa-học Hy-lạp. Tuy rằng kiến thức của họ chưa được tinh xác như bây giờ (vì kỹ thuật hồi ấy còn kém cỏi, các dụng cụ để quan-sát còn sơ sài) song kể về phương pháp nhận thức thì đó cũng là một bước tiến bộ rất dài trong lịch trình tự tưởng của nhân-loại.

Lần đầu tiên trí tuệ con người kiên quyết vượt hẳn lên trên đời sống hằng ngày, ra khỏi vòng nghề nghiệp eo hẹp, ra khỏi vòng thần-bí u-ám để giải thích vũ-trụ và ý nghĩa cuộc đời ; lần đầu tiên, tinh thần con người tác động theo một phương pháp nhất định, vững-vàng, nghiệt ngã, và chỉ muốn biết để mà biết, không có chút mảy may vụ lợi ; lần đầu tiên lý trí con người được nâng lên một địa-vị độc-lập, tự cho mình đủ quyền lực để giải quyết mọi vấn đề thiết thực và cao-xa.

Óc duy-lý — Óc khoa-học duy-lý Cổ-hy-Lạp là kết-quả của một sự đột biến, một sự vượt bực của trí-thức loài người

mà ta cần phải nhận rõ. Để phân biệt với những thứ tinh thần thuần lý siêu-hình của Trung-hoa, Ấn-độ. Bị kìm kẹp trong khuôn khổ những ngôn ngữ chật-hẹp (tiếng tượng-hình của Trung-hoa), những tinh-thần ấy đi vào những con đường thần bí, tin vào Thượng đế, mơ tưởng sự luân hồi, không dám tin ở sức lực của mình. Càng đi xa về nẻo đó, con người càng lạc xa con đường sáng sủa của kinh nghiệm, của khoa-học. Dù cho những lý-thuyết kia có hiểm-hóc bao nhiêu đi nữa, nhưng tựu trung vẫn ở trong vòng mờ tối, yếu đuối, không có giá trị gì trong sự tiến hóa của loài người.

Óc duy-lý Hy-lạp thì khác hẳn. Đó là một thứ tinh thần dựa lên kinh-nghiệm, (Platon thông thạo các khoa-học, Aristote rất sở trường về sinh lý học; toán học cũng là một khoa học kinh nghiệm). Nhưng nó muốn vượt xa hơn kinh nghiệm, muốn xếp đặt tất cả những kiến thức kinh nghiệm làm thành một mối có trật tự, một trật tự toán-pháp do trí não con người ban ra. « Có kiến thức đại toàn tức là có khoa học »

(Il n'y a de science que du général), nghĩa là có hiểu thấu bao quát cả sự vật mới là hiểu biết, cái nguyên tắc của Aristote này, ngày nay cũng vẫn được công nhận.

Tuy vậy, Khoa-học Hy-lạp đối với Khoa học hiện đại, cũng còn rất non nớt vì ba yếu điểm:

1.) Các nhà tri thức Hy-lạp quá lạm dụng phương-pháp suy-luận của nhà toán học, nhà kỷ hà học. Họ mang những định lý đơn giản quá, thẳng mực quá của nhà toán học ra để giải-thích mọi hiện-tượng phiền-tạp trong giới đất. Tất nhiên họ phải cưỡng ép tư tưởng và đưa nó đi xa sự thực.

2.) Có lẽ vì khoa-học Hy-lạp chỉ là của riêng một bọn thượng lưu trí thức, sống ở trên cuộc đời, xa cuộc đời. Những kiến-thức khoa-học của họ — khởi thủy ở kinh nghiệm — nhưng lại vượt đi xa quá, không bắt dễ vào thực tế, không có ảnh hưởng gì mấy đến kỹ thuật sinh sản của xã hội, đến nền móng kinh tế, của xã hội.

3.) Vì vậy nó không dự gì mấy vào đời sống của toàn-thể xã-hội. Phạm-vi nó rất hẹp.

Bên cạnh những nhà bác-học duy-lý kể trên, phần đông dân chúng vẫn còn thích những chuyện thần-thoại hoang đường. Óc duy-lý chưa phổ biến trong tinh thần người đương thời, nên thiếu hậu thuẫn vững chắc.

Vì thế cho nên sau này (400 năm sau tây lịch) tuy rằng óc duy-lý ấy có sang La-mã (nhất là trong khoa luật), nhưng cũng không phát triển được nữa. Khi đế quốc Hy-lạp La-mã tiêu vọng, thì tinh thần Hy-lạp cũng theo các nhà trí thức mà siêu đạt đi luôn thể.

CHƯƠNG III

Óc thực-nghiệm

Óc thực-nghiệm là một tinh-thần đặc-biệt của người Âu-châu. Không những đó là một khí-giới lợi-hại để nâng-cao giá-trị và quyền-thế của họ, đó lại còn là một động-lực mãnh-liệt trong cuộc tiến-hóa chung của cả loài người nữa. Sở dĩ ngày nay Khoa-học đã đảo-lộn cả sự sinh-hoạt trên mặt trái đất cũng là nhờ ở sự phát-triển của óc thực-nghiệm.

Tuy nhiên, cái này cũng không phải là một bảo-vật thiêng-liêng thần-bí gì, nó chỉ là con đẻ của óc kinh-nghiệm và óc duy-lý, nó là một kết-quả đẹp-đẽ của một sự thai-nghén inh-thần kéo giài trong mười mấy thế-kỷ ở

Au-châu

Vậy ta hãy dò hỏi nguyên-nhân của nó trước khi xét đến những tính-cách và những năng-lực của nó.

Thời - kỳ phôi - thai. — **Thời kỳ này kéo giài xuốt trong đời trung - cổ Âu-châu** (thế - kỷ thứ **V** đến thế-kỷ thứ **XV**) **Tuy rằng tinh-thần người trung-cổ vẫn bị tư-tưởng tôn-giáo thần-bí đè ép, nhưng nó vẫn cố gắng rẫy-rụa để đi tìm con đường phát-triển thích hợp hơn. Trong cuộc ngoi theo ánh-sáng này**, ta phải kể đến công người **Á-rập** và nhất là người **thợ rất đắc-lực trong thời trung-cổ mà người ta vẫn gọi là luyện-đơn thuật-sĩ** (alchimiste).

A) Người Á - rập **mang** truyền - bá **Hy-lạp sang Âu - châu, tức là làm sống lại óc duy-lý. Người Á-rập đã nhờ người các xứ Syrie, Ai-cập và Ba-tư truyền khoa-học Hy-lạp cho sau khi Đế-quốc La-mã diệt-vong (thế-kỷ VIII và IX). Nhờ có ngôn-ngữ rất tinh-sảo, người A-rập dịch được gần hoàn-toàn những sách vở Hy-lạp. Lại có những nhà học-giả xuất-sắc như Ibn Sina (Avicenne) và**

Ibn Roehd (Averroës) chú-thich và phê-binh thêm vào, nhất là nghiên-cứu kỹ-lưỡng những học-thuyết của Platon và Aristote chứa đựng cái tinh túy của tư-tưởng Hy lạp. Sang đến thế kỷ thứ XII và XIII, thì những sách về A-rập truyền sang cho phái kinh-viện (Scolastique) là những nhà học-giả duy-nhất ở Âu-châu trong hồi trung-cổ. « *Chính nhờ có người Ả-rập đã hấp thụ được tinh thần Hy lạp từ thế kỷ thứ IX, mà hầu hết những kiến thức về khoa học toán pháp Hy-lạp được truyền sang Âu châu.* »

(Felix Sartiaux trong cuốn "Foi et Science au Moyen Age" trang 108.)

B·) Thuật sĩ luyện đơn. — Trong khi các nhà học giả đời trung cổ mải miệt học những sách của Aristote, thì trong dân gian, có một bọn người còn đông hơn nữa cặm cụi đi tìm cách nấu thuốc trường sinh và cách làm ra vàng. Bọn này ít dùng lý thuyết bằng kinh nghiệm, ít dùng óc bằng dùng tay. Họ chỉ dựa vào kinh nghiệm để khảo xát tính cách của các vị thuốc, các chất kim-khi, các thuốc pha mầu, các chất hóa học để nấu kinh ; đó là những người thợ

khôn ngoan và chăm chỉ, luôn luôn nghĩ cách cải thiện kỹ-thuật. Họ cũng thuộc vào một loại những người thợ rất tinh sảo đã sây dựng những nhà thờ kiểu Gothique ở khắp cõi Âu-châu. Tuy rằng họ không tìm được tiền đơn và vàng, nhưng họ có công rất lớn trong sự giữ vững và mở mang thể cách kinh nghiệm. Họ giữ tinh thần khỏi bị tư tưởng thần bí lôi đi khỏi thực tế, họ lại rèn luyện cho tinh thần ấy thành sắc mắc thêm lên nữa. Họ khám phá ra một phương pháp nhận thức mới lạ : *sự thí nghiệm*. Thí nghiệm khác với kinh nghiệm ở chỗ kinh nghiệm chỉ là cách nhận xét cái bề ngoài của sự vật, và những hiện trạng nhất thời, còn thí nghiệm là đi sâu vào trong lòng sự vật, bắt sự vật phải diễn lại cho mình xem những hiện tượng mà mình chưa nhận rõ, chưa hiểu rõ.

Phương pháp thí nghiệm (hay thực nghiệm) này chẳng bao lâu lan rộng ra ngoài vòng nghề nghiệp và kỹ-thuật và đột nhập vào cả tư-tưởng giới. Những nhà kinh viện học sáng suốt như Guillamme d'Ockham (1350) Nicolas d'Autrecourt, Pierre d'Ailly bắt đầu

hoài nghi học thuyết duy lý đời trung cổ nằm ép dưới quyền Aristote. Hăng hái và cực đoan nhất là nhà kinh viện học Roger Bacon (1214-1294) ở Oxford. Ông viết : « Nếu có thể thi tôi đem đốt hết cả những sách của Aristote, vì học những sách này chỉ mất thi giờ và nhầm lẫn, chỉ ngu tối thêm ra ». Ông nêu ra bốn nguyên cớ làm cho tinh thần con người mờ ám : sợ hãi kẻ học giả đời trước, tuân theo thói tục hùa theo dư luận đám đông và tự kiêu tự đại. Trong những sách viết ra luôn luôn ông hô hết thúc giục người đương thời : « Hãy nhìn vào thực tế », « Hãy thí nghiệm đi ». (Những tài liệu này do Wells dẫn ra trong cuốn **Lịch sử thế giới**).

Roger Bacon, người đầu tiên nêu cao tinh thần thực nghiệm, vẫn được các nhà khoa học coi là một sáng-lập viên quan trọng của khoa học hiện đại.

Thời kỳ thành-lập. — Mặc dầu có những trác kiến của Roger Bacon từ thế kỷ thứ XIII, óc thực nghiệm cũng chưa phổ biến được và khoa học thực nghiệm cũng chưa thành lập được, vì chưa đủ

điều kiện xã-hội cho một sự nẩy nở táo bạo như thế.

Phải đợi cái thời kỳ phục-hưng cuối thế kỷ thứ XV, phải chờ cục-diện kinh-tế và sinh hoạt chuyển biến đi mới có địa lợi cho mầm khoa học thực nghiệm trổ bông đâm trái.

Dự vào sự thành lập của khoa học thực nghiệm, có ba nguyên nhân trọng yếu:

1·) *Sinh hoạt biến đổi.* — Năm 1924 Christophe Colomb tìm ra châu Mỹ. Đồng thời sự phát-kiến ra kim chỉ nam làm cho kỹ thuật hằng hải tiến bộ rất mau. Vasco de Gama tìm thấy lối sang Viễn-đông 1498, Magellan đi vòng quanh thế giới 1520. Sự giao thông trở nên tưng bừng trong Địa-trung-hải, Ấn-độ dương và nhất là trong Đại-tây-dương. Từng đoàn thực dân Bồ-đào-nha, Y pha nho đổ xô sang Mỹ tìm vàng và của cải, diễn lại cái cảnh tượng di-dân giống như ở Hy-lạp hơn 1000 năm về trước. Các nhà buôn từ nội-địa Au châu sang tận Ấn-độ và Viễn-Đông để giao dịch. Đó là thời kỳ thương nghiệp bắt đầu phát-triển

Tinh thần con người lại được một hồi rung động và biến-chuyển rất may mắn.

2.) *Tri thức biến đổi.*—Trong đám tín đồ hiền lành và kính cẩn của Gia-tô-giáo lại nảy ra những nhà kinh-doanh hùng-cường, phóng-khoáng, sắc mắc, quyết-liệt. Trí-tuệ con người soi từ trên mấy từng mây tín ngưỡng xuống một cái thực tế khe-khắt, hỗn-độn, súc tích, cần phải xếp đặt, phải điều-khiển, phải tổ chức lại. Trong tinh thần người Âu-châu những thể cách ma-thuật và thần-bí mờ dần đi nhường chỗ cho những thể cách kinh-nghiệm, duy-lý, thực-nghiệm, thiết-thực hơn, sáng suốt hơn. Óc phê bình nảy ra, trước hết trong tín ngưỡng. Nhờ có máy in mới sáng chế ra, những bản thánh-kinh lan truyền khắp trong dân-gian, làm cho mọi người thấy rõ sự sai lầm, sự lộng quyền áp bức của bọn Giáo trưởng tham-lam. Luther (1521) nhảy ra hô-hào lập phản-kháng-giáo (Protestantisme). Trí-thức con người bắt đầu khởi hấn. Bị hoàn cảnh mới kích-thích, nó vượt hết gông cùm tín ngưỡng và thành

kính để đi tìm những chân lý thực dụng.

3.) *Phục hưng văn hóa Cổ-hy-Lạp.*— Lúc bấy giờ phong-trào phục hưng văn-hóa cổ Hy-lạp bùng nổ. Người ta say mê đọc sách Hy-lạp, La-mã, người ta ngụp lặn trong cái tinh-thần sán lạn tỏa ra từ văn-hóa, nghệ-thuật, khoa-học cổ Hy-lạp. Chủ nghĩa "nhân-bản" (Humanisme) của Hy-lạp xâm-chiếm tư-tưởng các nhà triết-học. Và Thalès, Pythagore, Euclide, Hippocrate, Aristarque... hiện ra như những ngôi sao chói lòa. Năm 1543, Copernic (người Phổ), thách cả giáo-lý đương thời, đứng ra thuyết-minh thuyết-thái-dương-hệ theo sau có Tycho Brahé (người Đan-mạch), Képler (người Đức), Galilée (người Ý) Descartes (Pháp):.. mở đường cho sự toàn thắng của Newton (1647 — 1727) Herschell và Laplace (1749 — 1827) sau này.

Nhờ tất cả những điều-kiện thuận-tiện trên đó, mà phương-pháp khoa-học thực-nghiệm đã manh nha ngay từ đầu thế-kỷ XVI. Léonard de Vinci (1452 — 1519) nhà khoa-học thực nghiệm đầu tiên đã nêu rõ hai nguyên-tắc của phương-pháp khoa-học mới:

"Chỉ có sự thí-nghiệm, (sự thực-nghiệm) là khám-phá nổi thực-tế. Vậy bao giờ cũng phải dùng thực-nghiệm để quan-sát, và phải thí nghiệm đủ mọi cách cho chắc-chắn.

Nhưng thí-nghiệm cũng chưa đủ, lại còn phải chứng luận và diễn-giải những kết-quả thực nghiệm bằng phương-pháp toán học nữa». (G. Séailles dẫn trong cuốn Léonard de Vinci).

Nói một cách khác, trong khoa-học thực-nghiệm, con người phải dùng hai bàn tay, dùng các giác-quan để khám-phá sự vật và lại phải dùng lý-trí để kiểm soát nữa.

Tuy phương pháp thực nghiệm đã hiện ra rõ rồi, song tinh-thần thực nghiệm còn phải chiến-đấu để thành hình, và khoa-học thực-nghiệm phải trải bao nhiêu công phu cố gắng trong ba thế-kỷ XVI, XVII, XVIII mới thành-lập vững chắc.

Bắt đầu từ thế-kỷ XVI, người ta chế ra kính hiển vi, thiên lý kính, các thứ thuốc, các thứ cân, và những dụng-cụ càng ngày càng tinh vi để giúp vào sự quan-sát và thực-nghiệm. Các thầy thuốc (Vésale, Ambroise Paré, Robert Hooke, Malpyhi, Wolf...) bèn vứt bỏ những y-

lý cổ truyền mơ-hồ và nghiên-cứu khoa giải phẫu và khoa sinh-lý. Các nhà triết-học như Linné, Buffon, Jussieu cũng phải dùng phương pháp thực-nghiệm để phân-loại các thứ cây cỏ, súc-vật và lập ra những khoa thảo-mộc học động-vật học chính-thức.

Ở khắp các nước Âu-châu, phong-trào khoa-học thực-nghiệm mỗi ngày một mạnh, và gây ra nhiều kết quả sôi nổi:

Descartes (1590-1650) công bố những sự nghiên-cứu của ông về ánh sáng, về huyết dịch tuần-hoàn; sáng lập ra khoa kỷ hà phân tích (géométrie analytique) và viết « phương pháp luận » (Discours de la méthode) mà ngày nay vẫn được coi là một bản qui phạm quí giá của khoa học duy-lý thực nghiệm.

Pascal tổ chức công cuộc nghiên cứu lừng lẫy về cách đo sức nhanh của ánh sáng, đo sức nóng của khí giới; ông chế ra máy tính, máy ép... và sáng lập ra khoa phân tích vi số học (calcul infinitésimal).

Năm 1745, Von Klent chế ra cách lấy điện; Franklin (1752) làm ra ống thu lôi; năm 1763 giáo sư Richmann ở St. Pétresbourg

(Nga) bị điện đật chết trong khi thả diều để thử điện trên không. Rồi Galvani, Volta Gren, Ritter, Humbodt... tìm ra pin điện (1795).

Năm 1724 Fahreneith ở Anh và năm 1730 Réaumur (Pháp) chế ra hàn thử biểu (Phong vũ biểu Toricelli chế ra năm 1643).

Năm 1707 Denis Papin khám phá ra sức mạnh của hơi nước. Năm 1777 Lavoisier phân tích khí giời, nghiên cứu dưỡng khí, và phân loại các chất hóa học, sáng lập ra khoa hóa học chính thức.

Cuối thế kỷ thứ mười tám, óc thực nghiệm đã bành trướng khá mạnh và khoa học thực nghiệm đã được tổ chức hoàn bị hơn. Ở Đức có trường cao đẳng Bâle, ở pháp có trường cao đẳng quốc học (Collège de France), trường khoáng học (Ecole de mines 1783) chuyên dạy khoa học thực nghiệm. Lại có những hội khoa học (như Société royale ở Londres, Académie des sciences ở Paris, ở Berlin, ở St. Pétersbourg) những phái bộ khoa-học do các chính phủ cử đi nghiên cứu thiên văn và địa dư, có

những phòng thí nghiệm của tư gia lập ra ở khắp mọi nơi ; trong văn giới cũng có nhiều người hoan hô cổ võ cho khoa-học (ở Pháp có Voltaire, Fontenelle và các nhà văn sĩ trong nhóm bách khoa (Encyclopédistes). Khoa học thực nghiệm đã thành ra một « mốt » của thời đại rồi.

Tuy vậy, khoa học thực nghiệm cũng chưa đủ điều kiện để tận lực phát triển ; và phải sang đến thế kỷ thứ 19 thì óc thực nghiệm mới thực dự vào đời sống của nhân loại và gây ra một cuộc cách mệnh sinh hoạt vô cùng mạnh mẽ.

Thời kỳ phát triển (thế kỷ XIX). — Điều quan trọng nhất trong thời kỳ này là sự áp dụng những kiến thức khoa học thực nghiệm vào các ngành kỹ thuật. Lần đầu tiên, trong lịch sử nhân loại, cái tri thức — mà người ta vẫn cho là cao thượng, bất vụ lợi — rời bỏ tháp ngà thâm nghiêm của nhà bác học và ùa vào các xưởng công nghệ, và chỉ trong ngót một trăm năm làm biến đổi hẳn những lề lối làm ăn truyền lại tự bao nhiêu đời. Nguyên do vì sang đến thế kỷ 19 công

nghệ đang bắt đầu hưng khởi, các nhà tư bản bèn lợi dụng luôn cái tinh thần thực nghiệm để kinh doanh trục lợi. Bắt đầu từ các nước Anh và Mỹ phong-trào khoa học thực dụng ấy lan sang Pháp, Ý, và nhất là ở Đức nó lại gặp các nhà cầm quyền biết sức trông nom. Đến cuối thế kỷ XIX thì nước Đức đã đứng đầu các nước về sự thực hành khoa học, nhất là hóa học.

Thời kỳ máy móc mở đầu vào khoảng 1760. Bắt đầu là những máy sợi, máy dệt. Nhưng đến gần cuối thế kỷ XVIII, khi người ta biết cách dùng than đá để đun sắt (ở Anh) thì kỹ nghệ máy móc mới thực khuếch sung.

Tự năm 1769 đến năm 1781, James Watt (Anh) đã nghiên cứu sức mạnh của hơi nước và chế ra máy chạy bằng hơi nước để cho chạy những máy bơm nước. Năm 1904 Travithich (Anh) sáng kiến cái đầu xe lửa thứ nhất để chạy trong mỏ than. Và năm 1825, người Anh đặt đường xe lửa thứ nhất từ Stockton đến Darlington.

Tàu thủy chạy bằng hơi nước, người

Mỹ đã chế ra năm 1802 để chạy trong sông đào Clyde. Đến năm 1807 thì con tầu Phœnix của Mỹ bắt đầu ra bể, và năm 1819 đã có tầu thủy chạy bằng than từ Mỹ sang Âu châu.

Giây điện thoại bắt đầu mắc năm 1835 ở Anh, và ở Pháp năm 1837 (kiểu Morse), giây điện thoại ngầm dưới biển mãi đến 1851 mới có.

Kỹ nghệ kim khí đổi mới hẳn năm 1856 khi Bessemer đã tìm ra cách làm gang và thép. Đồng thời các thứ lò đồng, kền, thiếc, nhuôm cũng lục tục dựng lên.

Vào khoảng 1880, bắt đầu mắc đèn điện khắp nơi, và dùng sức điện để chạy máy thay vào hơi nước. Những máy chạy bằng ét-săng (ô-tô, tầu bay) đến năm 1897 mới bắt đầu có.

Nghề nông cũng tiến một bước rất dài khi người ta bắt đầu dùng các thứ phân hóa-học, và các thứ máy để cầy bừa, gặt hái và đập lúa.

Nói tóm lại bất cứ trong ngành sinh-hoạt nào, cũng có bàn tay mầu-nhiệm của khoa-học thực-nghiệm dúng vào để làm tăng sức

sản-xuất và bớt nhân công đi. Công nghệ khuếch-trương rầm-rộ, các xưởng máy mọc lên như nấm khắp các nơi đô-thị, sự giao-dịch tấp nập trên các lục địa và trên mặt bể, thương nghiệp mở mang đến cực-độ. Cục-diện thế-giới xoay hẳn đi một cách bất ngờ.

Riêng trong phạm-vi tri-thức, sự biến-cải kỹ-thuật và đời sống ấy, lại đẩy thêm cái đà phát-triển của óc thực nghiệm và gây ra nhiều kết-quả rất quan-trọng :

1. — Trước hết các khoa-học đã thành-lập rồi được công-nghệ kích-thích nên tiến rất mau.

Về hóa học, theo sau Lavoisier, có Proust, Berthollet, Gay Lussac, Richter, St. Claire Deville, Faraday... chuyên khảo xét tất cả những chất hóa học thuộc về khoáng vật (Chimie minérale). Và vào khoảng năm 1865, Berthelot lại lập ra môn hữu-cơ hóa học (Chimie organique) khảo về cách cấu-tạo các tế-bào của sinh-vật.

Khoa hữu-cơ hóa-học này lại mở mào cho những công cuộc nghiên-cứu lừng lẫy của Claude Bernard, Pasteur về sinh lý học. Y học nhờ đó mà vượt hẳn lên một bậc, và đưa

lối cho các nhà bác học Koch, Roux, Hansen Yersin tìm ra vi trùng các bệnh truyền nhiễm

Về sinh vật học, thuyết tiến hóa của Darwin (1859) Lamark, Huxley làm chấn động cả tư-tưởng Âu châu.

Rực-rỡ nhất là những sự phát-minh về vật-lý-học. Năm 1820 Œrsted tìm thấy những ảnh-hưởng tương-quan giữa điện-khí và từ-khí (*aimant*). Sau ông có Arago, Maxwell, và Ampère (1831) lập ra môn điện-từ-khí học (*électromagnétisme*). Nhờ đó mà năm 1872 kỹ-sư Gram *(ở Bỉ)* chế ra máy động cơ chạy bằng điện. Và tới cuối thế-kỷ XIX, lại nẩy ra những sáng kiến rất kỳ-dị : Năm 1895 Hertz và Branly nghiên - cứu vô-tuyến-điện, năm 1895 Rœntgen khám-phá ra quang-tuyến X, năm 1896 hai ông Poincaré và H. Becquerel lập giả thuyết về tính cách phóng-xạ (radio activité) của vật-chất, năm 1897 hai ông bà Pierre và Marie Curie tìm ra chất radium...

2·) Ngoài những ngành khoa học đã thành lập kể ở trên, lại nẩy ra những môn học mới như Địa-chất-học, (Géologie), Vật

lý hóa học (chimie - physique), sinh lý hóa học (chimie - biologique), tâm lý học, và xã-hội học...v. v. Óc khoa học thực nghiệm thấm nhập vào cả địa-hạt văn học và mỹ học, đó là nguyên do của phong trào nghệ thuật tả chân, một nghệ thuật đại biểu của thời đại.

3) Gần hơn nữa, tinh thần thực nghiệm lại cùng theo sự bành trướng của các máy móc mà lan rất nhanh ra giữa xã - hội. Tư tưởng con người cũng phải theo nhịp cuộc sinh hoạt mà rúng động, biến chuyển hẳn đi — Thấy mình sai khiến được vật chất, sai khiến được mọi thứ động lực mãnh liệt, tính trước được hành trình của các vi tinh tú đúng từng phút từng giây, hắn cảm thấy một cách kiêu hãnh rằng mình là chủ nhân ông trên trái đất. Ở trước mắt hắn, những bóng ma thần bí dần-dần tan đi hết, hắn tưởng chừng như mình đang ở trong một phòng thí nghiệm lớn lao, và hắn sẽ giải thích được mọi hiện tượng, khám phá được hết những điều còn u-ẩn. Ở chỗ nào, hắn cũng trông thấy hình ảnh của máy móc, của một công cuộc tổ chức tinh

vô nghiêm ngặt. Từ cái tế bào bé nhỏ, đến một động vật, từ cảnh tượng một xã hội đến toàn thể thiên nhiên... ở chỗ nào hắn cũng trông thấy những chất hóa học quen thuộc, những động lực quen thuộc, cũng thấy diễn ra những hiện tượng quen thuộc theo những định luật đanh thép mà hắn đã nắm được trong tay. Đối với óc duy-lý Hy-lạp thì vũ-trụ là một hình của kỷ-hà-học gọn-gàng, đều đặn, đẹp đẽ nhưng mà còn bí hiểm. Ở đây thì vũ trụ chỉ là một guồng máy mà con người có thể tháo ra và sắp đặt lại được. — Trong sự tự phụ không bờ bến ấy, con người văn minh trong thế kỷ XIX sinh ra có nhiều tham vọng ích kỷ. Hắn muốn chiếm đoạt được rất nhiều kiến thức, rất nhiều sản vật, rất nhiều quyền hành, hắn muốn hưởng thụ được rất nhiều khoái lạc : cái khuynh hướng về chủ nghĩa vật chất thô bỉ, thụ động, đó là một con đẻ đáng buồn của óc thực nghiệm khi đã thành công và có lẽ đã mỏi mệt.

***

Đến cuối thế kỷ thứ XIX, óc thực-nghiệm

(tinh-thần chính của những lớp người chuyên về thương mại và kinh doanh từ thế kỷ XIII) đã làm tròn sứ-mệnh lịch-sử của nó :

Nó đã phụng sự đầy đủ những lớp người kia. Và trong sự làm tăng gia quyền lợi và thế lực của họ, nó cũng làm đảo lộn luôn cả cuộc sinh hoạt của loài người trong các phạm vi kinh tế, chính-trị, tri-thức.

Những sự biến đổi này lại mở ra một cục diện mới chứa rất nhiều điều kiện mới, rất nhiều vấn đề mới — mà óc thực nghiệm không thể giải quyết được — Nó lại phải nhường chỗ cho một tinh thần khoa học khác thích hợp hơn, đắc lực hơn.

CHU'O'NG V.

Óc biện chứng

Ngay từ đầu thế-kỷ này, ở Au-châu, đã có hai quan niệm phản trái nhau về khoa-học, về óc khoa-học.

1r) Một bên, phần đông các kỹ-sư Mỹ, Anh và nhất là Đức hướng khoa-học về con đường thực hành, chuyên môn đi tìm những kiến-thức khoa-học có thể đem áp-dụng ngay vào công-nghệ, vào đời sống. Họ biểu dương đúng tinh thần thực tiễn của nhà doanh-nghiệp Anh. Mỹ (selfmade man) và của nhà tư-bản Đức. Mục đích của họ không phải là đi tìm chân-lý, một chân-lý tuyệt-đối, nhưng là đi tìm sự tiện nghi (confort) sự phú-cường. Họ rèn luyện khiếu tổ chức rất tinh-vi

(những nhà máy Mỹ theo kiểu Taylor, Ford ; và tinh thần tổ chức có tiếng của người Đức) và có nhiều sáng kiến trong sự cải-cách mọi thứ kỹ-thuật canh nông, công nghệ, thương mại, giao thông, chiến tranh... Nhưng chỉ có thế thôi ! Phạm-vi khoa-học bó chặt trong phạm vi sinh hoạt vật chất. Các nhà khoa học chỉ là những kẻ trục lợi luôn-luôn nghĩ đến túi tiền của mình và nếu họ có làm ích cho nhân loại cũng chỉ là vì lợi riêng. Ơ trước mặt mọi người, khoa học hiện ra như một cái máy khổng lồ đang gầm thét dưới quyền chỉ huy của những tay kỹ-sư để lúc thì đưa nhân loại vào con đường hạnh phúc, lúc thì lại đưa đến chỗ tàn-sát nhau vô cùng thảm khốc.

Cái phương-diện gay go của khoa học này, đã làm cho nhiều nhà tư-tưởng phương Đông. (Cổ-hồng-Minh, Tagore, Okakura...) chán ghét văn minh Âu-Mỹ, ngờ vực khoa học, và cổ súc cổ võ tinh thần Á-đông.

2.) Nhưng ở ngay Âu-châu, nhiều nhà khoa học nhất là ở Pháp cũng đã đi ngược lại khuynh hướng thực tiễn quá đáng ấy. Ông Achard đã viết một cuốn sách nhan đề là

CHU'O'NG V

Óc biện chứng

Ngay từ đầu thế-kỷ này, ở Au-châu, đã có hai quan niệm phản trái nhau về khoa-học, về óc khoa-học.

1.) Một bên, phần đông các kỹ-sư Mỹ, Anh và nhất là Đức hướng khoa-học về con đường thực hành, chuyên môn đi tìm những kiến-thức khoa-học có thể đem áp-dụng ngay vào công-nghệ, vào đời sống. Họ biểu dương đúng, tinh thần thực tiễn của nhà doanh-nghiệp Anh. Mỹ (selfmade man) và của nhà tư-bản Đức. Mục đích của họ không phải là đi tìm chân-lý, một chân-lý tuyệt-đối, nhưng là đi tìm sự tiện nghi (confort) sự phú-cường. Họ rèn luyện khiếu tổ chức rất tinh-vi,

mặc của người thượng cổ) mà vẫn thấy phạm-vi khoa-học của mình rộng quá. Vậy khoa học, chỉ là sự phát triển vô cùng tận của Trí thức loài người. Và nhà khoa học không cần mang tư lợi vào sự hiểu biết, đó là một người ở trên mọi người, thản nhiên nhìn cuộc suy vong của nhân-loại, thản nhiên làm một con tính để ước lượng cái ngày mặt trời sẽ nguội lạnh và trái - đất sẽ bị tan vỡ...

Cái thái độ chơi vơi ấy của nhà khoa-học chuyên toán - học cũng không tránh được những lời chỉ-trích đích-đáng. Con người không phải là một vật trừu-tượng có thể tách hẳn ra ngoài xã-hội và nhân loại được, và những lý thuyết dù cao xa đến đâu cũng cần phải mang xuống mặt đất để thử xem có thực là những lý thuyết đúng đắn, có giá trị không ? Nhà khoa học duy-lý quá thì cũng giống như những triết nhân Hy-lạp khi xưa đắm mình trong cõi siêu-hình trái hẳn với tinh thần thực-nghiệm trong buổi đời này. Ở Pháp giáo sư Moureu trong tạp chí «10 năm cố gắng của khoa học 1914-1924» đã cả tiếng kêu gào cái họa sẽ

sẩy ra cho nước Pháp nếu phần đông các nhà khoa-học không chịu nghĩ đến sự tiến bộ kỹ-thuật của xã hội mình trong khi ở các nước khác, khoa học ở liền trong xuởng máy và cộng tác mật-thiết với thợ thuyền...

***

Tinh thần khoa-học đầy đủ không thiên về thực-hành như ở các kỹ-sư Anh, Mỹ, và cũng không thiên về lý-trí như các nhà toán học Pháp. Đó là một tinh thần duy-lý thực nghiệm (rationalisme expérimental). Nó vừa rộng rãi vừa thiết thực. Trong cuốn «Y học thực-nghiệm nhập môn» (Introduction à la Médecine expérimentale) mà khoa học giới vẫn cho là một bản qui phạm khuôn mẫu, nhà sinh lý học danh tiếng Claude Bernard đã định rõ thái-độ của nhà khoa-học chân-chính: « Nhà khoa học hoàn toàn là người vừa khảo xát lý thuyết vừa thực hành để thí nghiệm ».

Ở những chương trên, chúng ta đã thấy rằng chính những kỹ thuật đẻ ra khoa-học (khoa kỷ-hà là do sự đo đất ở sông Nil, khoa toán-học là do sự buôn bán của người

An-độ, người Hy-lạp; Lavoisier nhân vì tìm cách thắp đèn sáng cho thành phố Paris mà lập ra Hóa-học, phần nhiều công trình phát minh của Pasteur về ướp men, về bệnh-học, về vi trùng đều bắt nguồn ở những nhu-cầu kỹ-nghệ). Trái lại, trong sự tìm tòi vụ lợi, trí thức khoa học nhiều lúc lại vượt lên tới những lý thuyết rất xa xôi, rồi hằng mấy chục năm sau, những lý thuyết này lại đẻ ra những kết quả rất thích dụng (ví dụ sự nghiên cứu của Ersted về điện-từ khí học; và người ta kể lại rằng giáo-sư Edouard Branly rất ngạc nhiên khi thấy có người nói đã nhờ sự phát minh về điện ba: (ondes électriques) của ông mà chế ra máy vô tuyến điện).

Vậy Khoa học không phải là toàn trí thức, cũng không phải là toàn thực hành. Khoa học là « tổng hợp của một sự thực hành sáng suốt có trí thức dẫn đường với một trí thức vững chắc dựa vào kinh nghiệm ». (J. Lahy : la Pensée scientifique).

***

Tuy nhiên, cái tinh thần duy lý - thực

nghiệm ấy vẫn còn có một khuyết điểm lớn. Tuy rằng nó đã soi tỏ được cái cấu tạo của vật chất, tìm ra được căn nguyên của mọi động lực, giải thích được mọi hiện tượng trong vũ trụ (từ sự sinh hoạt của loài côn trùng đến sự chuyển vận của các vì tinh tú), tuy rằng nó đã tách bạch được rõ ràng những cách kết cấu rất phiền phức của sinh vật, tuy rằng nó không còn tối tăm như óc mê tín, không còn mơ màng như óc duy lý, nhưng nó chưa phản chiếu đúng hẳn được những thực-trạng quanh mình. Nó chỉ mới khám phá được cái *phương diện tĩnh của sự vật*; nó chỉ mới hình dung được *từng mảnh* của sự vật, chưa tìm ra được hết những mối liên quan giữa những hiện tượng mà nó đã phân-tách ra để nghiên cứu rất rõ-ràng. Ví dụ: các nhà hóa-học không hiểu tại sao những nguyên tử giống nhau họp vào lại thành một chất mới lạ; các nhà sinh lý học không hiểu tại sao những tế bào lại họp vào thành một sinh vật có những tính cách tâm lý đặc-biệt; và nhà xã hội học phải ngạc nhiên khi thấy trong một đoàn thể

người sống chung với nhau lại nẩy ra những sức mạnh tinh-thần không từng thấy ở một người sống lẻ loi... Sự nhận-thức thiếu sót ấy đã đưa các nhà khoa học thực-nghiệm ở cuối thế kỷ trước như Le Dantec đến những quan niệm nhân sinh rất đen tối chán nản. Nguyên do vì óc thực-nghiệm chưa để ý mấy đến những sự biến-đổi tiềm tàng, âm-thầm diễn ra trong lòng sự vật, nó chưa khám phá ra cái *phương diện động* của sự vật. Cái phương diện động này đã lộ đầu ra rất sớm trong sự kinh-nghiệm của loài người, từ ngày chưa có khoa học. Sáu trăm năm trước Tây-lịch, Heraclite đã nhìn rõ lẽ biến thiên trong trời đất, đã khám phá ra những mâu thuẫn nằm trong mọi vật, và đã lưu ý đến lẽ tương đối của mọi sự trong giới đất ; Khổng-tử đã dựa vào lẽ dịch hóa, vào sự tương phản và sự điều hòa của hai lẽ âm - dương để giải-thích mọi hiện-tượng. Và ngay trong đời sống hằng ngày, chúng ta cũng thường bị cái cảnh - tượng biến - động của vũ-trụ kích-thích luôn. Ta thường nói : *nước*

chẩy đá mòn, bể dâu biến đổi, lòng người tráo - trở... v. v. Mơ màng đến như nhà thi-sĩ mà cũng còn thấy rằng :

« Trong khi chắp cánh liền cành
« Mà lòng rẻ rúng đã dành một bên »

(Nguyễn-Du)

tức là đã hiểu nỗi tang - thương trong tâm lý con người lắm... Song những sự « để ý » vụn vặt và rời-rạc ấy không đủ cho ta trông thấy rõ rệt tất cả những mối biến-động chứa trong sự vật, chưa đủ tạo cho ta một quan niệm vững chắc về cuộc đời, chưa đủ gây hẳn cho ta một tinh-thần riêng để phản chiếu đúng những hiện-tượng trong trời đất.

Phải đợi khi khoa-học thực-nghiệm đã thành lập rồi, phải đợi cho nhà hóa học đã phân tách kỹ lưỡng các nguyên tử, nhà sinh lý học tìm ra bản chất các tế bào, nhà vật-lý-học thuyết minh cặn kẽ về nước, lửa, ánh sáng, điện khí, từ khí, điện ba, quang tuyến... phải đợi đến khi những nhà xã-hội-học sáng suốt đã lần mò tìm ra đầu mối những liên quan giữa thiên nhiên và xã hội, giữa xã hội và con người,

giữa con người và vật chất (học thuyết duy vật sử quan); phải đợi đến khi thuyết vạn vật tiến hóa đã sưu tầm đủ tài liệu để toàn thắng trong khoa học giới, phải đợi đến khi các nhà triết lý duy tâm không còn một mảnh đất nào đỡ chân cho nữa; và các nhà tư tưởng thiên về chủ nghĩa duy vật siêu hình hay duy vật tĩnh (matérialisme statique) đã thấy rõ chỗ sai lầm thiếu sót của mình, rồi, phải đợi đến khi có những hiện tượng xã hội rõ rệt sẩy ra để chứng thực cuộc tiến hóa của nhân loại... phải đợi đến đầu thế kỷ XX khi thuyết tương-đối của Enstein, thuyết nguyên-tử của Rutherford, Niel Bours và Bohr, thuyết «quanta» của Planck làm đảo lộn cả khoa học giới, *cái phương diện động của sự vật mới hiện rõ ra và dần dần lấn đất vào địa hạt khoa-học.*

Đến bây giờ, có thể nói được rằng nó đã phổ biến khắp trong tư tưởng giới, bắt đầu từ nhà xã hội học, nhà tâm lý học, đến các bác sĩ, các nhà sinh lý học, các nhà hóa học, vật lý học. Bất cứ ai ai bây giờ cũng phải công nhận rằng nền tảng và căn-nguyên

của mọi hiện tượng là vật-chất, và cái vật-chất ấy động chớ không tĩnh (matérialisme dynamique ou dialectique).

Vậy chính ở trong sự xung-đột của hai quan-niệm khác nhau về khoa-học (khoa học thuần lý và khoa học thực hành), chính ở trong cảnh khủng-hoảng của óc thực-nghiệm quá đi sâu vào con đường thực-tiễn và không phản-chiếu được cái phương-diện động của sự vật, chính ở trong cảnh hỗn-loạn của văn-minh cơ-khí lại nẩy ra một tinh-thần mới đầy đủ hơn, rộng-rãi hơn, nhân-đạo hơn, thích hợp hơn.

Đó là óc biện-chứng, một thứ tinh-thần mạnh mẽ đã triệt để đi vào nẻo thực-nghiệm; nhưng đã biết vượt ra khỏi con đường cụt của thực-nghiệm; một thứ tinh thần cũng vững chắc, cũng tinh vi như tinh thần thực-nghiệm, nhưng còn sáng suốt hơn, còn linh động hơn. Không những nó phản chiếu đúng cách cấu tạo của thế-giới vật-chất bên ngoài, nó lại còn rung động theo những nhịp biến đổi không ngừng của cái thế giới động ấy. Những định luật mà nó tạo ra để tiện bề ghi nhận sự vật, không phải là

những định luật bất di bất dịch, những định luật chết. Trái lại, những định luật ấy cùng theo sự tiến hóa của xã-hội, của con người mà biến đổi luôn, cho mỗi ngày càng thêm xác - thực. Trong sự nhận thức của nhà khoa học bây giờ, những tinh-điệu chủ quan tan dần đi hết, chỉ còn một lòng yêu chân lý không bờ bến — không phải là cái chân lý mà óc tự-tạo ra để tự thỏa mãn, nhưng một chân lý khách-quan hồi chiếu đúng cái thế giới khách quan bên ngoài. Sự nhận thức ấy cũng không thu hẹp trong phạm-vi một khoa học riêng biệt. Người ta không thể giải-thích được những hiện tượng xã-hội phức - tạp bằng những nguyên tắc toán pháp của nhà vật lý học. Người ta bắt buộc phải có một quan-niệm tổng hợp đích đáng về vũ-trụ, cái quan niệm này sẽ phải được chứng nghiệm luôn luôn, sẽ phải đem kiểm-điểm lại luôn luôn, sẽ phải biến cải luôn luôn cho càng ngày càng tiến đến gần sự thực.

Xem như vậy, thì óc biện-chứng không phải là một thứ tinh - thần cố - chấp bó chặt trong những khuôn khổ chật hẹp.

Trái lại, nó tiến-hóa luôn luôn theo với nhịp tiến-hóa của nhân loại. Đó là một tinh-thần sống. Nó thổi sinh khí vào khắp các ngành khoa-học và kỹ-thuật, mở rộng cửa ngõ các môn khoa-học xưa kia vẫn cô-lập, làm nảy ra những tia sáng chói-lọi soi tỏ được nhiều lẽ u-ẩn (1). Lan rộng ra giữa xã-hội, nó lại gây ra những khuynh-hướng tinh-thần rất mạnh, rất đẹp. Con người văn minh ngày nay đã tránh được hai cố-tật : nông-nổi và độc đoán. Nhận rõ thấy lẽ biến-chuyển của sự vật và tính cách tương-đối của những chân lý hiện tại, hắn luôn luôn dự bị để tự biến đổi và biến đổi hoàn cảnh. Phải hoạt động luôn luôn, phấn đấu luôn luôn để thích ứng luôn luôn, hắn cần phải dựa

---

(1) Ví dụ : óc biện-chứng đã làm cho các thầy thuốc hiểu rằng phòng-bệnh hơn là chữa bệnh, xã-hội vệ-sinh còn cần thiết hơn cá-nhân vệ-sinh ; rằng sinh-lý-học và giải phẫu-học không đủ để giải-thích mọi căn bệnh, phải khảo xát xã-hội-học và tâm-lý-học để tìm những nguyên nhân xã hội của nhiều bệnh, nhất là bệnh tinh thần...

vào một công cuộc cộng-tác — càng ngày càng mật thiết, càng rộng rãi, càng thông-minh — với những người quanh mình, với toàn-thể nhân-loại. Nhờ có ảnh hưởng của óc khoa-học biện-chứng mà con người dần dần vượt ra khỏi ngoài vòng ích-kỷ độc-ác và ngu-muội : đó là một sự giải-phóng hoàn-toàn ở ba phạm-vi tư-tưởng, tình-cảm và hoạt-động.

CHƯƠNG V

Tinh thần khoa học

1) *Tinh thần khoa-học đã toàn thắng.*— Lịch sử khoa học, như ta đã thấy, là một cuộc chiến đấu rất gay go của hai khuynh-hướng tinh thần trái ngược hẳn nhau.

A) *Khuynh hướng duy-tâm chủ quan,*— Trong những lúc yếu đuối, mỏi mệt, sợ hãi, hoảng hốt, con người không thể dùng, không muốn dùng giác quan để nhận xét và hiểu biết mọi vật, mọi hiện tượng. Không cố gắng được để khám phá chân-lý và thích ứng với hoàn cảnh, ta bèn rời xa thực tế, và tạo ra những ảo-tưởng để tự chống đỡ, tự an-ủi. Những thể cách ma-thuật, thần-bí (của con người mê-tín) và

siêu bình (của nho sĩ, triết nhân) đều là những con đẻ của một khuynh-hướng duy-tâm. Khuynh hướng này, về phương-diện nhận thức, không có giá trị gì : nó chỉ đưa đến cho ta toàn những kiến thức lờ-mờ, lộn xộn, ù oà, nhiễm đầy tính cách chủ-quan hẹp hòi (mỗi người hiểu biết sự vật một cách, cách nào cũng sai lầm cả.) Chính vì thế nên nó cũng không ảnh-hưởng gì đến kỹ thuật sinh sản, đến cuộc sinh hoạt của xã-hội và không dự gì vào sự cải thiện đời sống, sự tiến hóa của loài người. Nó lại còn là một cản trở rất lớn, giam hãm con người trong vòng đói, rét, tối tăm, đau khổ.

B) *Khuynh hướng duy vật khách quan.*—Tinh thần con người, nhiều lúc lại rất can đảm và sáng suốt, liền bám chặt vào thực-tế quanh mình. Nó biết rằng chính cái thực tế ấy đã làm nảy ra nó, và nó sống được, phát triển được cũng là nhờ ở sự va chạm, cọ xát luôn luôn với ngoại vật. Nó cố hết sức chiếu thẳng vào thực tại, cố sức cưỡng với những ám-ảnh thần-bí di-truyền. Càng ngày nó càng trở nên tinh

tế, càng vượt ra ngoài vòng mơ-hồ. Nó chọn lọc những kinh nghiệm xác-thực, và rút ra những nguyên tắc để suy-luận ; nó lại mang những nguyên tắc này (tức là lý trí) kiểm-điểm lại trong những cuộc thi nghiệm tự nó bày ra. Nó tìm hết cách chế tạo những dụng cụ tinh xảo để tăng thêm năng lực quan sát của các giác quan (1). Sự quan sát càng rõ rệt bao nhiêu, những nguyên tắc lý trí càng biến đổi, càng sắc mắc ; cách nhận thức càng vững vàng, đầy đủ, sâu sa. Luôn-luôn phản chiếu và đối chiếu đúng ngoại giới, tinh thần khoa-học linh động vô cùng . Khuynh hướng duy-vật ấy đã mang lại cho loài người những kiến thức sáng sủa, gọn gàng, tinh xác và có tính cách khách quan (ai cũng phải công nhận). Hơn nữa, những kiến thức đã chọn lọc ấy lại được đem

---

(1) Theo giáo sư Langevin trong cuốn «Những khuynh hướng mới của khoa học hiện đại», thì sự cân, sự đo bây giờ tinh vi vô cùng : về chiều dài người ta ước lượng được đến $\frac{1a}{1.000.000.000}$ ly, về sức nặng : $\frac{1}{1.000.000.000}$ milligramme

phân loại và xếp đặt có thứ tự, thành những định luật (lois), những giả thuyết (hypothèse) những hệ-thống tư-tưởng hẳn hoi (théorie).

Bằng những kiến thức khoa học này, người ta đã giải thích được mọi hiện tượng quanh mình một cách thỏa đáng (khám phá từng nguyên nhân, tách bạch từng trạng thái, từng trường hợp). Hơn nữa, ta lại dự đoán được những hiện tượng sẽ sảy ra, phải sảy ra. (Nhà thiên văn học đã kiêu hãnh nói rằng : « ta hẹn cho mặt trăng năm nào tháng nào, ngày nào, giờ nào, phút nào, giây nào phải che lấp mặt trời.. thì mặt trăng cũng không dám sai hẹn bao giờ »

Đúng như lời Auguste Comte đã nói : « Dựa vào khoa học để dự đoán, dự đoán để hành động » (Science, d'où prévoyance ; prévoyance, d'où action), kiến thức khoa-học đã mở rộng phạm vi hoạt-động, và tăng gia quyền thế của nhân loại rất nhiều.

Chính vì thế mà khuynh hướng duy-vật khách-quan đã lấn hẳn khuynh hướng duy-tâm chủ quan, ánh sáng khoa học đã xua tan hết những bóng ma thần-bí. Ngày nay,

loài người chỉ còn giữ lại, chỉ còn công nhận có một lối nhận thức : nhận thức theo phương pháp khoa học. « Phàm kiến-thức nào không có tính-cách khoa-học, thì không phải là kiến-thức, và chỉ làm cho ta tối tăm » (Goblot.) Bất cứ một vấn đề nào bây giờ (thuộc về trí thức hoặc về tình cảm hoặc về hành động) cũng phải giải quyết, cũng chỉ có thể giải quyết được bằng phương pháp khoa học.

Muốn sinh tồn và tiến hóa, con người đã đi đến chỗ bắt buộc phải « khoa-học-hóa » cả hoàn cảnh mình, cả cuộc sinh hoạt của mình, cả tinh thần mình đi nữa. Hoàn cảnh khoa học, và cuộc sinh hoạt khoa học là những vấn đề vượt ra ngoài phạm vi cuốn sách này. Ở đây, ta chỉ cần hiểu xem tinh-thần khoa học, óc khoa học có những đặc tính gì ?

***

2.) *Những đặc tính của óc khoa học.*— Theo giáo sư G. Lanson (trong cuốn Luận về phương pháp trong các khoa học : (De la méthode dans les sciences) thì óc khoa học là « thái độ tri thức của nhà bác học (savant) đứng trước thực - tại ». Muốn có thái độ ấy, ta phải tự luyện những

đức tính sau này của nhà bác học: « *Rất ham hiểu biết mà không chút vụ lợi, thành thực đến triệt-để trong khi tìm tòi và công bố kết quả, kiên nhẫn và cần lao, bao giờ cũng phải dựa vào những hiện-tượng có thực để lập-luận, đừng quá tin người và nhất là hoài nghi, ngay cả mình nữa, luôn luôn cần phải phê-bình, kiểm-điểm, xoát lại những điều mình nghĩ, mình làm* ». (Lanson)

Nhưng ở thời-đại khoa-học này, không cứ phải là nhà bác học đi khám phá chân lý mới cần có óc khoa học. Tất cả mọi người chúng ta bắt buộc phải có những kiến-thức xác thực, tinh vi, về con người, về xã-hội, về vũ trụ. Những kiến thức ấy rất cần thiết trong phạm vi nghề nghiệp, trong sự tự-tri (connaissance de soi) và tự trị (maîtrise de soi), trong cách xử đối với đồng loại. Mỗi người chúng ta phải có một nền tri thức tối thiểu để đứng vững trong đời sống. Cái nền ấy càng chắc chắn, càng rộng rãi thì những năng lực cảm xúc và hoạt động của ta càng phát triển được mạnh mẽ, phóng khoáng. Chúng ta bắt buộc phải

theo một phương pháp nhận thức đắc lực, phải có một thái độ tinh thần thích hợp với sự tiến hóa của ta. Đó là óc khoa học.

« *Óc khoa học là một thứ tinh thần nó làm cho sự hiểu biết của con người càng ngày càng rộng rãi, càng xâu xa, càng đúng-đắn, nó chiếu tỏa hào quang vào mọi ngành hoạt động (trong khoa học, trong văn chương, trong kỹ nghệ, trong nghề buôn, nghề chữa bệnh, nghề làm ruộng... và ngay trong những công việc lặt vặt hàng ngày)* » Louis Favre (L'esprit scientifique).

Ta cần nhớ rằng tinh thần ta không phải chỉ là trí tuệ. Trí tuệ chỉ là một phần, một phần quan trọng. Nó chỉ là cái tay lái trong một guồng máy. Động cơ của guồng máy là cái lửa tình cảm của ta ; và lại còn một bộ phận nữa để hãm, để điều-khiển tốc lực, đó là ý chí của ta.

Bản sắc và khuynh-hướng tinh thần của ta là do ba thứ năng lực ấy quyết định trong lúc giao động với nhau. Tinh thần khoa học cũng chỉ là một cuộc hỗn hợp phiền tạp của rất nhiều đức tính đặc biệt

Những thứ này có thể xếp vào ba loại :

A) *những tình cảm dùng làm động cơ.* — Có óc khoa-học quyết không phải là những người khô - khan, thiếu nhiệt-huyết, kém sinh-lực và mang nặng ở trong đầu những tư-tưởng hoài-nghi chán-nản. Trái lại, nhà bác-học, người có tinh-thần khoa-học là những người *ham-mê, hăng-hái, sôi-nổi*, những người *yêu sự thực* hơn cả tiền-tài, danh-vọng và ái-tình, những người dám *hy-sinh* cả cuộc đời mình, cả sức khỏe mình để đi tìm chân lý (1). Luôn luôn nhằm đi tới một mục đích rõ rệt và cao-xa, họ là những người sung sướng, rất yêu đời và vui sống (2).

---

(1) Ông Charles Vaillant vì thí-nghiệm về quang-tuyến X mà mắc bệnh cháy da bị mổ tới 14 lần, ông Charles Infroit chủ phòng quang tuyến ở La Salpêtrière Paris bị mổ tới 22 lần. Và còn bao nhiêu bác-sĩ khác bỏ mạng vì ống điện Crookes : Radiguet, Guillar de Nancy, bà bác-sĩ Blanche Witmann...

(2) « Tuy rằng bây giờ tôi đã mù-lòa và luôn luôn đau đớn vì bệnh tật, nhưng tôi dám thành thực quả-quyết rằng : ở đời, còn có một thứ quí hơn những khoái-lạc vật chất, quí hơn sự giàu-sang và danh-vọng, quí hơn cả sức khỏe... đó là sự tận tụy hy sinh cho Khoa-học » Angustin Thierry.

Đằng sau những bộ mặt sương sương và hai con mắt sâu và sáng, họ dấu kín những tình cảm rất nồng-nàn, những ý-định ngang tầm quyết-liệt. Chỉ kể về sức sống mãnh-liệt thì nhà bác học cũng đã đứng ngang hàng với những anh-hùng chọc giời quấy nước trong lịch sử nhân-loại rồi. Cái gương nghị-lực ở đây, lại còn sáng sủa, rộng rãi, đẹp đẽ gấp trăm lần những kẻ gây ra núi xương sông máu để thỏa mãn một lòng ích kỷ tham-lam. Vì công cuộc của nhà khoa-học là một công-cuộc khám phá, phát-minh, kiến-thiết để phụng sự đời sống. Những nhà bác học đang cần cù trong phòng thí-nghiệm lặng-lẽ, những nhà thám hiểm đang lần mò mải miết trong cảnh hoang vu tịch-mịch ở những miền băng tuyết, lại là những vĩ nhân có công to nhất trong sự tiến hóa của nhân loại. Đời sống của họ, nhân-cách của họ nêu ra một mẫu-người (idéal humain) hoàn toàn vừa trong sạch (saint) vừa sáng suốt (sage) vừa anh dũng (héros) (1).

(1) Bác-sĩ Yessin vừa tạ-thế ngày 1-3-1943 (Xem trang sau)

B) *Phương pháp nhận thức.* — Sở dĩ tri thức nhà bác học vững chắc, sáng suốt hơn người thường, không phải vì nhà bác học có một cơ thể, một khối óc được cấu tạo một cách đặc biệt. Nhưng chính là vì ngay từ lúc nhỏ, ngay từ lúc họ mới biết nhận xét và tìm hiểu biết, họ đã được rèn luyện trong một qui phạm xác đáng. Dần dần, trí tuệ họ càng mở mang, thì cái qui phạm kia lại thêm tinh vi, thêm phiền phức, thêm nghiệt ngã. Một người thông minh siêu việt chỉ là người đã lần theo từng bước một trên con đường khắc khổ của phương pháp khoa học.

Phương pháp này chia ra hai phần, hai giai đoạn :

1·) *Phần thụ động : thu lượm kiến*

ở Nha-trang sau 80 năm phấn-đấu vừa là một nhà bác-học uyên thâm (chính bác sĩ Yersin đã tìm ra vi trùng bệnh dịch hạch năm 1894) lại vừa là một nhà thám hiểm can đảm lần đầu tiên đã đặt chân lên khắp giải núi Trường sơn ở Trung kỳ — và tìm ra Lang bian (Đà lạt) Kontum, Darlac... Ngài lại còn là một bậc đạo đức, nhân từ mà xuốt quanh vùng Nha-trang ai cũng yến mến.

thức.— Mục đích : sưu tầm những kiến thức cần-thiết để giải thích tạm thời những hiện tượng xung quanh. Ta phải dùng trí nhớ để học hỏi, ghi nhận những chân lý coi là đã thành lập. Nhưng *trí nhớ không được tham lam, không được lộn sộn, không được cẩu thả* : nó phải mang lại cho ta những kiến-thức rõ-rệt, đã được chứng minh, được chọn lọc kỹ lưỡng và xếp đặt có thứ tự.

Đứng trên cái nền tảng trí thức này, ta sẽ nhìn bao quát, để thu lấy một tổng quan tạm thời về sự vật. Nhưng vì ta bắt buộc phải hành động trong một khu vực nhất định, vậy ta cần phải tiến sâu vào những khu vực ấy để khám phá, hiểu biết cho thật rành mạch.

2) *Phần hoạt động sáng tác.*— Trước hết, nhà khoa học phải có một *thái độ độc lập* : không sợ và theo một oai quyền trí thức nào cả, hoàn toàn tin cậy vào phương pháp mình áp dụng. « Trước khi đi tìm chân lý, hãy phải tin vào phương pháp khoa học » (Giáo sư Picard).

Tin vào phương pháp khoa học, tức là

dựa vào sự quan sát, sự thí nghiệm và sự suy luận của mình sau khi đã kiểm điểm, phê bình nghiệt ngã những tác động ấy.

Quan-sát là tác động cốt yếu trong phương pháp nhận thức khoa-học. Trong lúc quan-sát, phải ky nhất cái chủ quan của mình, những tình cảm, những tư-tưởng riêng tây của mình nó hay xen vào để làm mờ, làm sai sự thực đi. Ngay khi đã trở nên vô-tư rồi, cũng còn phải tránh sự vội vàng, hấp tấp; phải bình tĩnh, chậm mãi dùng hết các giác-quan để soi xét những đối-tượng nhiều khi rất phiền-tạp. Nếu giác-quan không đủ tinh-vi, thì lại phải nhờ đến những khí-cụ, những máy móc thích-dụng. Phải mất hằng ngày, hằng tháng, hằng năm mới hòng nghiên-cứu được hết các trạng-thái của một hiện tượng sảy ra trong mọi trường-hợp khác nhau.

Muốn cho sự quan-sát được đúng đắn, tinh-xác, phải hết sức *chú-ý*, bắt các giác quan tận-lực cố gắng; phải rất khó tính, rất nghiệt-ngã với mình, không chịu nhận những kết-quả lờ-mờ, ú-oà, nhất là phải

hết sức thực thà, ngay thẳng, thấy thế nào ghi như thế, chớ không được vì lẽ gì mà xuyên-tạc thực-tại.

Nhiều khi, quan-sát không, không đủ thấy rõ những tính-cách u-ẩn của một đối tượng. Nhà khoa-học lại phải dùng thí-nghiệm, nghĩa là tạo ra những điều kiện nguyên nhân, bắt buộc cái đối tượng kia phải hiện ra trước mặt mình một lần nữa, nhiều lần nữa, để mình có đủ thời giờ, đủ cung-cách khám-phá rõ ràng những đặc tính của nó. Ví dụ khi trời nổi gió mạnh, chúng ta nghiệm thấy rằng khí giới là một vật nặng có áp-lực. Nhưng nhà vật lý-học lại cần biết rằng mỗi lít khí giới nặng bao nhiêu ? cái áp lực của khí giới trong khoảng một phân vuông mạnh bao nhiêu ki-lô ? cái áp lực ấy có theo thời gian và không gian mà thay đổi không ? và thay đổi như thế nào ? Muốn trả lời những câu hỏi ấy, phải làm hằng trăm cuộc thí-nghiệm, phải cân, phải đo, phải đếm, phải ghi chép, tính toán rất tỉ-mỉ kỹ lưỡng, phải là người *rất tỏ mò, rất kiên-nhẫn, rất khó tính trong sự hiểu biết.*

Nhờ có những sự quan-sát và thí-nghiệm công phu ấy, nhà khoa học mới thu-nhận được những kiến văn vững chắc, tinh xác có thể đem biểu-lộ ra bằng những con số được.

Quan sát và thí nghiệm song rồi, lúc bấy giờ mới đem phê bình, so-sánh, chọn lọc những kết quả. Sự suy luận này hoàn-toàn dựa vào những hiện tượng đã khám phá rồi, không có điều gì bịa đặt cưỡng ép. Chỉ cần phân biệt rành rọt xem trong những hiện tượng ấy, cái nào hoặc những cái nào là nguyên nhân, và cái nào hoặc những cái nào là kết quả. — Do đó, mà đặt ra những *định-luật khoa-học.* (lois scientifiques) Nếu những định luật này mà đúng, thì ta phải dự đoán được tương lai theo luật nhân quả chứng nghiệm (déterminisme scientifique) : nếu A là nhân, B là quả, thì khi nào có đủ điều kiện cho A sẩy ra tất B phải sẩy theo với tất cả những thuộc tính của nó.

Tất cả những kiến-thức khoa học ngày nay đều có thể thu vào những *định-luật* rất đanh thép. Nhà khoa học có tham vọng muốn nắm ở trong tay những qui tắc biến-

dịch của mọi vật, để có đủ quyền-lực điều-khiển mọi vật theo những qui tắc ấy.

Nhưng nhiều khi, có những hiện-tượng còn hiểm hóc quá mà phương-pháp khoa học cũng chưa khám phá nổi, các nhà bác học lại phải dùng trí tưởng-tượng sáng-tác, nêu ra những *giả-thuyết* (hypothèse) để giải thích tạm thời. Rồi lại dùng quan sát và thí nghiệm để kiểm-điểm xem sự vật có diễn ra đúng như qui-mô của những giả thuyết ấy không ? Chính nhờ có những con đường do *trí tưởng tượng* vạch ra đó mà người ta luôn-luôn đi tới những điều phát minh bất ngờ, mới lạ. Cái công dẫn đường của trí tưởng-tượng ở đây không phải là nhỏ. Người ta gọi đó là trực giác của nhà khoa-học ; nhưng thứ trực-giác được chứng-nghiệm này khác hẳn với cái trực giác lòng-bông vô sở-cứ của các nhà triết học nhuộm mầu thần bí.

Tính cách đặc biệt của trí thức khoa-học, là cái trí thức ấy dung hòa được những tác động hầu như tương-phản nhau. Nhà khoa học vừa tin tưởng vừa hoài nghi : dựa vào luật nhân-quả

chi phối các hiện tượng, nhưng vẫn đề phòng sự lầm lỡ của các giác quan; đi theo con đường của trực giác, nhưng vẫn ngờ vực giá-trị của những giả thuyết tự tạo ra; vừa sung sướng vì tìm thấy một kết quả mới lạ, rồi lại tự phê bình một cách lạnh lùng nghiệt ngã. Có thể nói là tinh thần khoa học như một ngọn lửa, bùng lên, lại vội nén xuống ngay, và cứ lên xuống như thế mãi cho đến khi nào tìm thấy chân lý khách quan thì mới thôi.

Thực là một tâm trạng lạ lùng, gay go, khắc khổ, mà Pasteur đã mô-tả một cách tha thiết trong bài diễn văn đọc buổi khai mạc viện Pasteur đầu tiên ở Paris năm 1888:

« *Đã tin rằng mình tìm thấy một chân lý khoa học quan hệ rồi và sốt ruột muốn công bố ra, vậy mà trong hàng tuần, hàng tháng, hàng năm, phải tự công kích mình, tự kiềm chế mình, và đợi mãi, đợi mãi đến khi nào đã thử thách hết cách, xua đuổi hết mọi mối hoài nghi, mới dám công bố sự phát minh của mình ra, phải, đó thực là một công cuộc nhọc nhằn* ».

(C) *Những đức tính hoạt động của nhà khoa học.* — Ngoài lòng nhiệt thành để tự nâng đỡ và thúc đục, ngoài cái trí tuệ sắc mắc để tự hướng-dẫn, nhà khoa học muốn thành công hoàn toàn, lại cần phải có nhiều đức tính nữa.

Trước hết là *khiếu tổ chức* trong công việc nhà khoa học là một người kinh-doanh đi tìm những báu vật tri-thức, vậy cũng cần phải có qui-củ trong lúc làm việc, biết lựa chọn, biết sắp đặt những người giúp việc người nào vào phận vụ người ấy, biết qui thời giờ, và giữ trật tự ở khắp mọi chỗ làm việc.

Nhà khoa-học, phải là một người *nghiêm khắc, có oai quyền.* Tuy vậy, ngoài công việc ra, thì đó lại là một người khiêm-tốn, giản-dị, dễ-dãi, vì trông xa nhìn rộng nên sẵn lòng tha thứ; hết sức thực thà trong đời sống cũng như trong lúc đi tìm chân lý. Tính thực thà ấy nhiều khi gây cho nhà khoa-học rất nhiều can-đảm và một lòng hy-sinh quyết liệt : can đảm để công-bố thẳng thắn những công-phu nghiên-cứu của mình; quyết-liệt hy-sinh để chịu hết

cả mọi nỗi khó-khăn hoặc đau khổ do tinh thủ-cựu và lòng đố-kỵ độc-ác của người đời có thể gây cho mình.

***

Nói tóm lại, tinh thần nhà khoa học là một thứ tinh thần rất phức tạp, rất mới mẻ, nhất là đối với chúng ta. Cái tinh thần ấy, về phương diện nhân đạo, rất đẹp đẽ ; về phương diện thực dụng, lại rất đắc lực.

Xét kỹ ra, tinh thần khoa học không phải của riêng các nhà bác-học ; nó biểu thị được tất cả những khuynh hướng tinh thần của thời đại máy móc này : ta gặp nó ở trong các nhà buôn, trong các xưởng máy, ở một nhà kinh doanh nhanh nhẹn, gọn gàng, thông minh, ở người thợ yên lặng, cần cù, khắc khổ... Tinh thần khoa học đã nhiễm vào không khí của xã hội văn-minh. Không thở hít thấy nó, không tự biến đổi được mình cho thích hợp với bước tiến hóa của nhân loại, chúng ta sẽ gặp cái họa của những kẻ lạc đường bất phục thủy thổ.

PHAN THỨ BA

Muốn có óc khoa-học.

Đối với phần đông chúng ta, thì Khoa-học chỉ là... ô-tô, tầu-bay, quạt-điện, giầy nói, các thứ thuốc tiêm, các chất nổ, các thứ cầu-cống tiện-lợi, các thứ máy-móc ghê-gớm... Chúng ta rất phục Khoa-học, rất sợ Khoa-học, chúng ta biết nó tự đâu lại; nhưng ta không hiểu tại sao mà nó có, tại sao người ta lại có thể tạo ra được những công-trình lạ-lùng, vĩ đại như thế, ta kêu rầm lên rằng: « giỏi lắm! khó lắm! thần-diệu lắm! »; và ta yên trí rằng không bao-giờ ta có được những tài-lực phi-thường ấy.

Sự thâm-phục nhẫn-nhục ấy làm cho

ta không trông thấy những nguyên nhân đã cấu tạo ra Khoa-học, và cái sức-mạnh tinh-thần đang điều-khiển Khoa-học. Một đôi khi, ở trong xiềng máy, ở trong các phòng thí-nghiệm, ở trong các nhà trường... ta cũng học được một vài « mánh khóe » của Khoa-học, ta cũng tập được một vài nết tốt của nhà khoa-học. Nhưng sự học lỏi ấy cũng chưa đủ biến-chuyển cái tinh-thần cố-hữu của ta. Trong đời sống hằng ngày, ta vẫn rẫy-rụa trong những thành-kiến hủ-lậu lưu-truyền lại từ thuở nào, hình như không thể rứt đi được.

Chính vì thế mà « *ở vào thế-kỷ khoa-học thạnh-hành như đời nay, mà trong xứ ta phần đông còn chưa công-nhận lực lượng của Khoa-học; lắm lúc ta còn thấy có kẻ đã du học xứ người, đã thâu-nhập được một phần văn-minh của người rồi... đã có học vấn khá sâu, đã đỗ kỹ-sư, tấn-sĩ v. v., mà cũng còn giữ cái óc mê tín và nghi ngại khoa-học nữa* » (Bác-sĩ Hồ-tá-Khanh trong báo Văn-lăng số 5 tháng 8 năm 1939).

Nguyên-do vì đâu mà có cái thực-trạng tinh thần rất-đáng buồn ấy ?

Như ta đã thấy ở phần trên, khoa-học khởi điểm trong địa hạt kỹ thuật và kinh tế, óc khoa-học kết tinh những luồng tư tưởng mãnh-liệt bàng-bạc trong xã-hội, và những thứ này cũng chỉ là phản-ảnh của một cuộc sinh-hoạt linh-động.

Ta nên nhớ rằng : mỗi người chúng ta đều bị đóng đanh trong khung cảnh vật-chất và tinh thần của cả đoàn-thể trực-tiếp. Ta không thể thoát ra khỏi ảnh-hưởng của hoàn-cảnh ấy. Và những nhân tài — trong phạm-vi trí thức cũng như trong các phạm-vi khác — chỉ là những người có đủ tư-cách để biểu-dương những tinh-túy nầy ra trong đời sống công-cộng của đoàn-thể. Nhân tài vượt lên trên đoàn thể, nhưng vẫn bắt rễ vào đoàn-thể. Một đoàn-thể nghèo nàn không đủ sức thai nghén được nhân tài, hoặc chỉ sinh ra những nhân-tài nghèo-nàn.

Vậy muốn vun trồng óc khoa-học, trước hết phải nghĩ gây những điều-kiện thuận-tiện cho nó có thể phát triển và nẩy nở được.

CHƯƠNG I

Những điều-kiện thuận-tiện cho óc khoa-học nảy nở.

Tinh thần con người không phải là một vật bất-di bất-dịch. Vì đó không phải là một thiên-bẩm (?), một tặng-phẩm của giời ban cho ta, mà chính là một kết quả của những điều-kiện sinh-hoạt rất rõ-rệt.

Tinh thần khoa-học — tuy rằng là một thứ tinh-thần đặc-biệt, cao và mạnh hơn mực thường, — cũng không thoát ra ngoài công lệ ấy. Nó cũng chỉ là con đẻ của những điều kiện vật-chất và tinh-thần đã phối-hóa với nhau trong những trường-hợp nhất định.

Nay ta hãy xét xem chúng ta có những điều kiện gì và thiếu những điều kiện gì

để gây nên cuộc phối-hóa ấy ?

1) *Những điều kiện sinh-lý.* — Có người cho rằng vì cơ-thể ta bé nhỏ, cằn-cỗi, suy nhược, khí huyết di-truyền của ta kém tươi-tốt, nên tinh cảm của ta khô-cạn, tinh thần ta nghèo-nàn, và trí-tuệ của ta không phát-triển được, nên phần nhiều người mình lười nghĩ, và ngay đến thanh niên trí-thức cũng chỉ ham học trong một thời kỳ rất ngắn, khi chưa thành công danh ; hình như ngoài ba mươi tuổi ra, trí não của họ mỏi mệt không chịu làm việc nữa. Và những người làm việc bằng trí nhiều (lao-tâm) thường là những người gầy còm, yếu đuối, rất dễ làm mồi cho bệnh ho lao. Họ hay vin vào câu cách ngôn Âu-tây « phải có một thân thể khang-kiện mới chứa được một tinh thần khang-kiện » để bào chữa cho sự xút-kém của ta về phương-diện trí-thức.

Điều nhận xét trên đây không đúng hẳn vì có những người thừa ăn thừa mặc, mà trí thức cũng chẳng nở-nang gì hơn những người nghèo mấy tí. Trái lại, thường trong đám học trò, những người xuất-sắc nhất không phải ở trong bọn phong lưu

đài các. Không phải bỗ cứ có những đồ ăn béo-bổ xúc-tích và những quần áo ấm-áp là có ngay một tinh thần mạnh mẽ, một trí-não sáng-suốt.

Chúng ta lại thường phàn-nàn rằng khí-hậu nóng bức ở xứ ta làm cho thần kinh hệ và óc ta suy - yếu không thể cố gắng hoạt-động được, rằng vì thế mà trí-thức ta non-nớt, tinh thần ta bạc-nhược. Tôi đã có dịp phê-bình sự ngụy biện ấy trong một cuốn sách nói về sức khoẻ (1). Ở đây chỉ cần nêu ra một chứng cứ : những nhà bác học Âu-châu sang nghiên cứu về khoa-học ở các xứ nhiệt đới — trong đó có bác sĩ Yersin đã ở luôn Đông-dương cho đến lúc chết, 80 tuổi — không phải vì khí hậu mà xút - kém tinh - thần. Hơn nữa, vì thiếu những phòng thí nghiệm, thiếu những dụng cụ, thiếu những thư - viện chuyên - môn, thiếu một không khí tinh thần để giúp vào sự nghiên cứu của họ, họ lại phải làm việc gấp bội khi ở xứ xở họ.

Vậy khi-hậu ảnh hưởng rất ít đến sự sinh

---

(1) « Một sức khoẻ mới » Hàn thuyên xuất bản năm 1941 — trang 41-42.

hoạt của trí thức. Đồ tội cho khí hậu trong khi mình đã thích-ứng với nó từ bao nhiêu đời rồi, đó chỉ là một viện lý mơ hồ của những người đi trốn trách-nhiệm và tự an ủi trong một sự chịu đựng đau khổ.

2.) *Những điều-kiện tâm lý.* — Nhiều khi chúng ta lại vin vào những căn - tính di-truyền (như tính mơ mộng, khiếu trực giác tổng quát, óc nô lệ, tính cầu thả trong sự suy luận, tính ủ ơ bằng lòng nhận những điều đại khái hàm hồ...) để bênh vực sự thua kém của ta trên con đường tri-thức. Những lý-luận ấy có thể đúng cho con nhà nho sĩ, vì nho sĩ — như ta đã thấy ở phần thứ nhất — là người ít rèn luyện trí não nhất. Nhưng, xét những người ở xung quanh ta, người làm ruộng, người làm thợ, ngay những người vô học thì thấy phần nhiều là thông minh, nhanh nhẹn, chịu khó, tỉ-mỉ, lại sẵn có khiếu trào phúng rất sắc mắc (đó cũng là một thể - cách của óc phê-bình).

Vậy, về phương diện di truyền — dĩ truyền sinh lý và di truyền tâm lý — không phải là ta chỉ gặp toàn những ác quả. Sự

sống thanh - đạm của người dân quê Việt-nam ngày xưa để lại cho ta một thân hình — tuy bé nhỏ — nhưng mà trong sạch, vô bệnh, mạnh mẽ ; và tinh thần chiến đấu của chủng tộc vẫn để lại ở trong tinh thần thuần-phác của dân chúng những vết tích đẹp đẽ nữa.

Ác hại hơn là những hủ-tục, những thành kiến, những di-tích thái-cổ còn sót lại trong bọn người dốt nát, những xiềng-xích tinh-thần của Nho-giáo ở khắp mọi nơi. Đó là những bức «tường tri-thức» dầy đặc, nó ngăn tầm con mắt của ta, nó khuôn \tư - tưởng của ta ngay từ lúc nhỏ vào những quan niệm lầm-lẫn, hẹp-hòi. Giáo dục gia đình của ta lại là một đồng đẳng đắc lực, phụ họa với những thành kiến kia để dồn ta vào con đường mê tín, hoặc để làm cho trí não ta tê liệt không tiến bộ được.

Để trả lời câu hỏi ở trên : « *Vì lẽ gì có nhiều người Việt - nam đã học vấn khá sâu, đã đỗ kỹ-sư, tấn sĩ...v.v.. mà cũng vẫn giữ não mê - tín ?* », bác sĩ Hồ-tá-Khanh lại viết thêm :

« *Có chăng là (vì họ) bị gia-đình giáo*

dục đã rèn tánh từ lúc bé thơ, làm cho con lo sợ việc hư-không đã lâu rồi, và người con cũng chả tự xét cho chu-đáo, chẳng có can đảm để rứt bỏ những sự láo-khoét của gia đình, xã-hội đã nhiễm cho mình ». (Óc khoa học và óc mê tín — Văn lăng số 5).

Cho hay học-vấn — sự học ở nhà trường — nhiều khi chỉ là một lớp sơn hảo-nhoáng bao phủ bên ngoài những thành kiến hủ-lậu đã cố kết lại tự bao nhiêu đời. Tuy vậy, những thành kiến không phải là những nguyên nhân chính làm cho ta mệ muội, đó chỉ là những bóng váng của nền móng một xã hội mục nát rồi nhưng chưa mất đi hẳn.

3) *Những điều kiện xã hội.* — Đây mới là những nguyên nhân quan hệ, quan hệ đến sức-khỏe của ta, đến nhân cách của ta, và tất nhiên là đến cả trí thức của ta nữa.

A) *Sinh-hoạt vật-chất.* — Chúng ta chuyên về nghề nông đã mấy nghìn năm nay, và vẫn giữ nguyên những lề lối làm ăn di-truyền quá đơn-sơ. Kỹ-thuật canh-nông thấp kém không đủ nuôi sống phần

đông, và công nghệ cũng chưa mở-mang mấy để bù lấp vào đấy; sự sinh-sản về kinh tế đi chậm hơn sự sinh-sản về sinh lý, chúng ta bị dồn vào một con đường đầy gai góc. Thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu chỗ ở, chúng ta cố sống với những điều kiện sinh-hoạt rất khe khắt. Tất nhiên là bao nhiêu sức lực của ta đổ cả vào công-việc sinh nhai. Do đó mà nẩy ra ở trong dân chúng một tinh-thần thực-tiễn rất sắc-mẻ, nhưng cũng rất hẹp hòi. Tri-thức của ta bó chặt trong phạm-vi nghệ-nghiệp và sinh-sống, không thể vượt ra để đề cập đến vấn-đề gì khác nữa. Tình trạng ấy làm cho người làm ruộng, người làm thợ, người đi buôn không có đủ thì giờ nghĩ đến cách cải-thiện nghệ-nghiệp và đời sống, người học trò đi học chỉ cốt tìm một kế an-thân, người được nhàn rỗi cũng luôn luôn băn khoăn lo giữ địa-vị mình.

Trong cảnh nghèo-nàn, cằn-cỗi ấy, tinh thần Việt-nam chỉ bay lượn quanh-quẩn bên những mối lo; trên vầng trán, trên nét mặt mọi người, chỉ thấy hiện ra

những tư-tưởng lo-âu sảm ngắt. những người trí thức hoảng hốt đi thu lượm những kiến văn lộn-sộn, chẳng cần đúng hay sai, rộng hay hẹp, chỉ cốt phụng sự được những tư lợi cấp bách. Ngay những người gọi là triết nhân, là nghệ sĩ... cũng chỉ là những người mỏi-mệt vì sinh nhai nên phải đi tìm những khoái-lạc để dưỡng tinh-thần, khác xa với những chiến-sĩ trong phạm-vi trí-thức can đảm rời bỏ đời sống hằng ngày để đi tìm chân-lý.

Cái lòng yêu sự thực, cái hứng-thú của người ham hiểu biết chỉ để mà hiểu biết, đối với chúng ta, vẫn còn là những trạng-thái tinh-thần xa lạ. Không những thế, sự thúc-phọc của một cuộc sinh hoạt vật-chất gay go lại làm mờ ám, làm hoen rỉ cả những lợi khí tinh-thần rất thiết-dụng, như óc quan-sát, óc phê bình, trí xét đoán.

Riêng chỉ có một số ít người, nhờ được kế sinh nhai vững chãi, đã vượt được ra ngoài vòng thực tiễn chật hẹp. Họ có thì giờ đọc sách, đọc báo, suy nghĩ đến một vài vấn đề quan trọng, khởi-thảo

ra một it chương trình nghiên cứu, rắp tâm sây dựng cho xã hội những lâu đài khoa-học, văn học, mỹ-thuật, và có tham vọng muốn trở nên những nhà khoa học, nhà tư tưởng, nhà nghệ sĩ khả dĩ đóng một vai trò trên sân khấu sán lạn của tri thức nhân loại.

Nhưng họ vấp phải một cản trở lớn và không vượt qua được.

B) *Sinh hoạt tinh thần.* — Trong khi nghiên cứu lịch sử khoa học, ta đã thấy rằng sự sinh hoạt tinh thần của cả một đoàn thể rất cần cho sự sinh hoạt tinh thần cá nhân. Ở Cổ Hy-lạp, Socrate, Platon, Aristote Epicure... là đại biểu cho cả một xã hội phóng-lưu, chuyên-chú đi tìm những trác kiến để giải-thích vũ-trụ và cuộc đời. Ở các nước Âu-châu trong hai thế kỷ XVIII XIX thì phần nhiều các nhà khoa học (như Lavoisier, J. Watt, Pasteur, Berthelot, Gram...) đều được các nhà công-nghệ nâng đỡ, kích thích, cổ võ luôn luôn. Nhờ có cái hậu thuẫn vật-chất và tinh thần ấy, họ lập ra được những phòng thí-nghiệm, những tạp-chí khoa học, những thư viện, những hội học, những phái bộ nghiên cứu khoa học.

Nhờ có kỹ nghệ tinh sảo, họ chế tạo ra được những dụng cụ rất tinh-vi dùng trong sự thí nghiệm và khảo cứu.

Lại nhờ có công nghệ đã nâng cao trình độ sinh hoạt chung ở Âu-châu, nên số người chuyên về khoa học càng ngày càng nhiều. Họ thông tin với nhau, giao tiếp với nhau, giúp đỡ lẫn nhau, lập ra một thế giới khoa học đại đồng, vượt cả ra ngoài cương-giới chính-trị, tạo ra một không khí tinh thần vừa thanh-khiết vừa sôi nổi có khi lại loạn động vì những cuộc tranh luận ráo-riết của các nhà khoa học.

Ở xứ ta, thanh niên trí-thức bị bơ vơ, bên cạnh đám đông dân chúng mải lo về sinh-kế, bên cạnh những nhà tư-bản lãnh-đạm với công-nghệ, (1) bên cạnh một du-luận còn non nớt bị một bọn văn sĩ đòi bại dẫn đi theo sự trụy-lạc của phương tây và những ảo-tưởng của phương đông...

Khi nói đến óc nghiên-cứu, óc sáng tác trong khoa-học, bác sĩ Hồ-tá-Khanh đã viết

---

(1) Gần đây, vì thiếu hóa phẩm ngoại quốc công nghệ được mở mang ít nhiều, nên đã thấy có những sáng kiến trong phạm vi ấy.

ra : « *Đừng nói đến những sự phát-minh của nhà bác học với chúng ta vội. Người Việt-Nam ta, buồn thay ! chưa đến trình độ ấy, không phải vì trí-thức không đủ sắc-mắc, đủ mạnh mẽ, nhưng* **vì hoàn cảnh cản trở hết cả mọi công cuộc khảo sát.** *Tất cả các bạn du học ở các trường cao đẳng Pháp thừa hiểu rằng, nếu ở xứ người, thì làm gì mình chẳng lên được đài vinh-quang của khoa-học, vậy mà ở xứ nhà thì trí não bị hoen rỉ tàn tạ* » (trích trong bài Avant la rentrée des classes—Báo Văn lang số 9, trang 34).

***

Chúng ta phải nhận rằng ta chưa có đủ điều kiện để nuôi sống óc nghiên-cứu (esprit de recherche), óc sáng tác của nhà khoa-học (esprit de génie). Muốn tới đó, phải kỹ nghệ hóa xứ ta, để nâng cao trình-độ sinh hoạt của phần đông ; lại phải rèn rũa trí não rất công phu — có lẽ trong mấy thế hệ — mới đủ sức già giặn để lọt vào trong vòng lửa của Ánh sáng khoa-học.

Nhưng, đứng ở quan điểm thiết-thực, tất cả chúng ta, — dù đã vượt được hay không ra ngoài sự thúc-phọc ác liệt của nghèo đói, của dốt nát,— đều cần phải rèn luyện trí nhớ, óc quan sát, óc phê-bình. Đó là những lợi khí tinh thần thiết dụng trong đời sống hằng ngày; và đó cũng là những bước đầu để đi đến một óc khoa-học đầy đủ và mãnh-liệt.

CHƯƠNG II

Rèn-luyện trí xét-đoán

Chúng ta bị khó chịu nhất là khi nào phải tiếp xúc với một người không có tư cách. Chúng ta khốn-nạn khổ-sở nhất là khi nào thấy ngay chúng ta không có tư-cách.

Thế nào là có tư-cách ?

Là có những ý-nghĩ rõ-rệt, mà mình cho là xác đáng, và hành động theo đúng những ý nghĩ ấy.

Bởi vậy, ý nghĩ của ta càng xác đáng thì tư cách của ta càng rõ rệt, càng đẹp, càng cao. Nhưng ý-nghĩ của ta ở đâu đến, tại sao mà nẩy ra, và biến hóa như thế nào ?

Có những người nghĩ theo sở thích, theo dục vọng riêng, một cách rất « thi sĩ »

nghĩa là rất điên cuồng. Họ cho cuộc đời là một canh bạc, một cái chợ khoái lạc, một cái thung lũng đầy nước mắt... vân-vân. Nhiều khi rất sung-sức, họ xông liều vào những con đường hoạt động chật hẹp, đi tìm những cảm giác gay gắt và không bao giờ thấy thỏa mãn.

Có những người nghĩ theo thành-kiến của gia đình và của xã hội. Những thành-kiến ấy — bao giờ cũng bảo thủ — kéo tư tưởng họ quay về dĩ vãng và làm cho họ quên hẳn đời sống hiện tại. Họ thành ra những người cố-chấp, tê liệt không thích ứng được với hoàn cảnh linh-động.

Có những người nghĩ theo sách vở, khuôn tư tưởng của mình vào những nguyên tắc đặt ra tự mấy ngàn năm xưa, hoặc rập theo mẫu của những người sống trong những trường hợp khác hẳn với mình. Đó là những người hoặc kiêu căng hoặc gàn dở, thường xung đột với những người xung quanh và gặp thất bại ở mọi trường hành động.

Sau cùng, lại có những người nghĩ theo tất cả, và không nghĩ theo cái gì cả — những người mô-lăng, những tinh thần bất

định, những tư tưởng chập chờn như ma chơi không bắt rễ vào tình cảm, và cũng không phát lộ ra cử chỉ. Đó là những người khổ nhất, xấu nhất.

Tất cả những người kể trên đều có một tật chung : không nghĩ bằng *óc* của mình, bằng cái cơ quan chuyên ghi nhận cảm-giác, và phản chiếu thực tế. Có thể nói là họ nghĩ bằng dục-vọng, nghĩa là nói trắng ra, bằng dạ dầy, bằng cơ quan sinh-dục của họ. Họ không biết nghĩ ; cho nên « *họ hoàn toàn bị dục-vọng và bản-năng xô đẩy, và những thứ này lại do ảnh-hưởng của hoàn-cảnh phối-hóa với sự sinh-hoạt của cơ thể mà gây ra* ». (Dewey : Education de la pensée). Trong vòng bó buộc của dục-vọng sinh lý và của tập quán xã-hội, họ lúng-túng mơ-hồ không nhận thấy rõ chân tướng của thế-giới khách quan bên ngoài, không nhận thấy những định luật chi phối cái thế-giới ấy. Họ lập luận — hay không lập luận — theo những lề lối riêng, không ăn nhập gì với những định-luật hiển nhiên kia. Hành động theo sự lập luận sai lầm ấy, tất nhiên

là họ sẽ lạc-lõng, sẽ vấp ngã: họ giống như những người phải đi qua một cảnh rừng, nhưng lại không biết phân-biệt những đường lối của cái rừng ấy. Vì xét lầm, nên bọ đoán lầm, và hành động cũng sai lầm nữa.

Nghĩ là một tác-động rất quan-trọng trong sự mở mang trí-thức và trong sự hành-động hằng ngày của ta vậy. Trường hợp trên là trường-hợp của những nhà bác học, trường-hợp dưới là của tất cả mọi người. Vì phải hành-động luôn luôn, mỗi người chúng ta bắt buộc phải hình-dung sự vật một cách nào đó — đúng hay sai mặc đầu nhưng không thể thiếu được.

Đúng như lời William James, *« luôn luôn ta là một nhà triết-học vì luôn luôn ta phải nghĩ đến ngoại giới, ta phải có quan-niệm nhất định về vũ-trụ và cuộc đời »*. Những người không biết nghĩ hoặc lười nghĩ tất rơi vào những khuôn-khổ mê-tín, thần-bí, hoặc tạm dùng những quan-niệm lờ-mờ mượn của người khác. Người thông minh dựa vào phương pháp khoa-học để tự tạo cho mình những kiến thức vững chắc, một

trí xét đoán sáng suốt.

***

Trong phạm-vi cuốn tiểu-luận này, không thể khảo-xát đầy đủ những phương-pháp rèn-luyện *trí nhớ, khiếu quan-sát, óc phê bình* được, tôi chỉ xin hiến các bạn một vài qui-tắc nhỏ để giúp đỡ các bạn trong lúc xét đoán và suy luận cho đỡ nhầm lẫn.

I — Dựa vào những kiến thức vững chắc. — Vững chắc nhất là những kiến-thức tự ta tạo lấy cho ta, những bài học kinh-nghiệm ta đã phải trả bằng cố gắng, bằng đau khổ : một người đã ăn uống sai lầm mà bị trọng bệnh tất là hiểu phép vệ sinh về ăn uống hơn ai hết. Song nhiều khi những bài học kinh-nghiệm không khỏi có tính cách eâu-nệ chật-hẹp. « *Phải cung, giờ đã sợ làn cây cong* » là ý nói con chim bị nạn không còn trí xét đoán nữa, vì trọng sự vật không thực nữa.

Vả lại, ta không thể nào tự cung cho ta đủ hết những kiến-thức thiết-dụng được. Bắt buộc ta phải mượn của người khác. Chắc chắn nhất là mượn của khoa học, của các

nhà khoa học. Theo ý bác sĩ Toulouse trong cuốn : *Phải rèn luyện trí tuệ như thế nào ?* thì « *ta phải nghiên cứu những khoa học thực nghiệm để sưu tầm những kiến thức knoa học làm nền tảng cho sự xét đoán của ta* ». Sau khi đã nhắc ta nên đề phòng những dục vọng ích-kỷ và những thành kiến hủ lậu, bác sĩ Toulouse lại nêu ra ba qui-luật để ta tự hướng dẫn trong sự học hỏi ấy :

1) Đừng sợ oai quyền trí thức của ai cả.— Dù là nhà khoa học nói ra, nhưng điều gì có đủ chứng cứ thì mới tạm tin để rồi sẽ nghiệm sau.

2) Đừng coi sự kiến-thức khoa-học là tuyệt đối. — Vì khoa-học vẫn luôn luôn cố gắng tiến đến gần sự thực ; lịch sử khoa học đã chứng rằng có nhiều điều mấy chục năm trước các nhà khoa học — vì thiếu điều kiện để thí nghiệm — cho là chân lý thì nay đã rõ ra là lầm lẫn rồi.

3) Đừng lầm những giả - thuyết của khoa học và những kiến thức thực nghiệm. Trong bất cứ ngành khoa học nào cũng

có ít nhiều lý thuyết dùng để giải thích những hiện tượng còn mù mờ. Vậy ta cũng chỉ nên coi đó là những giả thuyết chớ nên coi là những chân lý đã thành lập.

Cái nền tri thức khoa học yếu lược ấy rất cần để giữ vững tri tuệ ta ở một thái độ độc lập. Nhưng ta lại cần phải có những kiến thức sâu xa nữa về những khoa học chuyên môn có liên lạc đến nghệ nghiệp, đến công việc của ta nữa. Sự học chuyên môn này không phải học thầy, học sách mà đủ: ta bắt buộc phải vào trong các xiềng máy, trong các xiềng công nghệ, trong các phòng thí nghiệm, trong các trường thực hành, để luyện cho những kiến thức chuyên nghiệp kia nhập vào máu, vào tủy ta, và sẽ phát lộ ra ở hai bàn tay ta. Phải, hai bàn tay ta, chính là hai cái cán cân để định giá trí thức của ta, tinh thần của ta. *« Chỉ có những trí thức sáng sủa, những tinh-thần mạnh-mẽ mới xuất hiện ra được ở hai bàn tay, trong lúc thực hành ». Vậy một người biết nghĩ, có tư-tưởng xác thực lại cần phải có hai bàn tay lẹ và cứng, hai bàn tay dùng*

để chiếm đoạt, để cân nhắc, để hiểu biết, để sây dựng, để lò điểm, để sáng tạo».
(Denis de Rougemont trong cuốn : Penser avec les mains).

Ngoài phạm vi nghề nghiệp ra, ta lại cần phải xử đối với những người xung-quanh, phải xét đoán những hiện-tượng đặc biệt của hoàn cảnh trực tiếp với ta mà khoa-học chưa soi tỏ được. Ta lại phải dựa vào những điều mắt thấy tai nghe, những kiến văn bác tạp hằng ngày.

II.—Phê bình những điều mắt thấy tai nghe. — Trước khi tin hẳn một điều gì tự tai ghi nhận được, ta nên tự hỏi xem trong sự nhận thức của ta

1.) Dục vọng của ta, tư lợi của ta có xen vào đó không ?

2.) Những thành kiến của gia đình và xã hội có dự gì vào đó không ?

Gột hết được hai vết ố ấy, ta mới đạt được tư tưởng khách quan xác đáng. *«Cái đặc sắc của người thông minh là thoát khỏi vòng tư tưởng tập quán của hoàn cảnh bao bọc trực tiếp (tâm lý ích kỷ, tâm lý gia đình, tâm lý xã hội*

của mình để đoạt tư tưởng mới mẻ xác thực hơn» (Bác-sĩ Hồ-tá-Khanh).

Và khi một người nào kể với ta điều gì— dù là người ấy tha thiết và quyết tín — trước khi tin hẳn, ta cũng phải đặt ra mấy câu hỏi trên kia đã.

Bằng cách chọn lọc ấy, ta sẽ gạt bỏ được rất nhiều kiến văn rơm-rác, rất nhiều những điều nhận-xét nông nổi, rất nhiều những tin đồn và tin truyền vô căn-cứ... Trái lại, ta cũng không nên nhất thiết vứt bỏ những tài liệu rất quí ở trong phạm-vi quan-sát của ta: một câu chuyện trên xe lửa, một bài phóng sự trên báo, một cuộc gặp-gỡ ngẫu-nhiên... nhiều khi mang lại cho ta những tia sáng đặc biệt không thấy ở trong các sách khoa-học.

Nói tóm lại, trong sự nhận xét thông thường, cũng như trong sự học-vấn, cũng như trong mọi sự nghiên-cứu, ta phải có sẵn trí tò-mò ham hiểu biết, đi đôi với một trí phê bình rất sắc mắc. Chính ở trong sự xung-đột, sự dung-hòa của hai tác-động: *tin* và *nghi* ấy mà nảy ra chân-lý.

III — Thận trọng trong khi suy luận — Có kiến thức rồi, ta lại còn cần phải có phương-pháp trong khi suy-luận. Vẫn biết rằng nếu kiến-thức của ta vững chắc, thì ta suy luận không mấy khi sai. Song, có một phương-pháp chặt chẽ để dẫn lối cho tư-tưởng, ta rất đỡ mất thì giờ. Sở dĩ có người ham suy nghĩ mà vẫn không đạt được đến những tư-tưởng rõ rệt, sở-dĩ từ xưa đến nay có nhiều cuộc tranh-luận náo-nhiệt cứ kéo dài liên-miên không giải-quyết... là vì thiếu phương-pháp suy-luận và tranh-luận.

Đại khái phương-pháp ấy có ba điểm chính: (1) xác định ý nghĩa các danh từ; đặt vấn đề; và giải-thích bằng khoa-học cho trúng cách.

1 — *Xác định ý-nghĩa các danh-từ.* — « Sự cần phải định nghĩa là sự cần chung cho mọi xứ, mọi thời, mọi khi suy-luận và tư-tưởng ». Chính vì thế mà Khổng-tử

(1) Ở đây, tôi chỉ trình bầy những ý kiến của một bậc tri-thức uyên bác của ta: tác-giả Huyền Luận-Tăng — Tân-Việt xuất bản năm 1949.

lập ra thuyết chính danh, Mặc-tử có thuyết kiên-bạch, phái kinh-viện hồi trung-cổ Âu-châu có thuyết Danh-mục-luận (nominalisme). Tại sao vậy ?

Vì « sự kinh nghiệm, sự học hỏi càng tăng lên, thì sự biểu nghĩa của một tiếng càng rộng ra » và « tùy thời đại, tùy xứ sở, (tùy trình-độ trí-thức và tâm-trạng tinh thần từng người nữa), nghĩa của một tiếng cứ biến đổi lan rộng mãi ra ».

Riêng về quốc văn ta, phần nhiều có những tiếng cụ-tượng dùng để tả cảnh làm văn thì rất hay (?), nhưng rất ít những danh-từ khoa-học và triết-học, những danh từ trừu-tượng để giúp vào sự khái-niệm. Một mặt ta phải làm giầu cho quốc-văn về phương-diện ấy, một mặt ta để ý xác định ý nghĩa bất cứ một danh từ nào dùng đến trong khi suy-luận. Ta lại cần bóc hết những ý-nghĩa thần bí của nhiều danh-từ (như linh hồn, giới sinh, số mệnh...), đính chính lại những danh-từ văn hoa và sai lầm như (cõi lòng, trái tim đa cảm, đoạn-trường...). Bất cứ một danh từ nào cũng phải biểu-lộ đúng một cái gì

có thực ở ngoại giới, hoặc ở trong cõ thể, hoặc trong tinh-thần ta. Không được thế, là những danh từ phải xóa bỏ đi.

1) *Đặt vấn đề cho trúng cách.*— Trước khi suy luận một mình hoặc tranh luận với ai về một điều gì còn mờ tối chưa rõ, một vấn đề gì, cần phải tách bạch cái điều ấy ra, cần phải đặt vấn đề cho rõ. « Chỉ có vấn đề có thể giải quyết được mới giải-quyết được ». Nghĩa là vấn đề ấy

1) phải có thực trong đời sống.

2) có mục đích rõ rệt (vấn đề ấy giải-quyết cách này thì sẽ đưa tới những kết quả gì, và giải quyết cách khác thì sẽ đưa tới đâu).

3) có giới hạn rành mạch. (Vì tri thức con người ta có hạn ; một vấn đề phiền phức quá cũng phải ngắt ra từng vấn-đề nhỏ).

Thường thường, khi ta đã định nghĩa các danh từ rồi, và đã đặt vấn đề trúng cách như trên rồi, thì giải quyết cũng không khó. Tuy nhiên, giá trị của lời giải cũng tùy theo giá trị trí thức của mỗi người chúng ta.

Một điều nữa quan hệ, là trong một vấn

đề ta đang xét, nếu có thêm một điều-kiện mới vào, thi tức khắc vấn-đề đổi khác đi ngay. Ta lại phải xét xem nên đặt lại cái vấn đề ấy như thế nào, hoặc xem nó có còn là một vấn đề nữa không ?

3) *Giải thích bằng khoa học.* — Điều kiện căn bản trong khi suy luận và tranh luận là chỉ dùng những kiến thức khoa học đề giải quyết mọi vấn đề, đề giải thích mọi sự. Mà tất cả những kiến thức khoa học đều dựa vào *luật nhân quả chứng nghiệm*. Bất cứ một hiện tượng nào cũng có một hay nhiều trạng thái, một hoặc nhiều nguyên nhân, một hoặc nhiều kết quả. Tuy rằng khoa học ngày nay chưa tìm biết được *tất cả* những trạng-thái, nguyên nhân và kết quả ấy, song một người *nghĩ theo khoa học* cũng không bao giờ nên vượt ra ngoài phạm vi khoa học, nghĩa là chỉ nên dùng *toàn* những kiến-thức khoa học đề giải thích sự vật. Nếu những kiến thức ấy đầy đủ (ví dụ trong các khoa cơ-học, hóa-học) thi mới nên có kết luận, nhược bằng những kiến thức ấy còn thiếu sót (ví dụ trong phạm vi tâm-lý-học và xã-hội-học) thi chỉ cần

đặt vấn đề, không cần kết luận, hoặc chỉ kết luận tạm mà thôi. Ta cần phải nhớ rằng trong sự tư tưởng bây giờ « *lời giải không quan hệ bằng lối giải* ». Cái thái độ hoài nghi uyển-chuyển của nhà khoa học lại còn đĩnh-đạc, vững chãi hơn sự tin tưởng hấp tấp mù quáng của những người chủ-quan.

***

Trên đây, chỉ là mấy điều đại cương cần phải diễn giải kỹ hơn nữa, mà tôi không thể làm được trong phạm vi cuốn tiểu luận này. Tôi xin mời các bạn suy nghĩ cho rõ thêm, và nhất là đem áp dụng ngay vào đời sống hằng ngày của các bạn. Ta bắt đầu từ những vấn đề gần gặn, như : giữ sức khỏe, chọn quần áo, chọn chỗ ở, chọn nghề, lập gia đình, xử đối với bè bạn... rồi sau khi kiến thức của ta đã rồi rào, ta sẽ đề cập đến những vấn đề to rộng hơn, gay go hơn, khó khăn hơn.

Điều quan hệ là làm thế nào xua tan được những mối nghĩ băn khoăn vơ vẩn nó làm cho tình cảm ta vẩn đục, và sức hoạt động của ta tê liệt. Điều quan hệ là làm thế

nào tránh được những sự sô đẩy mù quáng của dục vọng, của thành kiến nó đưa ta vào những con đường chật - hẹp tối - tăm. Điều quan hệ là thành ra những người sáng suốt. Đau khổ mà sáng suốt hay vui vẻ mà sáng suốt, điều đó không hề gì. Nếu ta biết rõ ta ở địa vị nào, ta phải làm gì, ta đi đến đâu, thì cái ý thức ấy cũng đã là một luồng ánh sáng để chống đỡ và kích-thích ta rồi vậy.

Cái ngày ta bắt đầu có ý-thức về cuộc đời của ta, và đạt được tư tưởng khách quan, tức là óc khoa học đã chớm nở trong tinh thần ta rồi đó. Nó sẽ tìm cách gây lấy những điều kiện thuận tiện để nầy nở.

KẾT - LUẬN

Đến đây, có lẽ bạn độc giả đã bất-bình vì đoạn phân tách trí thức người minh ở phần thứ nhất có về gay gắt và nghiệt-ngã ; có lẽ bạn đã bất mãn vì ở phần thứ hai những tài liệu về lịch sử khoa học còn ít ỏi, thiếu sót ; có lẽ bạn đã bất phục những cách rèn luyện trí não quá đơn giản ở phần thứ ba ; có lẽ bạn đã thấy cả cuốn sách này không được « khoa-học » như ý bạn mong mỏi ; có lẽ bạn đã hoài nghi luôn cả cái tinh thần của kẻ cầm bút này ; có lẽ những trang giấy này đã gây ra cho bạn bao nhiêu nỗi khó chịu, đã gợi ra cho bạn bao nhiêu ý tưởng phản-kháng.

Nếu quyển sách nhỏ này mà đã kích-thích được những giây-phản-ứng-động của bạn như thế, đã gieo được vào trong tư-tưởng bạn một vài mối ngờ vực chính-

đáng, đã làm nổi dậy trong trí bạn một ánh lửa phê bình sáng suốt, nếu chỉ mới được thế thôi, thì mục đích quyển sách này cũng có thể coi là tạm đạt được rồi ! Óc hoài-nghi, óc phê-bình, chẳng đã là một thể cách linh hoạt của óc khoa học rồi sao !

Tuy vậy, theo như kinh nghiệm của Pasteur thì « *nếu chỉ đứng trơ trọi một mình, óc phê-bình không đủ làm cho tinh thần tươi tốt, không gây ra đại sự...* » Vậy tôi lại xin phép bạn dịch ra đây một đoạn văn có lẽ bạn đã biết rồi — mấy lời tuyên cáo thống thiết của một nhà sử học đã hy-sinh cả đời mình cho khoa học, và muốn cho mọi người cùng tìm thấy cái nguồn sinh-khí nó làm cho con người thêm mạnh-mẽ, thêm hứng khởi, thêm quảng đại :

« *Tôi cầu mong cho tấm gương chói lòa của nhà khoa học sẽ sua tan cái cảnh tối tăm giam hãm những tinh thần trụy-lạc, cả một thế hệ thanh niên mắc phải cái bệnh chán nản trầm trọng. Tôi cầu mong rằng những tinh thần kia không tin ngưỡng, không hứng thú vất vưởng, lang thang, lạc lõng, sa-*

ngã... những tinh-thần ốm yếu kia sẽ hướng về đó mà vươn mình đứng dậy được. Tôi lấy làm lạ, tại sao trong đời sống rộng rãi ngày nay, họ lại phàn nàn kêu ca rằng người có trí tuệ không biết làm gì ? người có nguyện vọng không biết đem gửi vào đâu? Kìa, sao họ không lăn mình vào cuộc nghiên-cứu khoa-học ! Đó là một công-cuộc trầm mặc và nghiêm-trang ; đó lại là một nơi ẩn-tích thanh-tịnh, một nguồn hy - vọng chứa chan, một con đường sự nghiệp vĩ đại mở rộng để chào đón mọi người. Trong làn không khí thơm tho và lặng lẽ của khoa học, ta lướt lên trên những chuỗi ngày thảm đạm nặng nề trong đời sống, ta tự tạo lấy cái tương lai rực rỡ của ta, ta sống những ngày đáng sống » (Augustin Thierry — trích ở cuốn Mười năm nghiên cứu sử học).

Nếu ta không có đủ điều kiện (điều kiện tâm lý hoặc điều kiện sinh hoạt) để sung sướng « lăn mình » vào giòng suối khoa học như thế, thì ít ra ta cũng phải kết liên

thân mật hơn nữa với khoa học. Trên cõi đời đầy trở ngại này, khoa học là một bạn đường. sáng suốt, can đảm, trung thành, mẫn cán Nó sẽ giúp ta giải quyết mọi vấn đề khó khăn, nó sẽ làm cho đời sống của ta trở nên rộng-rãi, sáng sủa, và đẹp đẽ.

Hanoi tháng 4 năm 1943

MỤC LỤC

TỰA		Trang
	PHẦN THỨ NHẤT	
Chương I	Vấn đề nhận thức . .	9
Chương II	Óc mê-tín	27
Chương III	Óc hư-ngụy . . .	40
Chương IV	Óc cơ-giới	64
Chương V	Óc mô-lăng . . .	81
	PHẦN THỨ HAI	
Chương I.	Óc kinh-nghiệm . .	96
Chương II	Óc duy-lý	106
Chương III	Óc thực-nghiệm . .	118
Chương IV	Óc biện-chứng . .	137
Chương V	Tinh-thần khoa-học . .	151
	PHẦN THỨ BA	
Chương I	Những điều kiện thuận-tiện cho óc khoa học nảy nở.	172
Chương II	Rèn-luyện trí-xét-đoán .	184
KẾT-LUẬN	. . . . .	199

CAI CHÍNH

(tiếp theo trang 2)

»	77,	»	5. tránh cái tinh thần dọc là : tránh cái họa tinh thần.
»	78,	»	15, bỏ chữ quỵ.
»	79,	»	22. nó khiến » : nó hiến.
»	85,	»	24. trung đối » : tương-đối.
»	87,	»	10, Viết » : vứt.
»	89,	»	13, thỏa mãn » : làm thỏa mãn.
»	92,	»	2, nên » : còn.
»	95,	»	10, óc khoa học, một » : óc khoa-học là một.
»	95,	»	22, óc kinh nghiệp » : óc kinh nghiệm.
»	101,	»	2, mà » : mới.
»	101,	»	23, phì nhiều » : phì nhiêu
»	104,	»	22, Asyries » : Assyrie.
»	104,	»	23, Rgcé » : Egée.
»	123,	»	3, cái » : đến
»	124,	»	7, toi » : rơi.
»	125,	»	1, kính » : kiến.
»	125,	»	4, bùng nổ » : tràn lan khắp Âu châu.
»	126,	»	21, thuốc » : thước
»	127,	»	19, sức nóng » : sức nặng.
»	127,	»	21, caicci » : calcul.
»	130,	»	21, 1904 » : 1804.
»	137,	»	1, Chương V : IV.

VAN MOI tập trở

Phê bình

Thanh niên và thực nghiệp

Từ trước thanh-niên ta đi học, ngoài cái hy vọng giật được mảnh bằng để rồi trở nên ông phán, ông quan, còn thì chẳng đem cái tài học mình ra để thi thố việc gì khác. Làm thợ, bay đi buôn họ nghĩ hình như không phải là những nghề của người có học đáng làm. Cái quan niệm sai lầm ấy đã làm lạc hẳn đường đi của thanh niên xứ này. Trong khi thanh niên nước người đang cặm cụi trong các nhà máy, xưởng thợ, kinh doanh trên thương trường quốc tế, đã tiến bộ rất nhanh trên con đường văn minh, thì thanh niên Việt-Nam vẫn mê-muội với cái học từ chương.

Tiếng kêu gọi thanh niên quay về thực-nghiệp hiện là một tiếng gọi rất hợp thời. Lê văn Siêu trong cuốn « Thanh niên và thực nghiệp » — Hàn Thuyên xuất-bản — đã tỏi ra lời kêu gọi ấy.

„Ta có thể thu gọn những ý của cuốn Thanh niên và thực nghiệp trong 5 điều :

1) Nêu rõ tinh thần hợp hóa.

LỜI THỐNG CHẾ PÉTAIN

Vì nghĩa vụ, bản chức phải coi những kẻ buôn thầm bán lén như những người phá hoại sự thông nhất của nước Pháp.

2) Phá đổ tinh thần ỷ lại (trong việc làm, trong tư tưởng, trong đức tin).

3) Nêu rõ phương pháp định giá mọi người (bằng sự làm việc).

4) Buộc người ta phải nhận lấy trách nhiệm mình trong việc làm, trong sự chọn nghề, sự cải tạo nếu định mệnh của con cái.

5) Định rõ mục đích của sự học (học để biết mình, biết người, biết vật, biết hoàn cảnh, biết sử dụng)...

...Cuốn Thanh niên và thực nghiệp như vậy cũng giúp ích 1 phần vào cho các bậc phụ mẫu lo lắng đến sự giáo dục của con em, cho các thanh niên muốn tự xây cho mình một sự nghiệp, và cho các thức giả muốn tìm chân lý trong sự định giá người giữa xã hội.

THƯƠNG SỸ

Tin mới số 1031 ngày 7 Mai 1943

Cuộc trưng cầu ý kiến

Mới đây, bạn đồng nghiệp « Hạnh-Phúc » ở Saigon có mở một cuộc trưng cầu ý kiến về dịp truy-niệm sắp tới cụ ĐỒ-CHIỂU, tác giả tập « Lục-vân-tiên »

Muốn rõ đầu đề và thể lệ cuộc thi, xin gửi thư về M. Nguyễn-văn-Phấn, báo « Hạnh-Phúc » 617 rue Fancault, — Tân-Bình (Saigon)

Imp. Spéciale du VAN MOI
Tirage à 3000 exemplaires.
Certifié exact l'insertion
Le Gérant : LÊ VAN TRƯƠNG

Đang in

MỘT CUỐN SÁCH THỰC HÀNH

trong bộ

SỨC KHỎE MỚI

Rất cần thiết

— *cho những người mỏi-mệt yếu-đuối muốn tự mình khôi phục lại sức khoẻ của mình, không cần dùng thuốc, không cần tốn tiền.*

— *cho những người muốn tự mình điều khiển lấy cuộc đời của mình một cách thông-minh, hợp-lý, khoa-học.*

— *cho tất cả những ai muốn biến đổi đời sống của mình bằng cách biến đổi ngay thân thể mình và tinh thần mình.*

— *cho tất cả những ai đang băn khoăn, buồn rầu, bực rọc, chán nản, muốn phá vỡ cái vòng đau khổ của mình.*

Đó là cuốn :

CẢI TẠO SINH LỰC

của **P. N. KHUÊ**

Sách dầy **400** trang

nhiều công phu và kinh nghiệm

trình bầy rất rõ ràng

HAN THUYEN XUAT BAN

HAN THUYEN

ĐÃ XUẤT BẢN

P. N. KHUÊ

— **Một sức khỏe mới**

—**Nguồn sinh lực**

— **Nghị lực**

— **Óc khoa học**

(tiểu luận)

TRƯƠNG TỬU

— **Một kiếp đọa đầy**

(tiểu thuyết xã hội)

NG. ĐỨC QUỲNH

Thằng cu So

— **Thằng Phượng**

— **Thằng Kình**

(tiểu thuyết giáo dục)

— **Cốc tích loài người** (nghiên cứu)

ĐỒ PHỒN

— **Một chuỗi cười**

(tiểu thuyết trào phúng)

NG. ĐÌNH LẠP

— **Ngoại Ô**

(phóng sự tiểu thuyết)

CHU THIÊN

— **Bút nghiên**

(tiểu thuyết về thi cử)

NG. TUÂN

— **Chiếc lư đồng mắt cua** (tùy bút)

NG. ĐỒNG CHI

— **Việt nam cổ văn học sử** (nghiên cứu)

VI HUYỀN ĐẮC

— **Hai vở kịch**

(Kinh Kha và Ông Ký Cóp)

NG. BÁCH KHOA

— **Nguyễn Du và truyện Kiều** (nghiên cứu)

— **Nhân loại tiến hóa sử** (nghiên cứu)

LÊ VĂN SIÊU

— **Thanh niên và thực nghiệp**

SẮP XUẤT BẢN

P. N. KHUÊ

— **Cải tạo sinh lực**

(trong bộ Sức khỏe mới)

NG. BÁCH KHOA

—**Các nền văn minh**

(nghiên cứu)

NG. ĐỨC QUỲNH

— **Đời sống thái cổ**

(nghiên cứu)

NG. ĐÌNH LẠP

— **Ngõ hẻm**

(phóng sự tiểu thuyết)

LÊ VĂN SIÊU

— **Luân lý thực nghiệp**

71, TIEN TSIN – HANOI